VẤN-ĐỀ ẤU-TRĨ VIÊN

Hội Khai-trí tiến-đức nay đã đến thời-kỳ hoạt-động thực-hành, kỳ đại-hội-đồng mới rồi đã nhắc qua đến việc vệ-sinh cho trẻ con nhà quê, là ý muốn khảo-cứu về vấn-đề Ấu-trĩ-viên, vậy duyệt-giả chư-quân-tử ngài nào có ý-kiến gì hay mà bàn giúp việc công-ích ấy, thời xin cứ lai-cảo cho Bản-chí, Bản-chí rất lấy làm hoan-nghênh mà tuyên-bố lên báo - chương, để hội-đồng sẽ duyệt-định. Nay ông Tùng-Vân có một bài đại-luận thuộc về vấn-đề Ấu-trĩ-viên, xin lục đăng như sau này :

N. P.

.˙.

Lời kính-trình

Kính-trình quan cai-trị Marty đại-nhân xét cho như sau này :

Trình quan-lớn : Tháng trước tôi có được hầu chuyện quan-lớn ở trong nhà hội Khai-trí-tiến-đức, quan-lớn có ủy cho tôi một việc vịnh-ca ngôn-luận về sự Ấu-trĩ-viên, tôi lấy làm cảm-khích và vui lòng lắm lắm ; sau tôi có thiết-nghĩ rằng, sự Ấu-trĩ-viên, người An-Nam chúng tôi nhiều người hãy còn bỡ ngỡ chưa hiểu đầu đuôi ra thế nào ; nếu bây giờ đột-nhiên làm ngay ra thể vịnh-ca, thời sợ rằng ít người đã hiểu được mà sẵn lòng cảm-động ; bởi vì vịnh-ca là thể vận-văn, chỉ nói được đằm thắm du-dương khiến người ta thấm dần, chứ không nói được rõ ràng khúc-chiết khiến người ta hiểu ngay ; vậy nên tôi xin hãy kính-thảo ra một bài tràng-thiên ngôn-luận sau này, đem kính-trình quan - lớn trước ; trong bài luận thời tôi xin nói ra rõ ràng cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên, và cái tình-trạng trẻ con nhà nghèo ở nước Nam ngày nay, rồi nói về tính-chất Au-trĩ-viên, tinh-thần Ấu-trĩ-viên và hi-vọng Ấu-trĩ-viên, rồi lại nói cái phương-pháp thực-hành về sự Ấu-trĩ-viên, khiến cho người ta hiểu được rõ đầu đuôi, xét được rõ lợi-ích, cho cái mục-đích được rõ ràng ; sau này tôi sẽ xin đem cái ý-tứ bài này ra tôi đặt làm thể vịnh-ca, khiến cho người ta ngâm đọc mà thấm thía dần dần ; như thế thời người ta dễ hiểu, mà người ta mới có thể sẵn lòng cảm - động ; tôi thiển-kiến như vậy, không biết đã phải hay chưa ? Nay tôi có lời kính thưa với quan-lớn, xin quan-lớn xét cho, tôi đội ơn lắm lắm ! Kính-chúc tôn-an.

Nay kính trình.

Tùng Vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC
đốn thư

.˙.

Bài luận

Dân nước Nam ta đương về buổi Âu Á nhất-gia này, nói đến sự văn-minh, tính đến đường tiến-bộ, ai nấy đều chỉ biết rằng về phần hình-thức thời như nông-hội, thương-hội, thiết-lộ, ngân-hàng, mĩ-thuật, cách - trí, và các khoa-học vân vân ; về phần tinh- thần thời như thư-xã, như báo-quán, như diễn-đài và như cao-đẳng trung-đẳng sơ-đẳng các học-đường vân vân.

Còn một sự rất là thân-thiết, rất là yếu-cần, thật là một sự làm cơ-sở cho gia-quốc, làm căn-bản cho văn-minh;

mà tự trước đến nay, các hội - quán chưa thấy hội nào nghị đến, các bác-chương chưa thấy nhà nào bàn đến, các thư - tịch chưa thấy quyển nào trước-thuật đến, các văn-chương chưa thấy nhà nào ca-vịnh đến; sự đó là sự gì? Là sự Ấu-trĩ-viện.

Ngày nay khởi-xướng ra cái lời bàn Ấu-trĩ-viện, chắc có người cãi lại rằng: Trình-độ dân nước ta ngày nay, tuy rằng một nửa thuộc về phần thiếu-niên, song le còn một nửa thuộc về phần lão - đại; hẳng xem ngay như trong đám quan-trường, tuy rằng có luật-lệ mới, nhưng đã biết hết được cái nghĩa-vụ quốc-gia hay chưa? trong đám hương-thân tuy rằng có khoán-ước mới, nhưng đã biết hết được cái nghĩa-vụ xã-hội hay chưa? phái cựu-học tuy rằng có uyên-nguyên đấy thật, nhưng đã bỏ hết được cái thói cũ câu - nệ hay chưa? phái tân - học tuy rằng có minh - mẫn đấy thật, nhưng đã hấp nổi được cái cốt - tủy văn-minh hay chưa? miệng nói bảo-tồn quốc-túy, nhưng đã biết rằng bảo-tồn quốc-túy để giữ gìn lấy nòi giống hay chưa? miệng nói tự - do, nhưng đã biết rằng tự-do ở trong khuôn pháp-luật trong vòng đạo-đức hay chưa? sách vở đua nhau xuất-bản, nhưng đã đủ làm bổ-ích cho xã-hội hay chưa? thực-nghiệp đua nhau chấn-hưng, nhưng đã đủ mà cạnh-tranh với ngoại-hóa hay chưa? cái cuộc bán-văn bán-dã, bán-thiếu-niên bán-lão-đại này, khi mở mang khi sửa đổi, còn phải gây giùm bao nhiêu công-cuộc, phí-tổn bao nhiêu công-phu; đâu đã hạ-cập đến những bọn trẻ thơ kia, mà hi-vọng đến những cái mục-đích cao xa vậy; nay bàn đến sự Ấu-trĩ-viện, kể cũng là văn-minh đấy thật, nhưng thiết-tưởng cũng là vu-khoát.

Tôi xin thưa lại rằng: Cái vấn-đề bảo-hộ và giáo-dục cho anh - nhi, là cái vấn-đề thiết-yếu của loài người; không những ở các nước văn-minh bên Thái-tây ngày nay, nước nào cũng cho là cần - kíp mà hết lòng khuếch-sung, thành-thị hương-thôn, nơi ấy nơi khác, đều có thực-hành và có thực-hiệu; mà ở trong kinh-điển bên Á-đông ta khi xưa, thánh hiền cũng đã từng có giảng qua đến cả; như những câu rằng: «*Đồng tử thường thị vô cuống*» Nghĩa là những đứa trẻ con khi bình - thường ở nhà chớ nên dạy cho chúng nó những điều nói dối. Lại câu: «*Đồng tử bất ý cừu thường.*» Nghĩa là trẻ con nên ăn mặc cho thích - đáng gọn - gàng, chớ nên cho chúng nó mặc áo lông cừu mặc xiêm quá ấm quá rườm-rà, để bại cho phép vệ-sinh. Và câu: «*Giáo-tử anh-hài*». Nghĩa là dạy con thì nên dạy từ thủa lên ba, dạy ăn dạy nói dạy cho thật-thà thảo-ngay. Mấy câu kinh-điển giản-đơn như vậy, xem ra cũng đủ cả đức-dục và thể-dục mọi điều; thánh hiền phương Đông ta khi xưa không phải là không cần-thiết về sự giáo-dục nhi-đồng; duy, cái phạm-vi đó, chỉ là mới để làm sự giáo-dục riêng cho một gia-đình, chưa khuếch-sung gì đến sự lợi-ích chung cho khắp cả xã-hội.

Các nước văn-minh bên Thái - tây, đã từng sáng-lập ra Ấu-trĩ-viện, chuyên về một sự bảo-dục cho anh-nhi; kẻ thì giúp của, người thì giúp công, kỹ cho anh-nhi trong một xã-thôn đều có nơi mà nhờ cậy, đều có chốn mà vui chơi, làm sự ích chung cho khắp một xã-hội; cái phạm-vi từ-ái rộng lớn biết là dường nào! mà cái cơ-sở gây đúc nên tư-cách cho quốc - dân, lại vững vàng biết là dường nào!

Nay cái tinh-chất Ấu-trĩ-viện, cái tinh-thần Ấu-trĩ-viện, và cái hi-vọng Ấu-trĩ-viện, lại cái phương-pháp thực-hành về sự Ấu-trĩ-viện ở nước ta ngày nay thế nào? tôi cũng xin thứ-đệ mà tôi giãi bày ra như sau. Song, tôi hẳng xin

trước hết tôi kể ra cái tình-trạng ấu-trĩ ở nước ta ngày nay, để cho những người có cảm-tình với quốc-dân, có từ-tâm với nhân-loại cùng nghe, thời cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên ở nước ta ngày nay, thân-thiết dường nào! cần-kíp dường nào! xem qua khắc hiểu.

Xin nói về tình-trạng ấu-trĩ ở nước ta ngày nay:

Nay xét qua cái tình-trạng ở hương-thôn các nơi, đứa trẻ-con những nhà giàu-có, sớm có vú già, chiều có vú trẻ, không phải đi đâu ra đến khỏi cửa; nhưng xét ra cũng chỉ là bề ngoài sung-sướng đấy thôi; chẳng qua miếng ăn được ngon-lành, đồ mặc được lành-lẽ, cái mặt được sạch-sẽ, cái da được trắng-trẻo, cái thịt được phồng-pháp hơn con nhà nghèo đấy thôi; chứ cầu lấy phần giáo - dục ở trong gia - đình những đứa trẻ-con ấy, chưa chắc đã được chân-chính hoàn-toàn, mai sau những đứa trẻ-con ấy kết-quả ra thế nào, cũng chưa dám chắc. Song, những đứa trẻ-con nhà giàu-có kia, dù có khiếm - khuyết, chỉ khiếm - khuyết về đường gia - đình giáo - dục mà thôi, không phải quan-hoài chi lắm; duy, cái số trẻ-con những nhà giàu-có kia, thực là số rất ít; mà cái số trẻ - con những nhà nghèo-khổ nọ, lại là số rất nhiều.

Thương-tâm thay đứa trẻ-con những nhà nghèo-khó! thảm-mục thay đứa trẻ-con những nhà nghèo-khó!

Nhà cửa chúng nó chật-hẹp như cái tổ chim, cha mẹ chúng nó lầm-than đi gánh mướn làm thuê, cái đời cha mẹ chúng nó là cái đời đầu tắt mặt tối, cái kiếp cha mẹ chúng nó là cái kiếp đi sớm về hôm; lại những khi ngày ba tháng tám, đương buổi giáp - hạt, không có việc làm, hễ ngày nào không có việc làm, thì ngày ấy không có bữa ăn; vậy sớm ngày trở dậy, phải vác cái rậm, hoặc xách cái rổ, đi ra ngoài đồng; khi thì trời nắng chang-chang, khi thì trời rét như cắt, tò - mò dầm - thầm, hết cái chuôm nọ sang cái đầm kia, hết bờ ruộng này sang bờ ruộng khác, để tìm kiếm lấy con cua con ốc, cái tép cái tôm; chừng độ quá trưa, ngửa mặt lên trời, trông thấy mặt trời đã xế, dù được nhiều được ít, phải hộc-tốc chạy ra chợ ngay, bán về buổi chợ chiều, may ra được năm xu hay được ba xu, mới vào hàng gạo, kén thứ gạo nào thật đen thật hẩm, mà lại giã dối, được hơi nới giá, mới dám đong. ngửa vạt áo ra bọc lấy; rồi lại ra đầu chợ chọn lấy những mớ rau già héo không ai mua đến, mới dám bỏ ra năm ba đồng tiền kẽm mua lấy một vài nẹn to, hay hoặc buồng chuối xanh quả mít xanh, để đem về ăn độn với gạo.

Lại những nơi đồng-điền khô ráo, ít vũng ít đầm, ngày ba tháng tám, không có thể kiếm được thức gì nữa; chồng thì đi phương khác tìm việc cu-li, vợ thì ở nhà sớm ngày cắp thúng cắp mẹt ra chợ, nhờ những người quen thuộc lấy một vài hào vốn, buôn những thức nhỏ-nhặt, như quả mơ, quả mận, đùm mắm đùm muối, mớ rau mớ cà, mớ khoai mớ cám vân vân, ngồi đầu chợ bán lẻ, đến chiều lại phải nhặt vốn trả người, may ra đắt hàng cũng được vài ba xu lãi.

Lại những khi tháng năm tháng mười, mùa-màng vừa xong, vừa hết việc làm; cái tiền người ta trả công cho mình, còn phải đem ra đóng góp với xóm với làng, những việc rào đường đắp ngõ, tuần-tráng canh-phòng, kỳ-yên, cơm-mới, giầu- lão. xôi-lễnh, vân vân; vợ chồng mới bảo nhau ra ngoài đồng mót lấy những hạt thóc rơi, những củ khoai sót, đem về vợ chồng con cái nhá nhầm cho qua tháng qua ngày.

Cái tình-trạng những nhà nghèo-khó như vậy, thế thời đứa trẻ-con những nhà nghèo khó ấy, ai là người chăn-dắt? ai là người dạy-dỗ? ai là người coi-sóc trông nom? cho nên những đứa trẻ-con nhà nghèo khó kia, anh nào em nấy, chị nào em nấy; hoặc lên ba lên bốn, hoặc lên năm lên sáu, hoặc lên bảy lên tám, hoặc bồng-bế nhau, hoặc rủ-rê nhau, hoặc năm bảy đứa, hoặc chín mười đứa, hoặc hai ba mươi đứa, hoặc ở nơi đầu đình xó chợ, hoặc ở nơi cầu quán tha-ma, hoặc ở đầu cổng làng, hoặc ở giữa đường cái; hoặc lê-la lấm-láp, chơi bẩn chơi thỉu; hoặc đùa nhau vật nhau, chạy nhung chạy nhăng; hoặc cãi nhau chửi nhau, khóc nhếch khóc nhác; đứa thì chân tay đen dỉu; đứa thì mũi-dãi gớm ghê; đứa thì mặc áo không mặc quần; đứa thì mặc quần không mặc áo; đứa thì lên hai lên ba, bỏ deo bỏ lẹo; đứa thì lên bảy lên tám, vưỡn còn tồng - ngồng; đứa thì ghẻ-gúng khắp mình khắp mẩy; đứa thì mụn dọt đầy mặt đầy đầu; đứa thì mắt toét sơn-son; đứa thì trôn niêu mặt nhọ.

Rồi đua nhau chơi nghịch những trò dại, nặn đất bùn vật xuống làm pháo đền, rồi bùn đầy lên mặt; nhặt tiền sành tung lên đánh chắn, rồi sành sát vào tay; khoét hố đánh khẳng-que khẳng bật lên, sứt tay sầy mắt; trèo cây bắt chim, sa cành ngã xuống, què chân què tay.

Lại còn mấy điều thật là nguy-hiểm cho tính-mệnh trẻ-con lắm nữa; những mùa thanh bông hoa quả, trẻ-con chơi xó chơi xỉnh, vít cỗi vin cành, ăn phải quả độc không ai biết; lại như những nơi giếng sâu ao vắng, hay hoặc đầm xa, hoặc lững-thững đi chơi một mình, hoặc đua nhau xuống lội xuống tắm, sẩy ra chết đuối lúc nào không ai hay; lại con trâu con ngựa khi nó chạy nó lồng, đứa trẻ-con thơ-thẩn ở giữa đường cái, lỡ ra cũng không phải là sự chơi.

Lại có một thứ người nó hay dỗ trẻ-con bắt trẻ-con nó đem bán đi nơi khác, để nó kiếm lấy năm ba đồng bạc, tục gọi là mẹ mìn, ở nhà quê thường có người mất con vì thế; lại khi chúng nó ươn sải hay hoặc mùa đậu mùa sởi, tiền đâu mà thầy mà thuốc, ai giữ gìn cho ai coi-sóc cho mà kiêng mà khem, thậm chí có đứa trẻ-con lử-thử lừ-thừ, vưỡn tật vưỡn bệnh, mà vưỡn đi chơi đường chơi xá, chơi nắng chơi mưa.

Nói về thân-thể đứa trẻ con nhà nghèo đã đau đớn lắm rồi! nói về trí-đức đứa trẻ-con nhà nghèo, lại thê-thảm lắm nữa!

Xem ra chúng nó chơi với nhau từng đàn từng lũ tuyệt-nhiên không biết cái yêu nhau là cái gì; chỉ thấy đứa nọ chành-chọi với đứa kia, chơi với nhau đấy, đánh nhau chửi nhau đấy; cái sự cầm đất cầm gạch ném nhau đuổi nhau là cái sự thường, cái lời gọi tên bố tên mẹ nhau ra chửi là cái lời quen, thật là hỗn-hào, thật là lếu-láo, thật là dại-dột, thật là u-mê; thằng bé con-con kia, đã hiển-nhiên là con nhà hạ-lưu, con nhà vô-giáo-dục rồi, khó có thể uốn lại được nữa; ví bằng mai sau có đem chúng nó vào trường học nào, vào thụ-nghiệp ông thầy nào chăng nữa, thôi cũng đành như câu « học trò năm bảy đứa, nửa người nửa ngợm nửa đười ươi »; chỉ làm khổ người dạy-bảo đấy thôi, mong gì tấn-tới nữa, mong gì là quốc-dân nữa.

Chao ôi! Những đàn ấu-trĩ kia, có phải là con rồng cháu tiên đấy không? có phải là đứa trẻ sinh ra ở nhị-thập thế-kỷ hội văn-minh này đấy không? sao trơ vơ vậy? sao dơ duốc vậy? Những người quan sang, những người giàu có nọ, có phải là người chung một nước đấy không? có phải là người cùng tai cùng mắt cùng tim cùng dạ đấy không? sao hững-hờ vậy? sao lạnh-lẽo vậy?

Nay xin nói về tính-chất Ấu-trĩ-viên :

Ấu-trĩ-viên là cái vườn chung để bảo-hộ và giáo - dục cho những đứa anh-nhi trong một xã-hội.

Phàm trẻ con trong một làng, từ lên ba lên bốn đã biết nói biết đi, đã qua khỏi cái vòng người mẹ bú mớm ẵm bế ở trên tay, người khác có thể thay quyền cha mẹ nó mà chăn dắt dạy dỗ được; cho đến lên sáu lên bảy, khi chửa vào tràng học; vô-luận nhà giàu nhà nghèo, nhà sang nhà khó, nhà nào cũng được ngày ngày đem con gửi vào nơi công-viên ấy, để mà hấp-thụ lấy cái không-khí văn-minh và cái ảnh-hưởng giáo-dục.

Vườn thời chọn lấy một nơi sáng sủa rộng rãi và mát mẻ sạch sẽ ở giữa làng, như nơi đình chùa ta vậy; trong vườn thời có cây có hoa, có vùng cỏ phẳng, có đường đi quanh ; có cửa có nhà, để làm chỗ nghỉ ngơi; có bể nước sạch, để làm nơi tắm rặt; xung quanh lại có rào sắt hoặc rào nửa rào cây, và có cổng có khóa hẳn hoi.

Trong nhà thời bày đủ những đồ vệ-sinh cho trẻ con, và mọi thức đồ chơi có ích về đường khải-phát trí-thức và khải-cáo nghĩa-vụ cho trẻ con; như những đồ quần áo trẻ con, giường ghế trẻ con, xe chóng trẻ-con vân vân ; và những đồ dả-hình: cái thoi cái thước, cái cầy cái bừa, cái đấu cái cân, cái khung-cửi, và con gà con lợn, con chó con trâu, các loài gia-súc bằng bông bằng vải, và thằng bé con bằng cao xu, lại bức địa-đồ giản-dị, bức tranh nhân-vật đơn-sơ, và quyển sách to lớn đẹp đẽ, trong sách thời vẽ cái bút cái hộp mực, lũ học trò, cái nhà trường, cái cây cái hoa, con thú con cầm, mặt trời ông sao, các sắc cờ các nước, vân vân.

Ngoài vườn thời lại có cái sân đá cầu sạch sẽ phẳng-phiu, cái cây đu thấp bé, để làm mọi sự thể-thao cho trẻ con.

Coi sóc trong cái vườn ấy, thời phải kén lấy một hai bà bảo-mẫu là người có tư-cách và có từ-tâm ; và một hai người đàn bà tầm-thường khỏe mạnh, để cung những việc sai khiến.

Trách - nhiệm bà bảo - mẫu thời chuyên về việc chăn dắt và dạy dỗ những lũ trẻ con ; sớm ngày thời phải thừa-nhận và ghi nhớ lấy những trẻ con ở các nhà đem ra, chiều đến thời phải điểm-kiểm những trẻ con ở trong vườn, rồi giao cho bố mẹ chúng nó đem về.

Trong một ngày, đến giờ chơi thời cho trẻ con chơi, đến giờ ngủ thời cho trẻ con ngủ, đến giờ ăn quà thời cho trẻ con ăn quà, đến giờ tắm rặt thời thay quần thay áo cho trẻ con, sai người tắm rặt cho trẻ con, ngày ngày đều như vậy.

Trong vườn lại có chữ sẵn thứ thuốc giản-dị vệ-sinh, như thuốc đau mắt thuốc ghẻ, thuốc đau bụng, thuốc sốt, thuốc đi rửa không lành dạ vân vân; các bà bảo-mẫu cũng phải hơi hiểu cái phép-tắc vệ-sinh, gặp đứa nào có bệnh, cũng phải biết đường cho thuốc, và biết cách kiêng-khem.

Các bà bảo-mẫu lại phải thường-thường vỗ-về thân-ái nói trò nói chuyện với đứa trẻ con, rõ ra người từ - mẫu đối với kẻ anh-nhi vậy.

Cái công-lao trong Ấu-trĩ-viên thời ở các bà bảo - mẫu, cái nghĩa - vụ ở trong Ấu-trĩ-viên thời ở các người có tư - bản có thế - lực và có hằng-tâm trong các hội các làng ; một bên giúp công, một bên giúp của, đôi bên hợp lại, thời cái tinh - chất Ấu-trĩ-viên tổ-chức mới thành ; cho nên sự Ấu-trĩ-viên thực là một sự công-đức lớn-lao ở trong xã-hội.

Rồi xin nói về tinh-thần Ấu-trĩ-viên

Các người có tư-bản thế-lực và các bà bảo-mẫu khi tổ-chức nên Ấu-trĩ-viên, không phải là những sự làm phúc mà thôi đâu ; các người có con khi đem con ra Ấu-trĩ-viên, cũng không phải là chỉ sự nhờ người được rảnh tay để tiện cho việc lao-động của mình mà thôi đâu ; phải biết rằng ở trong ấy có cái tinh-thần thuộc về quốc-dân giáo-dục, mà là một sự làm căn - bản cho văn-minh, làm cơ-sở cho gia-quốc vậy.

Này thí-dụ như cái măng kia khi nó mới nhú lên mặt đất, đã chắc rằng mai sau nó có thể đội khoảng trời xanh, cao lên chót-vót ; con gà kia khi nó mới xuống ổ, đã chắc rằng mai sau nó có thể đứng trên trái đất, gáy được te-te ; nhưng mà, cái măng kia khi nó còn non, nó gặp phải cái gì làm trở-lực, thế tất nó phải cằn-cỗi mà ong-oeu ; con gà kia khi nó còn bé, nó gặp phải cái gì làm trở-lực, thế tất nó cũng phải sắt-siu mà xờ-xạc ; nay muốn cho cây trúc kia cao-lớn tốt-tươi, thời phải tài-bồi uốn-nắn từ thủa còn non ; muốn cho con gà kia tốt đẹp nhanh-chao thời phải chăm-chút coi nom từ thủa còn bé ; cái lẽ bảo-hộ cho anh - nhi, giáo - dục cho anh-nhi cũng vậy.

Đứa trẻ-con kia tuy rằng sinh sau đẻ muộn, máu đầu chưa ráo, hơi sữa còn hoi, chửa biết chi chi cả ; nhưng mà biết giữ-gìn dạy-dỗ cho khéo ra, rồi mai sau chúng nó lớn lên một ngày, hay lên một chước, cũng có thể làm được người xứng - đáng là quốc-dân, vẻ-vang cho xã-hội, ích-lợi cho quốc-gia ; nếu bỏ hư bỏ hoài, bỏ dại bỏ dột, không ai giữ-gìn cho chúng nó, dạy-dỗ cho chúng nó ; thì chúng nó mấy nỗi mà chẳng hóa ra người mường người mọi, người da đen ở Nam - phi, người da đỏ ở Bắc - mĩ, người da xám ở quần-đảo xứ Nam-dương.

Lạ chi « Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài » ; nghĩa là tập-nhiễm thì tính thành, tập về sự dở thì được dở, tập về sự hay thì được hay ; đứa trẻ-con cái hồn nó còn tự-nhiên, cái tính nó còn thuần-phác, tập-nhiễm lại càng dễ lắm.

Cho nên các bà bảo-mẫu không những nên đủ cái tư-cách vệ-sinh cho trẻ-con mà thôi, lại nên đủ cái tư-cách vun nuôi trí - đức cho trẻ-con nữa mới được ; đứa trẻ-con tự lên ba lên bốn đến lên sáu lên bảy, tuy rằng chưa vào trường-học, chưa cầm quyển sách, nhưng khi chúng nó ở trong Ấu-trĩ-viên, trong mười một mười hai giờ, trừ những giờ chúng nó ăn, chúng nó ngủ, chúng nó tắm, chúng nó thể-thao, và những giờ xem xét tật-bệnh chúng nó, cho chúng nó thuốc không kể ; còn thời cái tinh - thần giáo-dục cũng không nên để khiếm-khuyết giờ nào.

Vậy các bà bảo - mẫu nên thường thường vỗ về trò-chuyện với lũ trẻ-con, dạy chúng nó những điều thờ cha kính mẹ, yêu chúng yêu bạn, yêu anh yêu em ; dạy chúng nó cách ăn-mặc, cách nói-năng, dạy chúng nó đi, dạy chúng nó đứng, dạy chúng nó lễ-phép.

Những lúc giong-chơi, trông thấy con quạ nó kêu, thời nói cho chúng nó nghe cái tình mẫu-tử ; trông thấy đàn kiến nó trầy, thời nói cho chúng nó nghe cái nghĩa quân-thần ; trông thấy con oanh nó học nói ở trên cành, thời bảo chúng nó rằng thế là nó nhắn nhe với bè bạn đấy ; thấy con tằm nó nhả tơ ở trong né, thời bảo chúng nó rằng thế là nó báo đền cho xã-hội đấy, vân vân ; để xúc-phát cho nhi-đồng lấy cái linh-tính và cái cảm-tình.

Nói chuyện với con trai, thì nên nói những chuyện đi học, đi cày, đi lính, vân-vân ; nói chuyện với con gái, thì nên nói những chuyện canh-cửi, thêu-

thủa, chăn-tằm, nuôi-con, và đi học, vân vân; khiến cho chúng nó biết rằng ngày sau lớn lên đều có nghĩa-vụ.

Lại thường - thường đem những chuyện hay chuyện có thú-vị và giản-dị của tổ-tiên ở trong lịch-sử, và những chuyện vắn-tắt nói về hiếu-tử trung-thần nghĩa-phu tiết-phụ người đời xưa, nói chuyện cho chúng nó nghe; lại chọn lấy những câu ca-dao dễ-dàng, như câu phương-ngôn, hay hoặc câu chuyện cổ, câu nào có ý-vị về đường luân-lý, có lợi-ích về đường làm-ăn, dạy cho chúng nó thuộc lòng, để khi chúng nó đua-đả vui chơi chúng nó đọc chúng nó hát.

Như vậy thời cái mắt chúng nó không khi nào trông thấy sự ác, cái tai chúng nó không khi nào nghe tiếng lời càn, cái miệng chúng nó không khi nào nói đến câu nhảm, cái chân cái tay chúng nó không khi nào đùa-nghịch đến những sự dại-dột giông-dài.

Thằng bé con kia, tuy chửa khôn-ngoan nhưng đã có cái nếp sẵn khôn-ngoan; tuy chưa đứng đắn, nhưng đã có cái nền sẵn đứng đắn; khi chúng nó đến tuổi được vào trường-học, ông thầy chẳng qua tô-điểm cho tăng-mĩ, dẫn-tiến cho cao-minh, khải-phát cho rộng rãi, rèn-cặp cho cứng-cáp mà thôi; ví như sẵn tờ giấy trắng đó, người thợ-vẽ cứ liệu cái thể đậm nhạt mà vẽ với; sẵn cây gỗ tốt đó, người thợ-chạm cứ tùy cái hình nhỏ to mà đục gọt; nếu không thế, thời ví như tờ giấy đã đen rồi; cây-gỗ đã mục rồi, người thợ-vẽ người thợ-chạm dù tài khéo đến đâu, cũng không có thể nào mà làm nên bức-tranh gọt nên nét chạm được nữa.

Xem như vậy, thì công-đức bà bảo-mẫu, dày nặng kém gì ông giáo-sư; mà cái sự bỏ tiền bỏ của ra để tổ - chức lấy Ấu-trĩ - viện cần - kíp kém gì sự trường-học.

Cổ có câu rằng: « Gia-đình hữu-phúc khán nhi-tôn » gia-đình có như vậy, xã-hội khác gì đâu; cho nên phàm đến chơi làng nào, chớ thấy đình chùa đẹp, cổng ngõ sang, các ông hương - chức hách-dịch, các cô thiếu - nữ mĩ-miều, các cậu công-tử ăn mặc văn-minh, các ông phú-gia tiền bạc xủng - xoảng, mà đã vội mừng, mà đã vội khen; chỉ thấy làng nào những đứa trẻ-con mặt mũi nó sáng sủa, áo quần nó sạch-sẽ, thân-thể nó mạnh-khỏe, ý-tứ nó lễ - phép, thì biết rằng giáo-dục làng ấy có cách tinh-thần, nội - dung làng ấy có cơ thịnh-vượng, mà cái nền hạnh - phúc của làng ấy cũng có lẽ được vững-bền và lâu-dài.

Lại xin nói qua về hi-vọng Ấu-trĩ-viện:

Con người ta sinh ra ở đời chắc là phải trải qua bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu học - thuật, bao nhiêu thực-hành rồi kết-quả mới có sự - nghiệp; nay bàn về sự bảo - dục những đứa trẻ - con mới lên bảy lên ba ở trong vườn ấu-trĩ, mà đã vội nói đến cái hi-vọng rõ ràng, thời cũng là quá phần rộng-rãi và quá phần cao-xa; vậy tôi chỉ xin kể ra một hai chuyện danh-nhân thủa xưa thuộc về tinh-thần trẻ-con, để chứng-giải qua về sự hi-vọng của loạt ấu-trĩ, cho biết rằng có mục-đích thì có hi-vọng, chứ không phải là sự viển-vông.

Đời Tống khi xưa có ông Tống Kỳ, Tống Tường hai anh em, thủa bé lững-thững đi chơi, trông thấy một cái tổ kiến rơi xuống giữa vũng nước, cái tổ thì vỡ-lở cả ra, đàn kiến thì dúm-dít nhau lại, chìm-chìm nổi-nổi, ngoi-ngáp lao-đao, xem ra vạn phần nguy-hiểm, vạn phần thê-thảm; hai cậu bé con kia, lòng đâu sẵn mối thương-tâm ra tay tế-độ, vớt lũ trầm-luân; mới cùng nhau tìm mấy cái que khô, nối lại bắc làm cái phù-kiều, cho đàn kiến leo lên cạn; đứng chờ ít lâu, mấy mươi ức vạn con kiến toàn-hoạt được

cả ; về sau hai cậu bé con lớn lên, đều đỗ Trạng-nguyên đều làm Tể-tướng, giúp vua Tống-Nhân-tôn nên cái sự-nghiệp thái - bình ; ở trong Tống-sử vưỡn thịnh-truyền về cái sự-tích độ-nghĩ-kiều.

Kẻ thiền-thức cho là sự báo-ứng ; nhưng xét ra đứa trẻ-con đã có cái bản-tâm nhân-từ, lại có cái thủ-đoạn thực-hành như vậy, chắc không phải là đứa trẻ con tầm-thường ; phải biết rằng cái sự-nghiệp thái-bình ngày sau, thực là căn-bản ở cái lương-tâm phù-kiều độ-nghĩ ngay trước.

Lại có một ông kiêm đủ cả văn-học-gia, đạo-đức-gia, chính-trị-gia, quân-sự-gia, bốn gia tư-cách, là ông Phạm Trọng-Yêm ở đời Tống khi xưa ;thủa ông còn bé, cùng với lũ trẻ con chơi đùa, thi nhau tập đá cầu, chẳng may quả cầu lăn vào trong cái hốc cây to, mà cái hốc cây ấy vừa sâu vừa ngóc-ngoách tối om om, không thể sao lấy ra được ; những đứa trẻ con khác ngẩn-ngơ xi xụt, đành là mất ; khen thay cậu bé con kia thông-minh dường nào, phát-minh ngay được một lẽ trọng-học, liền đem thí-nghiệm ngay; mới rủ những đứa trẻ con khác cùng nhau lấy thùng đi khiêng nước, thùng này thùng khác đổ mãi vào hốc cây; ít lâu nước giềnh lên thăng-bằng với mặt đất, tự - nhiên thấy quả cầu ở trong hốc cây trôi ra; rồi về sau cậu bé con ấy lớn lên, cũng quan trong năm bảy tháng, quan ngoài tám chín năm, ở triều-đình thì triều-đình hay, ở biên-quận thì biên-quận trọng, làm một vị vĩ-nhân ở đời Tống.

Cậu bé con ấy bé tí-ti, mà đã có trí-tuệ khác người, chắc là ngày sau có danh tiếng hơn người ; cho mới hay cái sự - nghiệp vĩ-nhân, có thể chưng-nghiệm ngay được tự thủa đồng-ấu.

Hai chuyện đó, một chuyện thuộc về đứa trẻ con có nhân-từ, một chuyện thuộc về đứa trẻ con có trí-tuệ ; rồi về sau đều có sự-nghiệp lớn-lao, có danh-dự quí-báu ; coi vậy thì cái phần hi-vọng về mai sau của trẻ-con, không còn mập mờ gì nữa.

Song, hai sự đó là sự đứa trẻ - con đặc-biệt, chứ không phải là sự đứa trẻ con thông-thường ; đặc-biệt nghĩa là một nửa thuộc về giáo-dục, một nửa thuộc về thiên-tính ; thông - thường nghĩa là chỉ cầu lấy giáo-dục cho phổ-thông ma thôi ; nay cái tinh-thần Ấu-trĩ-viên, là cái tinh-thần quốc-dân giáo-dục; cho nên cái mục-đích Ấu-trĩ-viên, lại sở-qui về nghĩa thông-thường, cho số nhiều được phổ-cấp ; cốt là khiến cho trẻ con nhà nghèo khắp trong một nước đều được hưởng cái hạnh-phúc văn-minh, mà mong về sau thu lấy cái hiệu-quả toàn-quốc được thịnh-vượng; người xét về sự Ấu-trĩ-viên, lại nên hiểu cho lẽ ấy.

Và xin nói về phương-pháp thực-hành sự Ấu-trĩ-viên ở nước ta ngày nay :

Phàm người đời xướng-lập ra cái mục-đích gì,sơ-đầu còn thuộc về mộng-tưởng, mộng-tưởng rồi mới suy-khảo, suy-khảo rồi mới nhận-chân, nhận-chân rồi mới thực-hành ; sự Ấu-trĩ-viên này, các nước văn-minh bên Thái-tây đã từng sáng-lập, cái mục-đích đã trông thấy rõ-ràng, cái hiệu - quả đã trông thấy tốt-đẹp ; dân nước ta nhờ có qui-quốc sang Bảo-hộ, đem những mầu văn-minh ở Thái-tây, thực-hành truyền-bá cho nước ta ; dân nước ta ngày nay đối với cái mục-đích Ấu-trĩ-viên, thực không phải là còn thuộc về mộng-tưởng, mà phải đợi suy-khảo gì nữa ; chỉ nhận-chân lấy cái tính-chất Ấu-trĩ-viên, cái tinh-thần Ấu-trĩ-viên, mà đem cái từ-tâm thiện-niệm và cái nhiệt-thành nghị-lực của mình ra, để

tính về phương-pháp thực - hành mà thôi.

Bắt đầu mới khởi-lập ra Ấu-trĩ-viên, trước nhất phải tìm một nơi công-thổ phỏng năm bảy sào hoặc một vài mẫu (sào mẫu An-nam) ở giữa làng; đệ-nhất là nhất-tân biệt-lập ra được; thứ hai thì hoặc là nhân tiện những nơi gần đình gần chùa, có thể mượn tạm đôi bên dải-vũ hoặc đôi bên hành-lang để làm cái nhà Ấu-trĩ, cho đỡ kinh-phí; đến như những nơi tam-bảo nơi đại-đình, thời không nên nhân tiện lấy đó làm chốn trẻ con chơi, sợ rằng xâm-phạm đến cách tôn-nghiêm của thần-quyền của tôn-giáo; lại không nên ở nơi gần chợ, bởi vì chợ là một nơi ồn-ào lộn-xộn, trẻ-con nhà-quê thường hay hư hỏng về nỗi ở gần chợ; vả lại cái không-khí ở chợ thường không được tốt-lành, không hợp với cách vệ-sinh, không phải là nơi chăn trẻ.

Rồi kén lấy tư - cách các bà bảo-mẫu; xét ra người đàn-bà An-Nam, cái tư-cách bảo - mẫu vị-tất đã được nhiều người; nhưng mà cầu lấy tư-cách hoàn-toàn như các bà ở các nước văn-minh thời mới khó, chứ cầu lấy tư-cách thông-thường thuộc về nhất-sơ thảo-sáng, thời cũng không khó gì; chắc là các bà phải trải qua một phen học-tập qua loa lấy những điều giản-đan mẫu-phạm một vài tháng, rồi mới có thể biết cách mà thực - hành; chỉ sợ các bà không có từ-tâm, không chịu khó thừa-đương lấy trách - nhiệm mà thôi; nếu các bà có lòng từ-thiện, mà chịu khó thừa-đương lấy trách-nhiệm cù-lao, thì các bà ở các nước văn-minh bên Âu - châu, cũng chẳng qua như vậy; song, các bà lại phải hiểu cho rằng, sự đó là sự danh-dự, là sự làm mẹ cho lũ trẻ ngày nay, tức là sự làm mẹ cho quốc-dân ngày sau; như bà tổng, bà bá, bà cử, bà tú, hoặc bà hưu-quan, hoặc những bà phú-hộ, các bà thượng - lưu ở trong làng, trời cho đã được thuận - cảnh, đã được đến tuổi thanh-nhân, cũng nên vui lòng thực-nhận lấy trước, để những người đàn - bà thuộc về hạng trung-lưu ở trong làng trông vào nức lòng mà vui việc; vả lại thường thấy các bà ở nhà quê hay đi chùa niệm Phật, sẵn có lòng phúc-đức, sẵn có lòng từ-bi; sự này, so phần phúc-đức, gấp mấy những sự làm đình, làm chùa, đúc chuông, tô tượng; mà so phần từ-bi, cũng gấp mấy những sự phóng - sinh cho đàn cá, phóng-sinh cho đàn chim.

Đến như khoản chi-phí về việc Ấu-trĩ-viên: vườn thời đã có công-thổ của công-dân đã đành; còn thời nào là nhà, nào là bể, nào là công-trình vật-liệu sửa-sang cái vườn, và các đồ thập-vật ở trong vườn, tính ra cái số rất ít cũng phải tốn hết vài ba trăm đồng-bạc trở lên (kể một cái vườn); nhưng đó chỉ là chi-phí về hồi nhất-sơ kiến-lập mà thôi, còn thời như tiền lương các người bảo-mẫu, và tiền quần áo trẻ-con, tiền sá-phòng, tiền thuốc chữa bệnh vặt trẻ-con, tiền quà trưa cho trẻ-con, trong một tháng chi-phí cũng đến bốn năm chục đồng-bạc; tiền ấy lại là tiền thường - kế, năm năm, tháng tháng, ngày ngày như vậy; thực cũng là một khoản chi-phí lớn và lâu dài trong các xã-thôn.

Than ôi! xưa nay ở đời thường có lắm việc biết hẳn là có ích chung với xã-hội, có lợi lớn với nhân-quần, mà chưa có thể thực-hành đi được; là vì một cây gỗ không chống nổi được cái nhà to, một miếng da không chế nổi được tấm áo cừu; thực chỉ là vì những người có tư-bản có thế-lực ở đời, ít người có công-đức có công-tâm.

Cái thói hủ-bại xưa kia, những người có của, chỉ biết lợi nhỏ và cái ích riêng, ít có người biết đến nghĩa danh-dự, hiểu đến nghĩa quốc-dân;

tuy có lòng nhân-từ, nhưng không biết suy ra làm những việc nhân-từ rộng rãi ; tuy có lòng phúc-đức, nhưng không biết tính ra làm những việc phúc-đức lớn lao.

Dân nước ta ngày nay, cái phong-trào văn-minh đã thấy một ngày một bành-trướng ; những người có tư-bản có thế lực, đã thấy có nhiều người vui vẻ về đường-danh-dự, bàn nói đến nghĩa quốc-dân ; tôi chắc rằng cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên này xướng-luận ra đây, thích-hợp với lương-tâm từ-ái của các ông, và thích-hợp với phong-trào văn-minh ở ngày nay lắm lắm.

Nay tính ra cái vấn-đề cần thiết cái công-quả lớn lao ấy làm thế nào cho chóng tới được mục-đích mà có thể thực-hành ?

Tôi thiết-nghĩ rằng, mong về cá-nhân, không bằng mong về công-hội ; bởi vì công-hội là nơi công chúng, đã có đoàn-thể, đã có qui-tắc, trên đủ cái tư-cách thừa đối với quốc-gia, dưới đủ cái thế-lực vận-động cho xã-hội ; những người có tư-bản ở trong hội thì giúp tiền giúp của, những người có chức-quyền ở trong hội thì giúp thế giúp lực ; như vậy thời cái mục-đích Ấu-trĩ-viên, mới chắc có thể mau mau mà thực-hành ra được.

Nay muốn thực-hành, trước hẵng thực-hành lấy một hai làng, để làm cái khởi-điểm cho sự Ấu-trĩ-viên, cho đây đó trông vào, rồi thứ-đệ khuếch-sung ra nơi khác ; song, bắt đầu phải chọn lấy những làng nào đã cải-lương rồi, đã hơi biết cái mầu văn-minh, đã hơi đủ cái tư-cách đối phó với bản-hội ; rồi bản-hội sẽ bày ra phương-pháp giúp đỡ cho, và nhận lấy trách-nhiệm quản-cố cho ; thời cái qui-tắc Ấu-trĩ-viên mới có thể giữ gìn được ông-chuốt, mà cái cơ-sở Ấu-trĩ-viên mới có thể thành-lập được vững vàng.

Tháng trước quan Marty đại-nhân có ngỏ lời nói chuyện với tôi về việc Ấu-trĩ-viên ở trong nhà hội Khai-trí-tiến-đức, ý ngài thương xót những lũ trẻ con nhà nghèo An-Nam chưa được hưởng cái hạnh-phúc văn-minh ; ngài muốn diên-hợp các bạn đồng-chí ở trong Hội, thực-nhận và thực-hành lấy việc Ấu-trĩ-viên, để làm một cái mục-đích cho Hội ; ngài lại muốn ủy cho tôi cái chức-trách ngôn-luận ca-vịnh về việc Ấu-trĩ-viên, để cổ-động cho Hội.

Tôi thiết nghĩ rằng : Cái tình-trạng trẻ con nhà nghèo ở nước ta ngày nay thực là cái tình-trạng nguy-khổ, nên xót nên thương ; mà cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên ở nước ta ngày nay, thực là cái vấn-đề thân-thiết, nên cần nên kíp.

Quí-báu thay ! là lời quan Marty đại-nhân, người nước Nam chưa ai nói đến, mà ngài xướng-nghị ra cho; nhân-hậu thay! là lòng quan Marty đại-nhân, ngài coi trẻ-con nước An-Nam cũng như trẻ-con nước Đại-Pháp ; người trong hội Khai-trí-tiến-đức ta thực nên lấy làm cảm-động vô-cùng.

Vả lại Hội ta tự khi thành-lập đến giờ, quốc-dân vưỡn sẵn lòng hi-vọng, chỉ mong có cái mục-đích gì để mà nô-nức hoan-nghênh; Hội ta ví bằng thực-hành được cái mục-đích từ-bi quảng-đại ấy, thì thật là vẻ vang cho Hội lắm lắm.

Nay Hội ta nên thực-nhận lấy việc Ấu-trĩ-viên đó là việc của Hội ; người có tư-bản ở trong Hội, thì giúp tiền giúp của ; người có quyền-thế ở trong Hội thì giúp sức giúp công ; Hội lại nên đặt ra có qui-tắc và có ủy-viên, để tổ-chức quản-đốc về việc đó; các người bảo-mẫu ở các làng, Hội nên nhận cho là người của Hội, Hội đem những cách-thức bảo-dục anh-nhi dạy các người bảo-mẫu ; Hội lại tặng cho các người bảo-mẫu lấy cái danh-hiệu đặc-biệt hẳn-hoi, khiến cho người ta vui lòng làm

thiện ; nếu làng nào tự mình sáng-lập ra được, mà có lòng liên-lạc với Hội, thì Hội cũng nên nhận là việc của Hội, mà hết lòng hết sức giúp đỡ coi nom, như thể của Hội lập ra vậy; thế chẳng là cái công-quả nhân-từ của Hội, cái sự-nghiệp vĩ-đại của Hội, bắt đầu xuất-hiện ra ngày nay đấy ru !

Nay tôi hẳng xin giải bày cái ý-kiến nông nổi của tôi, tôi kính thảo ra bài luận này, chắc cũng chưa được đúng vào mọi lẽ thiết-đáng cao-xa, xin các ngài quân-tử trong hội đồng-bang xét lại cho; ý-kiến các ngài thế nào, xin cứ lai-cảo về tạp-chí Nam-Phong, để công-bố với quốc-dân, cho rõ ràng có công-luận.

Tùng-vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

MỘT VIỆC THÍ-NGHIỆM NÊN LÀM GƯƠNG CHO CHÚNG TA

Thế-giới ngày nay các nước văn-minh đối với các thuộc-địa không khi nào còn có cái tư-tưởng coi thuộc-dân là một lũ dã-man nô-lệ, coi thuộc-địa là một nơi la-quật-kim-tiền. Cái phương-châm đối-đãi với thuộc-địa, bây giờ các nước đều có thay đổi ; về phương-châm ấy thì nước France là một nước đầu tiên đem cái tư-tưởng bác-ái nhân-loại, là một cái tư-tưởng rộng rãi bao-la ; tự mình thực-hành trước mà gieo rắc ra khắp hoàn-cầu; nếu có nước nào phản-đối thì nước France lại ra công bênh vực : nước France thực là có công lớn với nhân-loại, ai là chẳng đáng vui mừng, đáng kính-phục mà ngợi khen. Từ nay trở đi các dân-tộc đàn em mới biết rằng những dân-tộc đàn anh đến cai-quản mình mục-đích không phải là cốt ức-hiếp mình, cầm-hãm mình trong vòng áp-chế đâu, chỉ cốt bảo-tồn lấy quốc-túy cho mình, khai-hóa mà dắt lên con đường tiến-hóa về vật-chất về tinh-thần cùng là về đạo-đức, dần dần làm cho mình tham-dự vào việc chánh-trị, cho mãi đến ngày mình có đủ tư-cách biết tự-trị lấy mình mới thôi.

Cái công đào-tạo cho nòi-giống khác hoặc là dân-tộc bán-khai, hoặc là dân-tộc hậu-tiến để mở rộng tiền-đồ cho mà noi theo như thế, thực là một việc đáng vẻ-vang và đáng ham-mê hơn cả mọi việc. Nhưng cũng lại là một việc gian-lao trọng-đại, phải tốn công kể đến mấy đời, thường thường những kẻ khai-hoang phá-thảo không kịp trông thấy cái hoa thơm quả tốt về cái công cuộc khai-hóa của mình. Cái công-cuộc đó muốn cho thành-hiệu không những phải suy-xét kỹ-càng cho biết đủ cả các phương-sách thiết-yếu mà thôi đâu, còn cần phải chiêm-nghiệm, phải thể-sát, phải tùy sự cảnh-biến, tùy các ý-kiến hiện-thời để mà thi-thố mới thu được thành-công.

Chúng ta là người ở xứ Đông-Pháp, ta nên có ý để mắt trông sang bên Phi-luật-tân (Philippines) đương vào hồi người A-mê-rích (Américains) định cho dân-tộc mới tiến-bộ ấy được rộng quyền tự-trị. Vô-luận rằng người Việt-Nam so với người Phi-luật-tân, hai dân-tộc cùng là một họ xa với nhau, hãy nói ngay về cái tính-chất nhân-chủng, về cái đường lịch-sử tiến-hóa, về cái hình-thế địa-dư, thì người Việt-Nam so với người Phi-luật-tân có nhiều điều giống nhau ; bởi thế ta cứ xem cái công cuộc của A-mê-rích đã làm cho thuộc-địa mới là Phi-luật-tân chóng được độc-lập, thời ta cũng có thể trông đó mà lợi-dụng được một đôi điều để biết điều hay nên theo điều dở nên tránh.

Phi-luật-tân kỳ-thủy là do người nước Bo-tuy-gan (Portugais) tìm thấy năm 1517, rồi bị nước Ết-ba-nhơ (Espagne) đến chiếm-cứ từ năm 1565 đến cuối thế-kỷ thứ 19, sau do tờ hòa-ước Ba-ri (Paris) làm ra

sau khi cuộc chiến-tranh năm 1896 chuyển sang tay nước Ê-ta-Uy-ni (Etats-Unis) (tức là hợp-chúng-quốc hay là nước Mĩ.) Ngay khi ấy, quan Tổng-thống Mackinley không muốn cho người ta ngờ rằng một đại-dân-quốc như Ê-ta-Uy-ni có cái ý chỉ đến lấy của hay là mở đất, thì có công-cáo rằng : « Phi-luật-tân là của ta, ta đến xứ này không phải cốt là để lấy của dân, chỉ cốt để khai-hóa cho người Phi-luật-tân dắt họ lên con đường văn-minh, dạy - dỗ rèn đúc cho biết cách chính-trị độc-lập. Đấy là con đường của ta đi thẳng như thế đó, nếu đi sai đường thì tất làm suy sút mất cái danh-giá về thiên-chức của ta ».

Người A-mê-rích (Américains) hứa ra như thế, quả giữ lời làm thực ; kể từ khi chiếm-cứ Phi - luật - tân đến giờ trong vòng 23 năm trời dốc một lòng thực-hành một cái chính-sách vẻ vang; bây giờ chỉ còn một điều ta nên xét xem mà người A mê-rích cũng nên tự xét xem là công việc của người A mê-rích làm ở Phi-luật-tân đã xong chưa? hiện-trạng ngày nay người A-mê-rích đã nên lui về hay là còn phải lưu lại cầm lấy quyền quản-trị? Trước khi giải-quyết điều ấy tưởng cần phải xét qua lịch-sử về người A-mê-rích đến bảo-hộ ở Phi-luật-tân.

Lịch-sử ấy có bốn thời-kỳ :

1o) *Thời-kỳ dùng binh.* — Từ 13 tháng tám năm 1898 đến 1er tháng bảy năm 1901 là thời-kỳ phải đánh dẹp cái bọn d'Aguinaldo. Người A-mê-rích gặp khi đó phải bội-tăng binh-số để quyết theo đuổi giữ lấy trật-tự. Vả khi ấy, quan binh cũng có mở mang về việc kiến - trúc vệ-sinh, lập trường học do các tướng-hiệu làm giáo-viên, đặt viện tư-pháp và gây nên cái nền chính-trị giao cho quan văn.

2o) *Thời-kỳ tổ-chức.* — Từ 1er tháng bảy năm 1901 đến 16 tháng mười 1907. Các đảo Phi-luật-tân chỉ có một viện lập-pháp là hội-đồng Phi-luật-tân do quan Tổng-thống Ê-ta-Uy-ni (Etats-Unis) bổ-nhiệm. Trong 7 năm về thời-kỳ này duy có người A-mê-rích cầm quyền chính-trị ; xem cái biểu đối chiếu về thời-kỳ ấy thì thấy hành-động rất nhanh chóng nào lập ra một chánh-phủ có hiệu-nghiệm ; nào mở ra 5.000 trường học, nào tuyên-bố luật tố-tụng, nào định ra một phương-pháp thông-hành tiền-lệ, nào định ra cái chương-trình công-chính mới thi - hành được một phần, cực lực thi-hành việc vệ-sinh, đó là những công việc thực-hành rất hay, làm nổi danh-giá cho hai quan Toàn-quyền Taft và Wright.

3o) *Thời-kỳ kiến-trúc.* — Từ năm 1907 đến năm 1913 những quyền lập-pháp thì vừa thuộc về Hội đồng Phi-luật-tân là người bản-xứ, vừa thuộc về Hội-đồng A-mê-rích là thượng-nghị-viện. Khi nào nghị-án về việc tài-chính mà hai viện không đồng-ý thì cứ theo luật tài-chính năm trước. Thời-kỳ ấy là một thời - kỳ thịnh-vượng làm được những công việc to tát (đường-sá, cầu cống, sông ngòi, đường bộ đường thủy) tổ-chức tài-chính, làm cho chắc - chắn việc đạc - điền trong nước, khuếch-trương học-chính, lập trường Cao-đẳng học-đường và nhiều trường kỹ-nghệ.

Cái chế-độ dung-hòa ấy vì cứ mỗi ngày lại tăng số người bản-xứ để giúp việc, nên đến năm 1913 trong các công-sở nhà nước một trăm người làm thì có đến 72 người Phi-luật-tân và chỉ có 28 người A-mê-rích (Américains) thôi.

4o) *Thời-kỳ Phi-luật-tân tự-trị.* — Từ năm 1914 đến năm 1921. Người bản-xứ cũng được dự đa-số vào hội-đồng Thượng nghị-viện. Cái luật cốt-yếu tên là « Jones Bill » chỉ cho những tỉnh theo đạo Thiên-chúa và có văn-minh được cùng nhau bầu một Nguyên-lão-viện và một Thứ-dân viện; còn những đại-biểu về miền dân không theo đạo Thiên-chúa thì tùy quan Toàn-quyền lựa chọn ; luật ấy thi-hành ra chỉ về tỉnh có đạo Thiên-chúa nhiều hơn, nên cái quyền lập-pháp kiêm-đốc mọi việc thuộc cả về tay người Phi-luật-tân.

Dân ấy đã có quyền như thế thì dụng quyền ấy ra như thế nào? Dân ấy bắt đầu nhận lấy cả các công việc mà phần nhiều người A-mê-rích vẫn làm, vì vậy trong số một trăm người làm việc thì có đến 96 người Phi-luật-tân, chỉ có 4 người A-mê-rích. Cả đến ít nhiều quyền-cao chức-trọng, như chức tư-pháp cũng về tay người Phi-luật-tân, không cứ phải là dòng qui-tộc hay là về phái nhà phiệt-duyệt mới được làm.

Cái chế-độ ấy kết-quả ra làm sao sau ta sẽ nói, nay ta hãy nên xét về sự hành-động của người Phi-luật-tân, nào là khuếch-trương giáo-dục, nào là sửa sang những công việc to trong nước, nào là kiến-lập những bệnh-viện vân vân..

Đấy cái tình-hình ở quần-đảo ấy là thế, nhờ được cái tử-huệ-chủ-nghĩa nó làm cho cách chính-trị trong nước có đặc-sắc, nên năm 1920 quan Tổng-thống Wilson có gửi đến Thượng-nghị-hội ở Washington một lá thư, trong nói :

«.....Dân Phi-luật-tân từ khi nhờ Thượng-nghị-hội đã thiết-pháp làm ơn đến giờ, dân ấy vẫn giữ được một cái nền chính-trị vững-vàng; như thế thì dân ấy đã làm theo được điều ước để độc-lập..... Nay ta có thể mà lại có cái nghĩa-vụ phải cho dân Phi-luật-tân được độc-lập, đó là việc ta giữ theo lời đã ước »

Tuy quan Tổng-thống Wilson muốn như thế, mà cũng chưa thấy kết-quả ngay ; vì trong các phái quan-liêu có phái thì yêu-cầu độc-lập, có phái thì phản-đối, xét ra hai phương-diện đàng nào cũng có lý; trong các phái ấy thường dân theo đạo Thiên-chúa thì xin độc-lập, mà dân theo đạo Hồi-hồi và dân không theo đạo nào thì không muốn độc-lập.

Vì vậy nên Chánh-phủ A-mê-rích muốn biết rõ thực-tình việc đó đã cử một hội-đồng điều-tra đến tại cù-lao Phi-luật-tân xem xét. Hội-đồng này thì có quan Thống-soái Léonard Wood và quan Toàn-quyền W. Cameron Forbes chủ-trương ; những lời ủy-thác về việc ấy và cái kết-quả về việc ấy có nhiều cái rất hay, người nào có quan-tâm đến những dân-tộc các thuộc-địa cũng nên nghiên-cứu. Người A-mê-rích vì một niềm làm theo công-đạo nên cũng đã công-bố những văn-thư về việc ấy, trong những bài sau ta sẽ nói rõ ràng.

XA-RY

LƯỢC-KHẢO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

IV

LUẬT HÌNH

Luật-Hình hay là Hình-luật là luật định về các hình-phạt. Các hình-phạt hiện thi-hành bây giờ là hình-phạt theo luật Đại-Pháp (Hình-phạt trong luật cũ đã bãi đi từ năm 1901). Bởi thế các vấn-đề trong luật mới bây giờ đều giải-thích và xếp-đặt theo luật Đại-Pháp, trừ ra những tội-phạm thông-thường thì nhiều chỗ vẫn theo luật cũ. Lại có một điều nữa rất quan-hệ là luật cũ cứ lẫn dân-sự với hình-sự, bây giờ nhất-định rằng trong luật-Hình là chỉ định về việc hình (2).

Nói tóm lại là luật mới so với luật cũ (luật Gia-Long) thì những điều cốt-yếu vẫn để nguyên, mà châm-chước thêm vào chỉ có cái hình-thức thì theo y như luật Đại-Pháp. Một điều nên

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 57.

(2) Dân sự với hình sự là nghĩa thế nào đã nói tường trong mấy kỳ báo trước.

biết là hình-phạt theo luật cũ thì cái gì cũng xử phạt đến thân-thể người phạm (suy, trượng, vân vân) mà theo luật mới, thì trừ những trọng-tội không kể, còn ngoài ra phần nhiều lấy tội bác-đoạt tự-do và tội phạt-bạc làm cái cách thông-thường trừng-phạt. Nghĩa là bây giờ trình-độ dân ta đã tiến, ai có phạm tội chỉ làm cho mất quyền tự-do, mất danh-giá, mất tiền-của để trừng-phạt cũng đủ, không cần gì nhất-nhất phải dùng đến nhục-hình như khi xưa, mới là biết xỉ-nhục, biết sợ tội-ác. Ấy tiến-bộ về đường pháp-luật là thế.

. .

Luật Hình mới gồm có 328 điều chia làm 30 chương. Trong bài lược-khảo này, theo cách xếp đặt riêng chia làm hai thiên : thiên thứ nhất nói về luật ý về việc hình; thiên thứ hai nói về các thứ tội-phạm.

THIÊN THỨ NHẤT

Nói về luật - ý

Luật hình là để trừng-phạt những kẻ phạm tội, hiểu biết được luật hình là việc rất khó ; ở các nước văn-minh, không những pháp - luật - học là một khoa phải chuyên-môn, mà trong khoa pháp-luật lại chia ra các khoa chuyên-môn riêng về dân-luật, thương-luật, hình-luật, vân vân. Trong các khoa chuyên-môn ấy thì tinh-vi nhất, hệ-trọng nhất là khoa luật-Hình. Phải học riêng từng vấn-đề mà lại phải có kinh-lịch mới gọi là biết luật-hình và xử đoán không lầm, nếu không thì tất sai, mà sai một tí là làm phương-hại đến danh-giá, đến thân-thể người ta. Vì lẽ ấy người làm bài lược-khảo này cũng không dám đảm lấy cái trách-nhiệm tự - xưng rằng giải-thích luật Hình, đoán định luật-ý ; trong bài lược-khảo chỉ theo cái chủ-nghĩa phổ-thông nói toát-yếu mà thôi. Ngài nào muốn lưu-tâm về việc khảo luật Hình bằng sách quốc-văn, dám khuyên nên xem quyển « Đại-Nam-hình-luật-ý » của quan Camille Briffaut, nguyên chánh-thẩm-phán tòa-án tỉnh Hà-đông, làm bằng Pháp-văn, đã do quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu, dịch ra quốc-ngữ, văn rất rõ ràng mà ý rất tinh-vi thâm - thúy.

Thiên thứ nhất này chia làm 4 chương :

Chương thứ nhất nói về lý-do làm sao được quyền bắt tội kẻ phạm, mục-đích luật hình, nghĩa chữ tội phạm, các nguyên-lý trong tội phạm.

Chương thứ hai nói về hình - phạt, cách thi hình-phạt, sự tiêu hình-phạt.

Chương thứ ba nói về những người bị-can-trách về hình-sự — người vị-thành - đinh phạm phép công hay là phạm tội đại-bất-kính.

Chương thứ tư nói về tùng - phạm.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nói về lý-do làm sao được quyền bắt tội kẻ phạm, mục - đích luật-Hình, nghĩa chữ tội phạm, các nguyên-lý trong tội phạm

TIẾT THỨ I

Nói về lý-do làm sao được quyền bắt tội kẻ phạm

Tư-nhân phạm tội, sao xã-hội lại được quyền xử phạt ? về vấn-đề ấy có ba thuyết đáp lại như sau này :

Thuyết thứ nhất nói rằng : Quốc-gia lập ra hình-phạt là vì sự ích-lợi cho xã-hội. Trong xã-hội mà hay sinh ra tội-phạm là vì không có hình - phạt để trừng-trị kẻ phạm, chớ ít khi vì sự khinh-giảm hình-phạt, và hình - phạt đặt ra là cốt để dự phòng tội phạm chớ không phải để làm khổ kẻ phạm. Thế thì trong thuyết này cốt nhất là

vì sự ích-lợi của xã - hội mà đặt ra hình-phạt : Trừng-phạt kẻ phạm là để răn về sau cho nó khỏi phạm-tội.

Thuyết thứ hai nói rằng: Hình-phạt là để báo đền lại tội - phạm. Người làm ra tội hại người thì lại phải chịu tội, xã-hội là người trung-lập để xử phạt kẻ phạm. Thế thì thuyết này nói về hình-phạt mà lại ngụ có luân-lý, muốn cho người xử đoán hình - phạt phải lượng vừa cái tội - phạm mà thi hình - phạt; việc đó rất khó ; ai đo lường hết được lòng người nham-hiểm và biết sao được đủ lẽ thấp cao mà định hình-phạt cho đúng với tội-phạm.

Thuyết thứ ba : Dung-hợp cả hai thuyết trên làm một, nói rằng hình-phạt phải cần để duy-trì xã-hội cho yên-ổn vừa theo lẽ rằng phạm - tội thì phải chịu tội là lẽ công - bằng, không được xử phạt quá cái sự đáng chịu, mà khi nào sự trừng-phạt không có ảnh-hưởng ích gì đến xã - hội thì không cần xử phạt nữa. Thế thì trong thuyết này lấy sự ích-lợi cho trật-tự của xã-hội và sự công-bằng hợp với luân-lý để làm cái căn-nguyên làm cái chuẩn-đích cho hình-phạt.

TIẾT THỨ II

Nói về mục-đích luật hình,
Nghĩa chữ tội phạm,
Các nguyên-lý trong tội phạm.

Mục-đích luật Hình

Luật Hình đặt ra mục-đích để định rõ các thứ tội phạm và lập thành một bộ hình-phạt.

Nghĩa chữ tội-phạm

Tội - phạm (Infraction) là việc trái phép do luật Hình đã minh - định và có nghĩ-phạt — Luật Hình chia tội phạm làm tội vi-cảnh khinh-tội, và trọng-tội :

Tội phạm nào bị-nghĩ - phạt theo hình cảnh-sát gọi là tội vi-cảnh.

Tội phạm nào bị nghĩ phạt theo hình trừng-trị gọi là khinh-tội.

Tội phạm nào bị nghĩ phạt theo hình thi-thể hoặc gia - nhục gọi là trọng-tội (điều 1 luật Hình), vậy thì cách chia tội-phạm là bằng theo ở cái hình-phạt của luật định. Hễ đã biết việc nào bị-nghĩ, theo hình-phạt nào, thì biết việc đó thuộc về hạng tội phạm ấy. Thí dụ, kẻ ăn trộm thường bị phạt giam từ 6 ngày đến 5 năm ; tội phạt giam từ 6 ngày đến 5 năm tức là hình-phạt về khinh-tội ; vậy thì tội ăn trộm thường là khinh-tội. — Cách chia tội-phạm làm tội vi-cảnh, khinh - tội và trọng-tội có ích về nhiều phương-diện nhất là về các phương-diện sau này: để phân-định thẩm-quyền, để làm thủ-tục, để biết thời - kỳ tiêu-diệt định tội tùng-phạm, vân vân . . .

Các nguyên-lý trong tội phạm

Bất-cứ tội-phạm nào cũng có hai hạng nguyên-lý một là phổ - thông-nguyên-lý; hai là đặc-biệt - nguyên-lý.

Đặc-biệt nguyên-lý.— Các đặc - biệt-nguyên-lý về tội phạm nào là để phân-biệt tội phạm ấy với các tội phạm khác. Phàm điều luật đã định việc gì là tội-phạm thì phải định rõ tích-chất việc ấy. Như điều 251 luật-Hình định nghĩa tội đạo-thiết, thì giải như sau này: « Người nào vì gian-tâm mà cắp lấy tài-vật gì không phải của mình, là phạm-tội đạo-thiết ». Cứ theo điều-luật này, thì có ba nguyên-lý : 1° một việc cắp lấy; 2° về tài-vật không phải của mình; 3° vì gian-tâm. — Nếu trong ba nguyên-lý ấy thiếu một, thì tội-phạm không phải là tội đạo-thiết nữa hay là thành ra một thứ tội-phạm khác tội đạo-thiết.

Phổ-thông-nguyên - lý. — Các phổ-

thông-nguyên-lý là chung cho tất cả các thứ tội-phạm : phàm việc gì gọi là việc phạm thì phải có đủ 4 nguyên-lý sau này mới bị tội :

A) *phải có điều-luật minh - định.* Luật hình phải hiểu nghĩa hẹp, không được hiểu rộng ; nghĩa là nếu gặp việc trong luật không nói đến hay không định hình-phạt thì quan thẩm-phán không được lấy lẽ suy -loại tương-tự mà bắt tội người ta. — Bởi vậy phải có điều-luật minh-định mới được bắt tội. Điều 37 luật Hình nói : « Các thứ trọng - tội, khinh - tội và tội vi-cảnh gì phát-minh ra trước khi chưa có luật định hình-phạt thì không được bắt tội.» Khi nào có hai luật sung-đột với nhau, thì thi-hành luật nào ? Điều 202 luật Hình-sự-tố-tụng định rằng : « Khi nào có một cái tội-phạm mà tội-phạm ấy phát-sinh ở về thời-kỳ còn đương thi-hành luật Hình cũ, đến ngày sắp đem tội-phạm ấy ra nghĩ-xử. thì lại là thuộc về thời-kỳ đã tuyên-bố thi-hành luật Hình mới, mà chiếu hình-phạt về tội-phạm ấy, thì hình-phạt định trong luật Hình mới lại khác với hình-phạt định trong luật Hình cũ, nếu xét trong luật Hình mới những điều khoản định về hình-phạt ấy không có định rõ là hiệu-cập-dĩ-vãng, thì khi bấy giờ chỉ chiếu theo hình-phạt nào nhẹ mà nghĩ-xử cho người bị-tội hoặc người bị-cáo. »

B) *Phải có hiện-trạng thực-hành.* Bất cứ là về tội-phạm nào, trước khi thực-hành phạm tội, kẻ phạm thường đi qua mấy từng trong đường phạm pháp : Trước hết lập-tâm phạm tội, nghĩa là *có ý làm xằng* ; kế đến đem phát-hiện ý ấy ra tìm phương-pháp để làm, nghĩa là *dự-bị chưa thực-hành* ; sau cùng mới đến việc *thực-hành phạm-tội*, nhưng trong việc thực-hành lại có từng bậc :

a/ *Có ý làm xằng.* — Chưa phải là một tội phạm, vì việc đó chưa hại cho xã-hội và chưa có bằng-cứ.

b/ *Mới dự-bị chưa thực-hành.* — Thường không có tội, vì chưa có nhất-định gì, chưa có nghĩa-lý gì, như người mua dao không biết là để phạm tội, hay là chỉ để dùng làm mọi việc trong nhà.

c/ *Thực-hành phạm tội.* — Đã thực-hành dù mới bắt đầu cũng có tội, trừ khi nào do tự mình trung-chỉ thì vô-tội. Bắt đầu phạm tội mà vì cớ không ngờ phải trung-chỉ hay là chưa thành-hiệu thì gọi là tương - hành - vị-toại ; điều 48 luật Hình định rằng : « Người nào định phạm trọng - tội khinh-tội, mà có hiển-chứng đã dự-bị thực - hành, dầu người phạm vì có cớ gì không ngờ, nên phải trung-chỉ hay là làm không kết-quả, thì sự tương - hành - vị-toại đó cũng cho là đã thực-hành, trừ ra có điều luật riêng thì khác.»

C) *Phải có ý-tứ phạm tội.* Muốn bắt tội người phạm thì phải xét cho dích rằng người ấy có đủ trí-thức lập ác-tâm, có quyền tự-do mà làm điều phạm tội mới có lỗi ; chớ người phạm vì không có ý phạm-tội (trừ ra có một vài tội-phạm nhẹ có khi vì vô-lý mà cũng bị phạt, đã có điều luật định riêng), vì sự điên-cuồng, vì sự cưỡng-bách mà phạm-tội, thì không bị-phạt.

D) *Không có quyền pháp mà làm điều hại người.* Người nào không có quyền được làm không do luật cho làm, mà tự làm điều gì xâm - hại đến thân-thể đến tài sản người, thì việc làm đó là tội-phạm. Nếu có quyền

được làm, có do luật cho phép, thì việc làm đó không phải tội-phạm là vì làm theo công-lý.

Luật Hình định ra có hai trường-hợp sau này là những trường - hợp được viện công-lý:

1° Một là có phép-luật và lệnh công.

2° Hai là vì lẽ phòng - vệ cho mình hoặc cho người khác.

I. *Có phép-luật và lệnh công.* — Phải đủ hai lẽ :

Phép luật. — Cần phải có điều-luật cho phép, quan-chức không được tự quyền xâm - phạm đến thân - thể, quyền lợi người ta.

Lệnh công. — Luật đã cho phép mặc dầu song cần phải có quan-chức có quyền được làm mới được. Thí-dụ thừa-phát-lại mới được phép sai - áp tài - sản của người, quan thẩm - phán mới được phép bắt giam người.

Điều 237 luật Hình định rằng .

« Giết người hoạc đánh người hoặc đánh người bị - thương, mà thuộc về trường-hợp sau này thì không có tội : Là vì tuân pháp-luật hoặc tuân mệnh-lệnh của quan - chức đúng phép mà phải giết người hoặc bạo-hành hoặc bạo-cử.»

Nếu người thường làm những hành-vi ấy, thì có tội.

Nếu chỉ luật cho phép mà không phải người công-chức đứng làm hành-vi ấy hay là do công - chức đứng làm mà luật không cho phép, thì cũng đều có tội ; bởi thế phải có đủ hai lẽ mới được gọi là hợp công-lý.

II. *Vì lẽ phòng-vệ cho mình hoặc cho người khác.* — Điều 237 luật Hình định rằng:

« Giết người hoặc đánh người hoặc đánh người bị-thương mà thuộc về các trường - hợp sau này thì không có tội :

« — Là cần phải phòng-vệ cho mình hay là phòng - vệ hộ cho người khác, mà phải giết người hoặc đánh người bị-thương . . . . — Là đàn-bà con gái đương - trường giết người hoặc đánh hoặc đánh bị-thương đứa cưỡng-gian hoặc đứa sắp cưỡng-gian mình. . . .»

Sự phòng-vệ nói trên này phải đủ mấy lẽ sau này mới gọi là chính-đáng:

a) *phải có sự xâm-phạm.* — Người ta có xâm-phạm mình hoặc người khác thì mới được dùng sức mạnh đối lại.

b) *Sự xâm-phạm phải trái phép.* — Kẻ ăn trộm bị đuổi mà chống lại người đuổi theo, thì không được phép gọi là phòng-vệ chánh-đáng.

c) *Sự xâm-phạm và sự phòng-vệ phải đồng-thời đối-địch với nhau.* — Nếu người gian mới dọa mà chưa thấy ngay sự nguy-hiểm thì mình chỉ được phép giữ gìn, nhưng chưa được tự mình thi trước, nếu sự nguy-hiểm đã trót rồi, thì cũng không được phép phòng-vệ nữa, vì khi ấy phòng-vệ thành ra báo-thù. Bởi vậy đương khi kẻ gian xâm-phạm, mà phải dùng sức mạnh đối-địch lại, mới là phòng-vệ chánh-đáng.

d) *Sự phòng-vệ không được quá sự xâm-phạm.* — Thế bất-đắc-dĩ phải đối-địch lại và đối-địch lại một cách phải thôi. — Như khi không cần phải bạo-hành mà đối-địch lại hay là như khi thấy đứa bé vào vườn trộm quả, mà đánh nó, đến bị-thương, thì có tội, không phải là phòng-vệ chánh-đáng nữa.

Trường-hợp coi như trường - hợp phòng-vệ chánh - đáng. — Là đương đêm vì khu-trục kẻ gian leo trèo hoặc đào phá tường giậu, cổng ngõ thuộc về một cái gia-phòng có người ở, hay là vì phòng giữ đứa trộm cướp bạo-hành mà đương-trường giết chết hoặc đánh hoặc đánh bị - thương (điều 237 luật-Hình).

CHƯƠNG THỨ HAI

Nói về hình-phạt – cách thi hình-phạt – sự tiêu hình-phạt

TIẾT THỨ I

Hình-phạt

Hình-phạt hay là tội phạt (Nói tắt là tội-hình) là một cái tội do quyền xã-hội nghĩ án bắt kẻ phạm phải chịu, tức là một phương-pháp của xã-hội để răn cấm người ta không nên phạm phép.

A). — Luật Hình chia các thứ hình-phạt ra làm ba hạng: hình-phạt về trọng tội, hình-phạt về khinh-tội và tội vi-cảnh.

§ I *Hình-phạt về trọng-tội*

Các hình-phạt thuộc về trọng-tội là: 1° tử-hình. 2° khổ-sai-chung-thân. 3° phát-lưu. 4° khổ-sai có kỳ. 5° cấm-cố, 6° đồ-dịch. 7° phóng-trục.

Các hình-phạt ấy vừa là thi-thể vừa là gia-nhục, trừ có tội phóng-trục chỉ là gia-nhục mà thôi.

Các hình-phạt ấy nghĩa là gì và cách chấp-pháp thế nào trong luật Hình đã giải rất rõ ràng từ điều thứ 5 đến điều thứ 16, tưởng trong bài lược-khảo này không cần phải nói lại nữa.

§ II *Hình-phạt về khinh-tội và tội vi-cảnh*

Các hình phạt thuộc về khinh-tội và tội vi-cảnh là: 1° phạt giam có kỳ. 2° phạt bạc.

Các hình phạt này do trong luật Hình giải thích rất rõ ràng, từ điều thứ 17 đến điều thứ 19.

B). — Luật lại chia hình-phạt ra làm chánh-hình và phụ-hình.

I. — *Chánh-hình* là tội phạt định ra để trực-tiếp trừng-trị các tội-phạm có thể nghĩ-xử riêng được. Các hình-phạt đã nói ở trên đều là chánh-hình.

II. — *Phụ-hình* là tội-phạt định ra để phụ thêm với chánh-hình cho nặng tội hay là có khi xử nhẹ thì thay cho chánh-hình. Các phụ-hình là: Tịch-một, quản-thúc, cấm-quyền. — Những phụ-hình này đã do trong luật Hình giải-thích rất rõ ràng từ điều 20 đến điều 30.

TIẾT THỨ II

Cách thi hình-phạt

Khi nào quan thẩm-phán đã biết rõ đầu-đuôi việc phạm và tội-trạng kẻ phạm rồi, thì phải chiếu luật nghĩ-xử hình-phạt; việc ấy là việc rất hệ-trọng phiền-phức:

I. — Một là quan thẩm-phán phải xét xem việc phạm thuộc về tội gì để định tội-danh (tội đạo-thiết. tội đánh người bị thương, vân vân).

II. — Hai là quan thẩm-phán phải xét xem việc phạm phải khép vào hình gì, phải cho đủ lẽ, phải cho hợp luật (trong sách « Đại-Nam-hình-luật-ý » của quan Briffaut nói ý rằng phải cho đúng như *soi gương*, thực là tả hết cái tinh-thần về việc khép án).

III. — Ba là quan thẩm-phán phải xét xem người bị-can đối với việc phạm thực tình là người thế nào? Có lẽ bị vu cáo, có lẽ là người chánh-phạm hay chỉ là tòng-phạm, vân vân.

IV. — Bốn là quan thẩm-phán phải xét xem trong việc phạm có tình-trạng gì nên tăng tội, (trong luật Hình nhiều chỗ nói tình-trạng nên tăng tội, thí-dụ giết người mà có ẩn-phục, ăn trộm mà mang khí-giới v. v. . . .) hay là có tình-trạng gì nên giảm tội, (trong luật Hình nhiều chỗ nói đến tình-trạng nên giảm tội, nhất là từ điều 318 đến điều 321.)

V. — Năm là xét người phạm có phải chăng là người lũy-phạm (nghĩa là đã can-phạm nhiều tội, đồng-thời câu-phát mà chưa từng bị án) (xem

điều 47 luật Hình) hay là người tái-phạm. (Xem điều 45-46 luật Hình).

VI. — Sáu là khi nghĩ án có nên chăng cho huyền - án (xem điều 322 luật Hình).

TIẾT THỨ III

Sự tiêu hình-phạt

Phàm các hình - phạt mà đã chấp-hành rồi là tiêu trừ hết tội. Như về tội bác-đoạt-tự-do thì sau khi người bị án được tha, và về tội phạt-bạc thì sau khi người bị - phạt đã nạp thanh, đều là sạch tội. Nhưng khi nào tuy người bị - án không thụ - hình hoặc đương thụ-hình mà gặp những trường-hợp sau này thì cũng được tiêu trừ hết tội.

1° *Người bị án chết.* — Điều 40 luật Hình định rằng: « Người phạm trọng-tội khinh-tội hoặc tội vi - cảnh, mà đã chết rồi thì không được trị-tội. Người đương-sự bị-hại gặp khi ấy chỉ được đối với các người thừa - kế của người phạm, mà kiện về dân - sự để xin thường-hoàn và xin bồi tổn-hại. »

2° *Ân-chuẩn.* — Ân chuẩn là do định-lệnh quyền hành-chánh chuẩn cho tha cái hình-phạt đã nghĩ thành án, về cái hiệu-lực của sự ân-chuẩn thì điều 119 luật Hình - sự tố - tụng định rằng: « Sự ân - chuẩn dù là tha một phần hay là tha tất cả hay là cải trọng tòng khinh, cũng không hề có hiệu-lực xóa được sự vô-năng-lực thuộc về nguyên-án không hề ngăn-trở sự tái-phạm sẽ phát-sinh về sau và không hề ngăn trở đến sự xin tái-thẩm. Sự ân-chuẩn cũng không hề can-ngại đến cái quyền của người đương-sự bị-hại được dùng phương-pháp luật định mà xin chấp-hành các khoản bồi-thường đã nghĩ trong án bắt người tội đã được ân-chuẩn phải chịu. »

3° *Phục-quyền.* — Phục-quyền là một phương-pháp để tưởng-khuyến kẻ đã bị án mà biết hối quá được rửa sạch cái dấu vết về tiền án. Điều 126 luật Hình - sự - tố - tụng định rằng: « Cái hiệu phục - quyền, được rửa sạch hết nguyên - án, và về sự hạn cấm về năng-lực vì nguyên-án mà phát-sinh ra, cũng đều được bãi bỏ. »

4° *Tái thẩm.* — Khi nào vì sự nhầm-lỗi của tư-pháp, mà phát-sinh ra một cái oan-án, thì có thể xin tái - thẩm. Nếu sự tái-thẩm được chuẩn, thì có cái hiệu làm cho rửa sạch tiền-án mà lại có hiệu-cập-dĩ-vãng.

5° *Tiêu-diệt-thời-hiệu.* — Án đã kết rồi, phải chấp-hành, nếu để quá cái thời giờ luật định mà không chấp-hành thì ngoài hạn không được chấp-hành nữa, và cái hình-phạt nghĩ ở trong án sẽ bị tiêu-diệt, như thế gọi là tiêu-diệt-thời-hiệu.

a/ *Về án đương-tịch.* — Thời - hiệu chấp-hành các hình trọng-tội hạn là 20 năm tròn, kể bắt đầu từ ngày án-văn hoặc thẩm-định nghĩ-tội đã thành ra nhất-định quá hạn mà không chấp-hành sẽ bị tiêu-diệt. Người can-án mà đã được tiêu-diệt thời-hiệu, thì không được cùng ở một địa-hạt với người bị-hại về thân-mệnh hoặc tài-sản hay là với người thừa-kế trực-tiếp của người bị-hại ấy; chỗ người can-án ấy ở, có thể do quan Toàn-quyền chỉ định (điều 41 luật-Hình).

Thời - hiệu chấp - hành các hình khinh-tội hạn là 5 năm tròn, kể bắt đầu từ ngày án-văn hoặc thẩm-định nghĩ-tội đã thành ra nhất định, quá hạn mà không chấp - hành sẽ bị tiêu diệt (điều 42 luật Hình).

Thời-hạn chấp-hành các hình vi-cảnh, hạn là 2 năm, kể bắt đầu từ ngày án-văn đã chung-thẩm hoặc đã thành nhất-định, quá-hạn mà không

chấp-hành sẽ bị tiêu-tiệt (điều 43 luật Hình).

b) *Về án khuyết-tịch*—Thuộc về án-văn và thẩm-định khuyết-tịch thì lấy ngày lục-tống làm khởi-điểm để khởi-toán về sự tiêu-diệt thời-hiệu chấp-hành (điều 44 luật Hình).

CHƯƠNG THỨ BA

Nói về những người bị can-trách về hình-sự. — người vị-thành-đinh phạm phép công hay là phạm tội đạt bất-kính

TIẾT THỨ I

Những người bị can-trách về hình-sự

Luật Hình ở Bắc-kỳ ta cũng như luật các nước văn-minh thời nay, đều trọng cái tôn-chỉ « ai phạm luật người nấy chịu tội ». Song khi có cần, luật Hình cũng bắt một vài hạng người bị can-trách về việc người khác phạm tội. Nghĩa là bắt bồi tổn-hại, thường-hoàn, giả lệ-phí mà thôi; còn tội-phạt về hình-sự thì vẫn do đích-thân kẻ phạm phải chịu.

A) *Cha mẹ, ông bà phải can-trách vì con cháu phạm tội.* — Điều 58 luật Hình định rằng: Nếu người phạm trọng-tội khinh-tội hoặc tội vi-cảnh và người vị-thành-đinh mà ở chung — với cha mẹ nó, hoặc không có cha mẹ ở chung với người tôn-thuộc, do người tôn-thuộc trông nom, — vô-luận là thân-thuộc tự-nhiên hoặc thân-thuộc nghĩa-dưỡng, — thì các người thân thuộc ấy phải can trách về sự thường-hoàn giả lệ-phí, bồi-khoản, bồi tổn-hại về phần đứa vị-thành-đinh bị-nghĩ. Nếu người phạm là người thành-đinh mà cùng ở với các hàng người-thân thuộc đã nói ở trên thì quan thẩm-phán có thể chiếu cái tình cảnh cộng-sản ở trong gia-đình, cái cách lao-động công-cộng, hoặc cái tình trạng phạm tội, mà bắt các người thân thuộc ấy phải can trách về khoản thường-hoàn giả lệ-phí bồi-khoản, bồi tổn-hại về phần người thành-đinh bị-nghĩ. Các người thân thuộc đáng bị can trách, sẽ bị đòi ra dự sự và được trình ra các lời thuyết-minh có ích. Nếu phải can trach, thì trong án nghĩ sẽ tuyên cáo rõ ràng sự can trách ấy.»

B) *Chủ nhà bị can trách vì nô-tì phạm tội.* — Điều 60 luật Hình định rằng: « Chủ nhà gặp khi nô-tì phạm tội, nếu xét ra vì nô-tì làm việc của chủ sai bảo mà phạm tội, thuộc về việc ấy, thì chủ mới bị can trách về khoản thường-hoàn, bồi tổn-hại và giả lệ-phí của người phạm tội phải chịu »

C) *Hội đồng kỳ-dịch đối với người làng khác đến ngụ trong làng mình mà bị can-trách.* — Điều 61 luật hình định rằng: «Hội-đồng kỳ-dịch đối với người làng khác mới đến ngụ trong địa-phận làng mình, nếu khi người ấy có bị những sự đạo-kiếp thành đảng, bị sát, bị thương, hay là bị sự hành-hung đã có cầu-cứu, xét ra quả tình cứu được mà không cứu, thì hội-đồng kỳ dịch phải bị can trách. Nếu người ấy đến ngụ đã quá 20 ngày rồi, thì hội-đồng kỳ dịch không phải can trách nữa.

«Nếu sẩy ra án giết người mà không bắt được người phạm, thì hội-đồng kỳ dịch phải chịu phí-tổn về sự mai-táng người biệt-xã bị chết ấy.

«Hội đồng kỳ-dịch mà đã bị tòa án tuyên cáo là can trách thì phải bị xử bồi-thường như sau này: 1° đền những vật giá bị mất cho người mất trộm đến toàn-bộ hoặc nhất-bộ do quan thẩm phán liệu định; 2° là đền một bồi khoản cho người bị thương mà thành cố-tật hay là bị thương-tính tầm thường hoặc đền cho gia-thuộc người bị-sát, số bồi khoản ấy bao nhiêu do quan

thẩm-phán xét định, nếu người bị hại khi đến ngụ không trình với lý-trưởng thì hội-đồng kỳ-dịch không bị can-trách.»

TIẾT THỨ II

Người vị-thành-đinh phạm phép công hay là phạm tội đại-bất-kính

I.— *Người vị thành-đinh phạm phép công*

Người vị-thành-đinh về luật-Hình là người chưa đầy 16 tuổi, tức là người chưa đủ trí khôn biết phân-biệt biết suy xét rõ điều hay điều dở, bởi thế luật định cho hình-phạt riêng, hình-phạt ấy bằng theo ở sự đứa vị-thành-đinh, khi phạm có tri-thức hay là không có tri-thức.

A) — Nếu người phạm khinh-tội trọng-tội chưa đầy 16 tuổi mà quan thẩm-phán xét ra việc của nó phạm là có tri-thức, thì xử phạt như sau này :

Nếu đáng phải tử-hình hay là khổ-sai chung-thân hay là phát-lưu, thời đổi làm giam ở chỗ trừng-giới từ 10 năm đến 20 năm. Nếu đáng phải khổ-sai có kỳ, cấm-cố, đồ-dịch, phóng-trục, thì đổi làm giam ở chỗ trừng-giới từ 1 năm đến 10 năm. Nếu đáng phải hình trừng-trị về khinh-tội, thì sẽ chiếu cái tội hạn xử người từ 16 tuổi trở lên, mà xử bắt phải chịu nặng nhất là một nửa mà thôi.

B) — Nếu người phạm từ 16 tuổi trở xuống đã do quan thẩm-phán xét ra việc của nó phạm là vô-tri-thức, thì được miễn-nghị, nhưng bắt phải trả lệ-phí, và khi có cần lại bắt chịu một bồi-khoản vừa phải cho người đương-sự bị hại về tội phạm chiếu như qui-định ở điều 46 trong luật Hình-sự-tố-tụng. Người phạm ấy, thì do quan thẩm-phán có thể chiếu tình-trạng mà phán-thị giao cho cha mẹ nó bảo-lĩnh hay là giao nuôi nó ở chỗ trừng-giới — cái hạn đem nuôi nó là mấy năm sẽ định trong án, nhưng không được quá cái năm tên phạm ấy chẵn 21 tuổi — hay là có thể phán-thị giao tên phạm ấy cho một nhà lương-thiện hoặc một hội làm phúc trông nom cho đến khi nó tới cùng một tuổi ấy.

§ II. — *Người vị-thành-đinh phạm tội đại-bất-kính đối với tôn-trưởng.*

Điều 59 luật Hình định rằng: «Người nào thấy con cháu vị-thành-đinh thuộc về mình bảo-quản, phạm tội đại-bất-kính với tôn-trưởng, thân thuộc, hay là không có hạnh-kiểm, thì không cứ mình đối với đứa vị-thành-đinh là ông bà, hay là cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, đều có thể cáo quan mà xin giam nó ở chỗ trừng-giới cho đến ngày 21 tuổi chẵn. Người thân-thuộc muốn xin giam con cháu phải làm đơn trình quan thẩm-phán tòa án tỉnh; quan thẩm-phán ấy sẽ nghĩ mệnh-lệnh sức bắt giam hoặc bác đơn xin; nhưng các người thân-thuộc quan-hệ được đối với mệnh-lệnh ấy dùng cách kháng-tố mà kháng-cáo ở trước tòa đệ-tam-cấp; tòa đệ-tam-cấp sẽ họp ở phòng nghị-sự mà xét đơn xin và xử-trí. Người đã được tư-pháp chuẩn cho sự xin giam con cháu thì bao giờ cũng có thể được xin tha cho đứa bé trước khi chưa mãn hạn định giam.

Trong thủ-tục xin giam, không cứ lúc nào, quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội có thể dùng cách kháng-cáo mà kháng-cáo trước tòa đệ-tam-cấp để phản-đối cái định-lệnh cho giam đứa vị-thành-đinh.»

CHƯƠNG THỨ BỐN

Nói về tòng phạm

Khi nào có nhiều người cùng can về một việc, thì nên chia ra người chánh-phạm công-phạm và người tòng-phạm. Chánh-phạm hay là cộng-phạm là

người trực - tiếp làm lấy chính việc phạm tội. Tòng - phạm là người cố-ý dự vào việc - phạm, hoặc là trước khi, đương khi, hoặc là sau khi người chánh-phạm phạm tội, có gián-tiếp làm hộ những việc bàng-phụ để giúp cho việc chánh-phạm.

Phải đủ 3 lẽ sau này mới gọi là tòng-phạm :

1° Việc chánh - phạm có bị tội thì việc tòng-phạm mới bị tội.

2° Người tòng-phạm có ý phạm-tội mới có tội.

3° Dự vào việc phạm như cách luật định.

. . .

Luật định ra ba trường - hợp tòng-phạm như sau này :

« 1° là xui-giục cho người ta phạm-tội, hay là lấy tặng-vật, lời ước, dọa-nạt, thiện-quyền, gian-mưu, ngụy - kế để khiêu-khích cho người ta phạm-tội.

« 2° là biết rằng người phạm tất dùng làm sự phạm phép, mà cấp cho khí-cụ hay là phương-kế gì khác.

« 3° là biết rằng làm việc phạm phép mà giúp đỡ cho người chánh-phạm để cho dự-bị phạm tội hoặc làm cho dễ phạm tội, hoặc làm cho thành-tựu sự phạm-tội. »

Trường-hợp coi như tòng-phạm. — Điều 52 luật Hình định rằng : « Người nào đã biết vật đó là vật ăn cướp, trộm-cắp, hay là lấy được bởi vì phạm trọng-tội, khinh - tội, mà có ý oa - tàng toàn-bộ hoặc nhất - bộ cũng cho là tòng-phạm về trọng-tội khinh-tội ấy. »

Hình-phạt xử người tòng-phạm. — Điều 49 luật Hình định rằng : « Các người tòng - phạm về trọng-tội khinh-tội, thì cũng phải chịu tội như người chánh-phạm, trừ khi nào luật có định riêng thì khác. »

Điều 53 lại định rằng : « Nếu người chánh-phạm về trọng-tội bị tử-hình thì người tòng-phạm oa - tàng, được cải làm hình khổ - sai chung thân. »

. . .

Người cộng-phạm hay là đồng-phạm (coauteur) và người tòng-phạm (complice) khác nhau thế nào ?

Người cộng-phạm thì trực-tiếp làm ngay việc phạm. Người tòng-phạm thì không thế, chỉ làm những việc bàng-phụ để dễ làm nên việc phạm. Thí dụ: một kẻ ăn cướp phá tủ, mội kẻ nữa lấy bạc; hai đứa ấy là cộng-phạm về tội đạo-thiết có khai-phá, là vì hai đứa cùng trực - tiếp làm ra việc phạm ; nếu chia riêng ra thì kẻ phá tủ là tương-hành-vị-toại về tội đạo-thiết có khai-phá, mà kẻ lấy bạc là thực-hành nên việc đạc-thiết có khai-phá, vậy hai việc đều là phạm tội đạo-thiết, mà hai kẻ phạm đều là cộng-phạm. — Như một kẻ đưa súng, một kẻ lấy súng bắn người, thì kẻ cầm súng bắn người là chánh-phạm, kẻ đưa súng là tòng-phạm (Nên xem sách Đại-Nam-Hình - luật-ý của quan Briffaut nói về cách phân-biệt chánh - phạm, cộng - phạm, với tòng-phạm và cách thi hình-phạt cho các người này rất rõ ràng thâm-thúy).

(*Còn nữa*)

H. T.

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

V

TIẾT THỨ 42

Nói về lối ca từ. — Lối ca nhạc-phủ đời Hán, đến đời Nam-triều mới biến ra làm câu dài câu ngắn, như là bài Giang-nam-lộng 江南弄 của vua Lương Vũ-đế, bài Lục-ức 六憶 của Thẩm Ước dịch ra như sau này :

Bài Giang-nam-lộng rằng :

Trăm hoa đua nở vườn thượng-lâm,
Vẻ thơm sắc đẹp bóng âm âm.
Liền cành hớn hở nức xuân-tâm,
Nức xuân-tâm, năm bấy giờ,
Trông ai đó, luống ngẩn ngơ !

Bài Lục-ức rằng :

Nhớ nhung hoài, lững thững vừa tới nơi ; vội vã biệt-ly ngay ! Tương-tư ngỏ mấy lời, bấy lâu nay khao khát, gặp nhau lòng mới nguôi.

Đời Đường cho thơ cũng là nhạc, ngoài những bài nhạc-ca từ-ngôn ra, trong sử có chép những bài luật-thi ngũ-thất-ngôn cũng đều cho là nhạc cả. Đến đời vua Huyền-tôn, Túc-tôn mới biến ra làm lối ca-từ, như bài nhớ Tần-Nga của Lý Bạch, bài Ngư-ca-từ của Trương Chí-Hòa, đó là mới lạm-tràng ra lối ca-từ vậy.

Bài ức Tần-Nga rằng :

Tiếng kèn vẳng, tơ tưởng bóng nga lầu nguyệt vắng.
Lầu nguyệt vắng, xanh xanh ngàn liễu, biệt-ly đằm thắm.
Đìu-hiu quang-cảnh vừa thu-tiết,
Vắng-vẳng đàng xa âm-lin tuyệt.
Cửa khuyết chiều hôm,
Hơi may thê-thiết !

Bài Ngư-ca-từ rằng :

Đầu núi cò bay bóng xế tà,
Bên sông cá nhảy nước trôi hoa.
Nón lá nhẹ, áo tơi xòa,
Mặc dầu mưa gió ta với ta.

Xét nguyên-nhân những bài từ ấy, không phải hẳn là thoát-thai ở lối cổ-nhạc-phủ, đó thực là phá bỏ cái lối tân-nhạc của nhà Đường mà làm ra, vì lối ca nhạc-phủ đời Đường thông-hành nhất là những lối thơ ngũ-thất-ngôn tuyệt-cú, như bài Thanh-bình-điệu của Lý Bạch, bài Trúc-chi-từ của Lưu Mộng-Đắc, bài Liễu-chi-từ của Bạch Nhạc-Thiên, bài Nghê-thường-từ của Vương Kiến, đều là thơ thất-ngôn tuyệt-cú cả mà cũng đều cho là từ, bởi vì đặt ra có điệu thời có từ, kỳ-thủy thi-nhân làm ra từ người ca cứ án điệu mà hát, cho nên từ cũng tức là thơ ; về sau này thi-nhân có làm ra từ, lại so sánh cho hợp điệu mà không khác gì thơ, song trong câu cũng có chữ thêm vào chữ bớt đi như là bài Ngư-ca-từ vốn là thơ thất-ngôn tuyệt-cú, nhưng đến câu đệ-tam lại bớt đi một chữ chỉ có sáu chữ mà thôi, bài Quế-điệu-thu của Lý Bạch cũng thế, dịch như sau này :

QUẾ ĐIỆU THU :

Tiên-nữ đâu, vừa tới đây ?
Đêm thanh thềm quế tiếng sênh bay.
Vừa nghe rất tiếng tiên đâu tá ?
Vằng-vặc trăng suông cảnh sắc này !

Từ bấy giờ nhiều nhà làm ra ca-từ như là : Vi Ứng-Vật, Đới Thúc-Luân,

(1) Dịch theo quyển *Trung-quốc văn-học-sử* của ông Vương Mộng Tăng 王夢僧, xem Nam-phong từ số 56.

Vương Kiến, Hàn Hủ, Bạch Cư-Dị, Lưu Vũ - Tích, tựu - trung chỉ có Ôn Đình-Quân là một tay làm ca - từ hay nhất, có làm ra bài từ Bồ-tát-man bắt chước gốc từ giọng Ly-tao, dề ký-thác lời ai-oán mát-mẻ, tinh-diệu tuyệt-trần, thực là một nhà từ-gia chính-tôn. Nay dịch một chương như sau này :

Bảng lảng non vàng cảnh minh diệt,
Mây in mái tóc thân pha tuyết.
U dột nét mày ngài,
Điểm-trang cùng với ai ?
Cành hoa lồng trong kính,
Mặt hoa cùng lấp lánh.
Mới mẻ bức la-nhu,
Đôi chim ai thêu thùa ?

Từ bấy giờ lối ca-từ mới càng xướng-phát mãi lên, vua Chiêu - tôn nhà Đường và vua Trung - tôn nhà Hậu-Đường đều tài về lối ca-từ ; những bài từ của vua Nam - Đường Trung-chủ Cảnh, Hậu-chụ Dục làm ra, đều thê-thảm động lòng người, thực là những bài thiên-cổ tuyệt-xướng. Văn-nhân mà có tiếng về lối ca-từ, thời nước Thục có Vi-Trang, Nam-Đường có Phùng Diên-Kỷ. Những bài từ của Ôn Đình-Quân thời ý ủy-uyển lời đoan-trực, mà bốn chương từ *Bồ-tát-man* thời tình-ý ủy-khúc, không kém gì ca-từ của Vi-Trang, cho nên đều khen cả họ Vi với họ Ôn, Phùng Diên-Kỷ cũng có thể sánh bằng được, có làm bốn chương từ *Điệp-luyến-hoa*, ý từ thâm-trường khổ-khắc, trung - hậu chiền-miên, vẫn còn y-nhiên như giọng Ly-tao, lối ca-từ đến thời Ngũ-qui thực đã khoáng-trương ra nhiều lắm.

THIÊN THỨ III

Thời-đại lý-thắng

Lời tổng - thuật. — Từ đời Triệu-Tống trở về sau, văn-phong đại-biến có hai nguyên-nhân như sau này :

1° *Là bởi vận-hội biến-thiên.* — Thể văn biền-lệ đến đời Tề, Lương đã tiến lên đến cực-điểm. Tứ-kiệt đời Đường như là Yên-công, Hứa-công dẫu bắt chước mô-phỏng nhưng cũng không kịp được, kịp đến đời Ngũ - qui đời Tống-sơ sinh ra lắm điều văn-tệ; cho nên Âu-Dương Tu xướng lên cải-cách lối văn thời nhiều người đua theo ngay.

2° *Là sùng-thượng lý-học.* — Những lối học chương-cú huấn-hỗ của Hán-nho, đến đời Đường đã suy đi rồi. Hàn-Dũ mới xướng lên làm ra thiên *nguyên-tính, nguyên-đạo.* Đời Ngũ-qui lại có Trần Đoàn phát-minh cái tinh-uẩn số học Hà-đồ Lạc-thư, học trò nhà Tống nhân đó mới phát-minh ra lý-học. Ảnh-hưởng ấy lan ra đến cả văn-học cũng bỏ lối văn điêu - trác mà chuộng làm văn chất-phác.

Không những là lối cổ-văn chấn-hưng lên, cho đến những lối văn biền - lệ, văn ký - sự, thơ - từ, cũng là chuộng về phần lý-thắng cả; thậm-chí có bài chỉ bàn lý thôi chớ không đặt thành ra văn, như là những văn Ngữ-lục, Tiểu - thuyết v. v. Kể từ đời Tống đến đời Minh hơn 700 năm, đại-thế văn-học có hồi thịnh có hồi suy, nay chia ra ba thời-kỳ như sau này:

1° Thời-kỳ cổ-văn xương-thịnh (Đời Bắc-tống).

2° Thời-kỳ cổ-văn trung - suy. (Từ đời Nam-Tống đến đời Kim đời Nguyên và đời vua Hiến-tôn nhà Minh).

3° Thời-kỳ cổ-văn lại thịnh (Từ đời Minh Hiếu-tôn đến cuối đời Minh).

CHƯƠNG THỨ VII

Thời kỳ cổ-văn xương-thịnh

TIẾT THỨ 43

Trạng-huống văn-học đời Tống-sơ. — Đời Ngũ-qui văn - phong đồi - tệ, đến Nam-Đường mới hơi khá, những người có tiếng văn-học như là Hà Hi-Tái

熙 載, Từ Huyễn 徐 鉉, đều sở-trường về lối văn chế-cáo, văn biểu văn bia, bài nào từ-lý cũng tinh-đáng cả. Đồng-thời ấy lại có bốn người văn-học là: Cúc Thường, Dương Huy-Chi, Lý Nhược-Chuyết, Triệu Lân-Cơ, song văn-chương những người ấy cũng còn yếu-ớt lắm. Đến đời vua Thái-tôn thời có Dương Ức 楊 億, Lưu Quân 劉 筠 mới khởi lên biến-cải lối văn ấy đi, làm ra lời văn mật-thiết tinh-trí, thiên-hạ khen văn họ Lưu họ Dương, gọi là thể văn Tây-côn. Song văn họ Từ họ Hàn thời theo lối văn Yên-công, Hứa-công; văn họ Dương họ Lưu thời bắt chước văn Lý Thương-Ẩn, nhưng chỉ giống được phần hình-tự, chớ không có tinh-thần, cho nên mạt-lưu về sau những người duyên-tập lối văn họ Lưu họ Dương lại càng sai mãi đi, thành ra văn cầu-kỳ gian-sáp, nên văn-phong càng ngày càng kém.

TIẾT THỨ 44

Cổ văn hưng thịnh. — Đương khi họ Cúc họ Dương, họ Lý, họ Triệu, thịnh-xướng lối văn biền-lệ, thời có Cao-Tích, Lương Chu-Hàn, Liễu Khải, Phạm Cảo lại chỉ chuộng lối văn thuần cổ, song cũng sai lầm đi như là văn thể Tây-côn. Khi ấy lại có Vương Vũ-Xưng, Tô Thuấn-Khâm, Mục Tu khởi lên, cũng đã hơi chỉnh đính được văn thể; sau Mục Tu truyền đến Doãn Thù, rồi lại truyền đến Âu-Dương Tu 歐陽修, Tu là người đất Lư-lăng, trước vẫn sở-trường về lối từ phú, sau được xem văn Hàn Dũ, lại theo học Doãn Thù 尹 洙, cho nên văn-chương nổi tiếng thiên-hạ. Khi ấy văn thi khoa tiến-sĩ hay chuộng làm gò từng câu nệ từng chương, ông Tu ra chấm chủ-khảo ức bỏ lối văn ấy đi, cho nên văn phong bèn nhất-tân biến đổi. Bấy giờ ở Nam-phong có Tăng Củng 曾 鞏; Mi sơn có Tô Tuân 蘇 洵; và con là Thức 軾, Triệt 轍; ở Lâm xuyên có Vương An-Thạch 王 安 石, đều theo phong-trào mà hưng khởi lên cả, do Âu-Dương Tu tiến dẫn lên mà nổi tiếng ở đời. Văn Âu-Dương Tu thời thư-từ khúc-chiết, ví với văn Hàn Dũ, cũng như là văn Ban Mạnh-Kiên sánh với văn Tư-Mã Thiên. Vương An-Thạch làm văn thời không thêm dùng một chữ cũ nào của người trước. Văn Tăng Củng thời khí cốt hùng-kính, văn Tô Tuân thời khí phách đột-ngột, cũng như văn Hàn Dũ. Tô Tuân dẫu không học Hàn văn, nhưng làm văn có khí-phách hoành-không ngạnh-trực, cốt-cách cũng như văn Hàn Dũ. Tô Thức thời thiên-tư hơn người, cho nên văn-khí cũng siêu việt kỳ-diệu. Tô Triệt thời học-lực hơn anh, nhưng văn-chương bình-thực, kém cả mọi người, song từ đấy trở về sau cho đến đời Minh chưa có ông Trần-Xuyên khởi lên, thời cũng chưa thấy mấy người địch được bằng văn các ông trên ấy. Cho nên Minh Chu-Hữu đều khen Hàn, Liễu, Âu, Tăng, Vương cùng ba ông Tô là tám nhà cổ-văn đại-gia. Văn tám nhà ấy trình-độ đều cao, song văn Tô Thức lại dễ nghe mà ai cũng thích, rồi lại truyền đến cho Trương Lỗi, Tần Quán, thực là làm quan-miện cho văn-chương về sau này.

TIẾT THỨ 45

Thể văn biền-lệ biến-cải. — Lối cổ-văn đã hưng-khởi lên, nên thể văn biền-lệ cũng chịu cái ảnh-hưởng ấy; đồng-thời với Âu-Dương Tu lại có anh em Tống-Giao 宋 郊, Tống-Kỳ 宋 祁, vẫn còn duyên-tập lối văn biền-lệ của Yên-công, Hứa-công, xem ra lời văn cũng diễm-lệ. Song Âu-Dương Tu làm bài biểu tấu nào thì chỉ đặt câu bài-ngẫu cho nhất-khí, nên văn-phong bấy giờ mới lại biến-đổi khác đi.

Văn Vương An-Thạch thời hay lấy những câu thành-ngữ trong kinh sử đặt vào cho điển-nhã. Văn biểu tấu của Tô Đông-Pha thời hùng vĩ thâm-

trầm; song thể-cách cũng không thoát khỏi lối văn họ Âu họ Vương. Từ đó thể-cách văn biền-lệ đời Tống mới thành lập.

TIẾT THỨ 46

Thể văn ký-sự biến-cách. — Đương lúc thời Tấn, Lưu-Hú có phụng-chỉ vua làm sách Đường-thư; đến đời vua Tống Nhân-tôn cho sách ấy văn phiền tạp quá mà việc thì giản-lược, nên lại sai Tống-Kỳ, Âu-Dương Tu sửa soạn làm lại, thêm sự thực nhiều hơn trước mà bớt lời văn đi. Tống-Kỳ thời sở-trường về lối văn biền-ngẫu, song làm sách Đường-thư thì lại chuộng lời giản sáp, không đặt một câu văn biền-ngẫu nào cả, đến như những bài tự-luận cũng làm theo lối tản-văn, thể-tài sách-sử bấy giờ mới lại khôi-phục lại lối văn cũ của họ Ban họ Mã. Đời Tống-sơ có Tiết Cư-Chính phụng chiếu nhà vua tu-soạn sách sử Ngũ-đại, Âu-Dương Tu lại sưu-tập các điều dị-văn, nghiêm-định ra lệ làm sử, làm thành ra bộ Tân-ngũ-đại-sử, văn-bút chép rất giản-khiết, có thể theo được như sách Sử-ký của họ Tư-Mã; ông lại bắt chước thư-pháp kinh Xuân-thu, chép văn có ngụ ý bao biếm. Đồng-thời ấy lại có Tư-Mã Quang làm sách Biên-niên-sử, trên chép từ cuối đời nhà Chu, dưới đến đời Ngũ-quí, thể-tài rộng-rãi, ý-tứ tinh-vi, thực là một bộ sử tự đời Tần Hán đến giờ chưa có bao giờ. Vua Nhân-tôn đặt tên bộ sử ấy là bộ *Tư-trị-thông-giám* 資治通鑑.

TIẾT THỨ 47

Cách-thơ biến-đổi. — Lúc đời Tống-sơ, thoát bỏ những tập-thượng lối thơ đời Ngũ-quí, mà bắt chước lối Đường-thi, đại-khái chia ra có ba phái: Vương Vũ-Xưng lúc trước thời học lối thơ Thiếu-lăng, sau học lối thơ Trường-Khánh, gọi là lối thơ *Bạch-thể*; Khấu Chuẩn, Lâm Bô, Ngụy Dã, Phan Lãng thời học thơ đời Vãn-Đường, gọi là thể thơ *Vãn-Đường*; bọn Lưu Quân 17 người thời tôn-sùng lối thơ Ly Nghĩa-Sơn, gọi là thể-thơ *Tây-côn*. Tựu-trung cái thế-lực về phái thơ Tây-côn mạnh hơn cả, thể thơ thời chuộng lời tinh-diễm, nhưng cũng không khỏi có câu ẩn-tích. Vì thế Tô Thuấn-Khâm mới lấy giọng thơ hùng-khoái mà đổi bỏ những lời phù-mĩ đi; Mai Nghiêu-Thần mới lấy giọng thơ cổ-đạm mà biến bỏ những câu nùng-diễm đi; cách thơ đời Tống mới khai mào ra những lời hùng-kiện thiện-lộ. Sau này lại có Lư-Lăng học thơ ông Hàn mà không được như ông Hàn cả, chỉ có thể thơ thất-ngôn cổ-thi là hơi giống; Bán-sơn học thơ ông Đỗ mà không được như ông Đỗ cả, chỉ có lời thơ hơi cổ-kính. Đến khi Tô Thức, Hoàng Đình-Kiên nổi lên, thời thể-cách thơ đời Tống mới thành. Thơ ông Tô không có chủ theo một nhà nào mà trong bụng ông có cân nhắc, ngọn bút ông thực là ngọn bút hóa-công, khí cách dẫu không bằng thơ ông Đỗ, song thần-ý tinh-diệu, cũng phảng-phất như nhau. Sơn-Cốc thời học thơ ông Đỗ, cũng bỏ được lối trần-hủ mà tiêu-yết được thể tân-kỳ, có thể đứng đầu trong bọn làng thơ Tô-môn tứ-quân-tử. Tô-môn tứ-quân-tử là: Hoàng Đình-Kiên, Trương Lỗi, Triều Bồ-Chí, Tần Quán. Từ bấy giờ về sau, ai bàn đến thơ cũng là suy-tôn họ Tô với họ Hoàng. Thời ấy các thi-gia lại có một biệt-phái nổi lên, là những thơ các nhà đạo-học, từ khi ông Chu ông Trình đề-xướng cái thuyết tính-lý, bèn làm ra thơ thuyết-lý, như là tập thơ *Kinh-nhưỡng* 擊壤 của ông Thiệu Ung thực là trứ-danh lắm.

TIẾT THỨ 48

Từ-khúc xương-thịnh. — Từ-khúc đời Tống, cũng như là thơ đời Đường. Trên từ vua Cao-tôn, Huy-tôn, dưới đến các quan đại-thần như Khấu Chuẩn,

Hàn Kỳ, Phạm Trọng-Yêm, Tư - Mã Quang, rồi đến những nhà đạo-học, kẻ vũ - phu, đàn - bà, con gái cùng các người phương-sĩ đều tinh hiểu âm-luật. mà hay đặt ra xoang-điệu từ-khúc cả. Những người trứ-danh thời có Yến Thù, Âu-Dương Tu, và con Yến - Thù là Cơ-Đạo, đều công-xảo về lối diễm-từ; Từ-khúc của Tiểu-Sơn thời lại hay về lối ngôn-tình, đại-đề đều tập-nhiễm cái phong-khí đời Ngũ-quí, chớ không hay được như từ-khúc của Ôn, Vi có ý hàm-súc thâm-trường, bởi vì lối văn thiển-lộ là cái thông-bệnh các nhà văn-học đời Tống. Đồng - thời ấy lại có Trương Tiên, Liễu-Vĩnh cũng hay về lối từ-khúc diễm-thể. Đến Tô Đông-Pha khởi lên mới bỏ hẳn những lối từ-khúc bóng - bẩy là-lượt, mà làm ra những lời hào-tình khảng-khái, thiên-cơ dương-dật, có thể truy theo được như từ-khúc của Lý Thanh-Liên. Sau Tô Đông-Pha lại có những nhà từ-khúc trứ-danh là Tần Thất, Hoàng Cửu, cũng hay nối được thanh - điệu Tô Đông-Pha, nhưng chỉ có từ-khúc Triều Bồ-Chi là sảng - khoái lỗi - lạc hơn, song lực-lượng cũng hơi kém; còn như từ-khúc của Sơn Cốc thời thô-bỉ lắm. Từ-khúc của Tần Thiếu-Du thời không đồng-phái với Tô Đông-Pha, song lời lẽ cũng thanh - cao ủy-uyển, có thể trên nối được Ôn, Vi, dưới mở cho Mĩ-Thành. Đồng-thời ấy lại có Hạ Chú, lời văn từ-khúc cũng diễm-lệ, kiêm cả chúng-mĩ mà hơn cả nhất-thời; từ-khúc của Mĩ-Thành thời có ý trầm-uất đốn - tỏa, họ Tô họ Tần cũng phải chịu là hay. Đó là kết-cục các từ-gia đời Bắc-Tống, mà khai ngòi trước cho các từ-gia đời Nam-Tống vậy.

ĐÔNG-CHÂU dịch

LUÂN-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG

CẬN-LAI BỞI SAO SUY-THOÁI ?

Mới rồi tôi trẩy hội Phủ-Giầy (thờ đức Liễu-Hạnh công-chúa ở làng Tiên-hương, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định) nhân đi đường gặp người khách Quảng-đông, tôi có phàn-nàn với hắn về cái cách người mạnh kẻ sang ở đó đối với người già gái yếu một cách đáng bỉ đáng thương. Hắn ta chau mày trợn mắt mà rằng: « Chà chà ! như thế này đã thấm, này ở bên Quảng-đông chúng tôi lại còn bằng vạn, này như những buổi chợ cuối năm gần tết, mỗi phiên ít ra cũng vài ba người chết là thường; vì những quân cướp chợ như ruồi, mỗi khi chúng cướp chỗ nào thì cái đống người chỗ ấy lại xô đi như núi lở, kẻ già người yếu (yếu vì cái tục bó chân) ngã đi xuống dưới chân thì cái đống vô-lương-tâm kia cứ để vậy mà giẫy xéo, chết rẹp như con gián, nghe không? ». Tôi đỏ mặt tía tai, trong óc nóng như nồi lửa, mà hỏi lại rằng: « Chết nỗi ! nước Tàu là một dân-tộc văn-minh tối-cổ lại là một nơi trung-tâm của đạo Khổng, Mạnh ngày xưa, thì tôi tưởng ăn ở với nhau nhân-từ bác-ái lắm mới phải, chớ có lẽ đâu lại xử với nhau một cách dã-man tàn-nhẫn như thế? » Chú này ý dáng cũng là một chú thương-khách, chỉ biết tập lấy năm ba chữ để biên trác, chớ cũng chưa đọc qua luân-lý, cái trí - thức phổ - thông (trên kia là chẳng qua cái lương-tâm nó bật tiếng ra) nên tôi hỏi chú ta cứ

trơ như cây gỗ đứng giữa dòng nước. Tôi để cho hắn ta tỉnh ra, bấy giờ tôi mới hỏi tiếp: « Ừ thì lũ binh-dân đối với nhau như thế đã đành, còn như quan-trưởng đối với hạ-dân thì thế nào? » Hắn ta giơ tay vừa múa vừa nói: « Quan à! quan chỉ là cái quan-tiền, ức-chế dân quá lắm, cho nên những lúc nhân-dân biến-loạn, bởi đói khát cũng có, nhưng phần nhiều là để mà báo-thù những bọn quan-tham lại những đó thôi; bên Tàu chúng tôi không hay đi kiện vặt như ở đây, ở trong làng với nhau cũng vậy, hễ ghét ai thì hay sinh ra bè đảng đánh nhau. Lại những lúc xảy ra việc chiến-tranh trong chỗ cũng là bởi đoạt-lợi tranh-quyền, độn thây người làm cái bậc thang bước lên địa-vị cao-quí đấy thôi! . . . .» Từ hôm nghe câu chuyện thảm-thiết đến nay lấy làm bùi-ngùi trong dạ, bức-rức trong đầu, thường thường vắt tay lên trán, một mình ngồi-ngợi lại lầm bầm mình nói với mình: « Ừ thì như lũ hạ-ngu, bởi cái chữ Hán là thứ khó-khăn nặng-nịu, mà trí-não không mang nổi cái học phổ-thông, nghĩa là dân-trí không khai-thông được; nên bị con ma đốt nát nó bịt mắt mà đưa dắt đến chỗ tối tăm, lại chỉ biết bám bíu vào mấy mảnh ruộng trơ, quanh năm chí kiếp chỉ nắm chắc một phần sống trong những mươi phần, rồi mới đi cướp giật cái sống của kẻ khác mà sáp-nhập vào mình, nhân thế mà chết đã hẳn. Sao như cái phái người mượn sự học làm bước đường tiến-thủ thì cũng đủ sung sướng hơn người nhiều rồi, mà còn tham-tàn vô-hạn, để đến nỗi tàn-sát lẫn nhau; hay là cái kết-quả của sự học nó ra như thế?

Mà thật, bởi cái kết-quả của sự học mà ra thật! Dạy không thể đổ tội cho cái học của Khổng Mạnh là cái học vụ-thực, cái học chân-chính hoàn-toàn; vì cái học ấy hơn nghìn năm nay bị những vừng mây tối hư-văn che khuất, có theo cũng là mục-đích để mà nhẹ bước lên cái vừng mây ấy như người ta thường nói «nhẹ bước thanh-vân», để mà an-hưởng cái khoái-lạc một mình, chớ cần gì lũ người đời hèn mạt? Vả lại, nếu đạo ấy còn sáng, mà cách trước-thư lập-ngôn thiếu mất mấy cái lợi-khí sau này, cũng không đủ sức ngăn ngừa được cái vật-dục của người đời bây giờ được; cái lợi-khí ấy xưa kia cũng có, nhưng cũng vì cái vẻ hư-văn nó hóa mất nguyên-chất đi.

1. Văn tỷ-dụ với văn ngụ-ngôn — Về những thời-kỳ từ ông Khổng trở về trước thì lòng người vẫn còn thuần-phác đơn-sơ, nên các ngài đặt lời giáo-huấn như chỉ cho một con đường thẳng, mặc trí người ta cứ nhắm mà đi cho đến cái chỗ mục-đích làm người.

Rồi từ đấy về sau lòng người mỗi ngày một phiền-phức, tức là thị-dục mỗi ngày một gia-tăng, nên trong trí còn vẩn-vơ những con đường tắt; lại nhân giống người mỗi ngày một đông-đảo, những một con đường đạo-đức chân-chính ấy, không đủ chỗ cho người đi; ông Mạnh-tử biết thế là nguy, nên trong thời Chiến-quốc ông đi khai-đạo cho các vua chúa bấy giờ, phải hiểu rằng, muốn trị-dân cho được êm-đềm yêu-mến, thì đã đành là đem những điều nhân-chính mà thi cho dân, lấy đạo-đức nhân-nghĩa mà dạy dân; nhưng trước hết phải mưu-tính cho dân những việc làm ăn sinh-lợi, lại phải bảo-hộ của cải cho dân, tóm lại là muốn cho có hằng-tâm thì phải có hằng-sản; có hằng-sản thì sẽ có hằng-tâm; hai cái ấy có liên-kết với nhau thì mới giữ nổi cái lòng tàn-ác của người đời. Tuy vậy, những lời mình nói, khiến cho người nghe để lọt vào tai, thấm vào óc, không đến nỗi như nước đổ lá khoai thì ông dùng những cách khôn-khéo là động nói thì tỷ-dụ với lại ngũ-ngôn (văn Mạnh-tử phần nhiều

tỉ-dụ, văn Chiến-quốc phần nhiều ngụ-ngôn) văn tỉ-dụ thì có thể ví như đem ống vọng-viễn-kính, đứng một chỗ mà thu cả cảnh-vật mọi nơi vào trong mắt, không phải mất công thân-lý, mà lại liên-tiếp cho sự ký-ức hơn. Văn ngụ-ngôn thì lại ví như cho người đời cái gương để soi cho rõ cái hình-dung thái-độ của mình tốt xấu thế nào để mà sửa đổi — Như vậy thì chắc rằng ông Mạnh-tử có công với đời lắm lắm, vì ông không những là một nhà đạo-đức, lại là một nhà chính-trị, một nhà kinh-tế, một nhà thực-nghiệp, một nhà hùng-luận văn-chương.

Tiện đây xin dẫn một câu cách-ngôn của Âu-châu có tỉ-dụ — mà hết thảy các câu cách-ngôn của Âu-nhâu đều có tỉ-dụ cả — Câu ấy là câu của ông A. Seignette: « L'homme dévoué n'écoute que son cœur ; un élan d'enthousiasme l'élève au dessus de lui, de ses intérêts et de ses dangers = Người nghĩa-hiệp làm gì cũng tự-tâm ; cái tia cảm-hứng ở não-tủy vụt ra là nưng cao mình lên trên bản-thân, lên trên những tài-lợi và lên trên những sự nguy-hiểm của mình ». Cứ xem một câu ấy thì thiết-tưởng học đến thiên-kinh vạn-quyển rút lại lòng người cao-thượng cũng đến thế thôi, đọc lên như tung mình lên trên gần tạo-hóa vậy ; như thế thì nhân-cách gì mà chả cao, tài-lợi gì mà chả bỉ, nguy-hiểm gì mà chả khinh, tóm lại là không những không nỡ bóc-lột người đời, mà lại hết sức mưu-giúp người đời nữa. Tôi tưởng hết thảy những câu cách-ngôn của các bậc thánh hiền Á-đông không mấy câu được cao-sáng bao lung như thế ; mà của Âu-Tây thì lắm câu còn cao-thượng hơn câu này nhiều, song không hợp với vấn-đề này, nên không chứng-dẫn thêm nữa. Ngày nay khoa-học phồn-thịnh, người Âu-Tây làm văn có cách giúp cho độc-giả, thính-giả hiểu được các lẽ phổ-thông trong các khoa-học, nghĩa là thường lấy những vật-lý trong khoa cách-trí hóa-học và tạp-vật-học mà thí-dụ vào cái lẽ mình nói mình bàn cho những người đọc, nghe dễ hiểu. Thế thì ra văn của người Âu không những không thừa lời, mà lại thừa tư-tưởng, bởi vì không những đem cho người đọc người nghe hưởng cái kết-quả trực-tiếp trong bài chuyên-luận, lại được hưởng cái kết-quả gián-tiếp là những lẽ đem thí-dụ bằng khoa-học phổ-thông.

2. — Không có bài-văn, cảm văn — Trước hết phải nên hiểu rằng : bài-văn đây không phải chỉ cái nghĩa hẹp như những bài chuyên-nghiệp trên đề-mục treo chữ « Hài-văn » đâu ? bài-văn đây là phổ-thông trong Pháp-văn lối nào cũng có pha vào cho đậm-đà và cảm-kích. Mà cảm-văn cũng không phải chỉ cái nghĩa hẹp là những bài đọc cảm-động mà thương-khóc thôi đâu ? cảm-đây là cảm-tình, tình là thất-tình, tình nào cũng cảm, mà cảm cho từng người, thí-dụ như có kẻ chết mà mình lại có cái cảm-tình mừng, vì kẻ ấy là kẻ gian-ác, vân vân.

Cũng như mục trên đã nói : Cái cơ-quan trong lòng người cũng theo lẽ tiến-bộ chung mà mỗi ngày một phiền-phức mãi ra, càng phiền-phức lại càng phải thêm của nhu-yếu bù vào cho vừa. Mà nhu-yếu bằng gì ? bằng các khoa-học phát-minh mãi ra để mà cung-cấp cho đủ cái thị-dục của loài người. Ấy là hai lẽ tiến-bộ : một lẽ công, với một lẽ tư, bao giờ cũng phải liên-tiếp nhau thì loài người mới có thể sống, mà sống một cách chắc-chắn êm-đềm.

Á-đông ta không phải là không có cái đạo-đức cao-thượng, mà nếu không bị hư-văn nó làm hại đi, giả-sử đạo ấy còn mạnh chăng nữa, cũng chỉ đủ canh giữ được một khóe đời mà thôi, muốn canh-giữ cho được kín-đáo cả

các mặt đời thì phải đem tận-suất khoa-học ra mới đủ. Bởi vì Á-đông ta thiếu mất hầu hết cả các khoa - học thực-tế, nên mới diễn ra tấn náo-kịch về đường luân-lý như đã kể ở trên hết kia, nghĩa là ăn ở với nhau không có ái-tình, như người Âu-tây đã phê-bình cho vậy. Tình-cảnh gây ra như thế là bởi ở thiếu các khoa-học, mà cũng bởi ở khoa « lý-luận-luân-lý » để canh giữ một khóe đời kia cũng lại thiếu mất hai thứ lợi-khí là hài-văn với cảm-văn, để mà bôi thuốc luân-lý tiêm vào óc vào tim, để trị cái giống độc trùng truyền-nhiễm làm hại ở trong mình. Nói cho phải là luân-lý của thánh-hiền ta đặt ra để dạy đời thì rất là hay là phải, song cách trước-thư lập-ngôn hãy còn khuyết-điểm ; như hãy thử đem một đoạn sách, một bài văn của ta mà xem thì thấy sách dạy có ý bóng-bẩy nhẹ-nhàng mà văn thì có ý mơ-màng phảng-phất, vừa trong vừa mát như thứ không-khí sạch trong, có thể hút vào tim được, song không giết chết được giống độc-trùng làm hại ở trong mình người. Duy có văn ông Mạnh-tử hơi giống như thế, song gần đây không dùng nữa rồi.

3. Hại bởi diễn-kịch và tiểu-thuyết — Trước khi xét về cái hại của diễn-kịch và tiểu-thuyết Tàu, hãy phải xét xem cái hay cái lợi của diễn-kịch và tiểu-thuyết Tây thế nào đã, để phản-chiếu cho rõ-tỏ ra :

Bên Âu-Tây người ta lấy tiểu-thuyết và diễn-kịch là hai cái lợi-khí giáo-dục mạnh nhất không gì bằng, vì tóm lại cũng chỉ có hài-văn cảm-văn. Cứ xem hai cái tôn-chỉ của diễn-kịch và tiểu-thuyết Tây thì có thể phân - biệt được rằng : diễn-kịch là « hành-động giáo dục » mà tiểu thuyết là « An-tĩnh giáo-dục ». Bởi vì kịch là thời - kịch, nghĩa là tả những nhân-tình thế-tục trong một thời, đem phô bày những thói rởm trò lố, nết hư, tính xấu của người đương thời ra trước công-chúng để cho kẻ nào có những tật ấy thì động lòng hổ mặt với người ta mà tự bỏ đi, mà chắc là từ đi chóng lắm ; hễ xem chừng trong xã-hội rửa hết những tật xấu ấy đi rồi thì thôi ; nên gọi là « Thời-kịch » ; hoặc cũng vẫn diễn những cổ - kịch, song đó là những vở đặc-biệt tuyệt-tác của một vài tay danh-bút tả ra hay quá đến nỗi thời - đại nào xem vẫn còn hay còn thú, như những vở kịch của một nhà thánh-sư soạn kịch diễn kịch nước Pháp và có lẽ của cả hoàn-cầu là Molière tiên-sinh. Ấy là nói về hài - kịch ; còn như bi-kịch từ lúc xuất-hiện ra nghề « chiếu ảnh » đến giờ, hình như người ta có ý khuynh-hướng về bi-kịch để cho người xem hoặc buồn hoặc vui hoặc thương hoặc sợ ; chớ diễn kịch là một cách giải-trí dưỡng-tinh, tưởng không nên đem diễn bi-kịch vậy.

Đến cái tôn-chỉ, cái phạm-vi, cái giá-trị, cái lợi-ích của tiểu-thuyết thì nó to rộng quá, kể ra đến mấy mươi trang cũng không hết được, vả mục-đích bài này cũng không phải là bài chuyên-khảo về nghề tiểu-thuyết kia. Vậy có thể tóm tắt đại - khái ra đây để làm cái gương sáng với tiểu-thuyết Tàu. Tiểu - thuyết Tây tả đại-đề có hai lối : một lối ý thấp, một lối ý cao, ý thấp phần nhiều thuộc về « Bi-quan chủ-nghĩa » ; ý cao phần nhiều thuộc về « Lạc-quan chủ-nghĩa » ; bi-quan là kỹ-thuật những truyện cũ, mà lạc-quan là sáng-tạo ra cuộc đời mới :

Bi-quan thì người ta thường tả những đoạn - thương tình-khổ, những cảnh ngộ éo-le, những nhân-tâm hiểm-độc, những phong-tục hại người, để cho người đọc hoặc tức hoặc bồn hoặc thương hoặc sợ, hoặc ghét hoặc giận, cũng như mình có can-thiệp vào những

việc xảy ra, rồi thì mình tránh những cái cầu nguy-hiểm ấy trong sự hành-chỉ của mình. Lạc-quan thì tả những nhân - cách thanh - cao, những công-nghiệp vĩ-đại, những tư - tưởng cao-viễn, những lịch - sử vẻ vang, những phong-tục thuần-mĩ, những khoa-học tân-kỳ, để người đọc tập - luyện lấy những đức-tính, những sự-nghiệp ấy; văn tiểu - thuyết Tây là văn « sống », văn có sinh-hoạt, lắm bản tiểu thuyết người ta tả khéo cho đến nỗi như đem người đọc đi lịch-du một cái thế - giới đẹp-đẽ cao-kỳ hơn cái thế-giới thường nhiều, như trông thấy những bậc lỗi-lạc, tài-tình mĩ-miều cao-thượng trong cái thế-giới ấy ngôn-ngữ hành-vi cùng cử-động một cách khiến cho mình rất cảm-phục, rất hoan-nghênh, rất say-sưa, rất thú-vị đến nỗi muốn bỏ phứt ngay cái xã-hội của mình hiện ở, mà bay bổng lên cái thế-giới tưởng-tượng tốt đẹp nhân-từ kia; tiểu-thuyết nào mà tả được như thế là vào những bậc siêu-quần tuyệt-đối có thể tôn làm đấng hóa-công thứ hai. Trên đã nói : tiểu-thuyết là thuộc về an - tĩnh giáo-dục vì là cái giáo-dục phiền-phức, cái giáo-dục đặc - biệt, cái giáo - dục cao-thượng, cái giáo-dục tinh-thần tùy từng bậc mới có thể chịu được cái giáo-dục này; như cao-đẳng tính-tình thượng-lưu trí - thức thì mới vào học được những bản này; nghĩa là người cũng phải có cái nhân-cách khá cao gần sánh kịp những nhân-vật trên cái thế - giới vị-lai kia, «anh-hùng mới biết anh hùng» mới biết làm bạn với những người tri-kỷ trên cái thế - giới vô-hình kia. Bởi thế cho nên không thể đem phô-bày ra trước công-chúng như lối diễn-kịch để lũ người hèn - mạt cũng gấp-ghé vào; mà phải đem những người tri-kỷ kia đến một chỗ nào yên - tĩnh kín-đáo cách biệt với thế-giới thường mà chuyện-trò thổ-thẻ với nhau, khuyên bảo nhau làm những điều hay sự tốt !...

Nhưng mà những tiểu-thuyết có đặc-sắc như thế chính bên Âu-châu cũng không phải là có lắm; còn ngoại - giả chẳng qua bởi ở những nhà văn-sĩ, có tính tò-mò, có tài tô - điểm, khéo gọt rũa, khéo bịa đặt mà về vần đức-hạnh thì có phần khuyết - hãm, soạn ra những truyện éo-le quái - quắc, khổ khắc ly-kỳ, để cám-dỗ những người có tính nhẹ-nhàng nông-nổi mê-man chìm-đắm rất hại tính-tình.

Đông - phương ta trưởng không cần phải phân-biệt diễn-kịch và tiểu-thuyết ra làm hai, vì hình-thức khác nhau mà tinh-thần có một, tôn-chỉ không hai, như bi-kịch thì đều rút từng đoạn ở tiểu-thuyết ra, mà hài - kịch thì như hát chèo của ta, những lúc diễn bi-kịch hết đoạn hết hồi, thì mới ra bông-lơn nhảm-nhí, bởi những bọn nhà nghề không có giáo-dục, nói tục nói tĩu rất là phương-hại cho phong-tục tính-tình.

Người Âu-châu thường cho văn tiểu-thuyết Á-đông không có hình-dung ấn-nhiếp được cái cảnh sinh-hoạt của giác-quan trong khi hành-động đối-phó với nhau, cùng là thiên - nhiên cảnh - vật. Như kể người và kể công-việc người làm đều dùng một cách kể tuồn-tuột đi như nước chảy qua cầu, như cái lối văn « điếu - tang » thuật lại lịch - sử công-lao của người đã chết lúc sinh-thời cho mọi người nghe, khiến cho người nghe chỉ có phần cảm-động trong cái thời-hạn tiếng người đọc còn sống mà thôi ; vả lại trong đó lại thêm đặt ra lắm điều, chớ nào có được thực như văn điếu-tang của các nước văn minh, cùng là ít nhiều người có lòng cao-thượng ở nước ta kỷ-thuật đức-tính công-lao những người tị-thế ; đây có thể ví như những bài trướng câu đối đem phô-trương những lúc sinh-thời, bằng những đức-tính công-nghiệp như trời như bể, chẳng đâu vào đâu.

Không kể những tiểu - thuyết bịa-

đặt ra những truyện hoang - đường quái-đản làm cho tính người hóa ra tính ma như : Chinh-đông, Chinh-tây, Phong - thần, Thuyết-nhạc vân. vân. Chính những tiểu-thuyết tả-thực cũng gây cho người ta những cái gương rất là không được hoàn-toàn nghĩa-vụ, ví dụ như kẻ bỏ nhà chuộc bạn. tức là bỏ mất ba đạo mật-thiết máu-mủ ruột-thịt trong nhà, mà làm chọn lấy một đạo đi cứu kẻ người dưng nước lã. Rồi suy ra những người vì trung-quân mà tuẫn-tử, vì tình-ái mà quyên-sinh vân vân cũng thế ; cho nên lắm người vẫn đọc một câu « đắc trung thất hiếu — đắc hiếu thất trung », sao lại thế được? Vẫn biết rằng : đạo nào cũng là đạo trọng. nhưng cũng phải nghĩ làm cách nào cho toàn được cả mới hết nghĩa-vụ làm người. Làm người có mấy đạo hẹp-hòi như vậy mà còn được một, hỏng đến bốn năm, nghĩa là còn phải đạo con mình nữa, trách nào mà mỗi khi làm được một thủ-đoạn gì to tát, là phí nhân-loại như củi mục cỏ khô, mà đạo này mới là đạo lớn, mới là trượng-phu tư-cách, mới là người có lòng bác-ái nhân-từ.

Sau nữa tiểu-thuyết Tàu lại còn dạy cho người đời cái lòng giảo-trá nữa : Cũng như trên kia đã nói : Người anh-hùng làm được một thủ-đoạn gì là chỉ biết ngắm vào cái mục-đích cái định-hướng của mình, khác nào con ngựa khỏe ngựa hay nhưng cứ để chạy phóng nước đại vào giữa chợ đông, đổ-vỡ cả hàng-hóa, giẫy xéo cả mọi người; nghĩa là anh-hùng mà đã ra tay là băm người như băm chả, chém người như chém bùn, mà không những lúc ra chỗ chiến-trường mới thế, những lúc ở thường, những nơi hội-nghị, những lúc ra đi đều dùng một cách anh-hùng như thế, mà hăm - hăm hở - hở, chẳng hỏi chẳng tra, có khi đến táng-mệnh vong-gia bấy giờ mới rõ cho là oan-uổng, mới biết là người ái-quốc trung-quân, hiền-nhân quân-tử ; ngắm cái gương ghê kinh như thế thì sau này ai dám làm hiền-nhân quân-tử, hay là người ái-quốc trung-quân? Ôi! thiên-lý hay là vô-lý mà nỡ để cho người trung-nghĩa vấp phải cái kết-quả thảm-thê như vậy, mà kẻ gian-nịnh thì lại để cho an-hưởng cuộc phú-qui vinh-hoa ? Phải, người quân-tử bao giờ cũng phải gian-truân thật, song chỉ gặp vào cái quẫng tạo-nhân mà thôi, chớ khi gần mãn, thế nào cũng được lòng hóa-công ban-thưởng cho một lần cuối cùng an-hưởng cái lương hưu-trí về công lao đánh giẹp những cái đau-đớn những cái nguy-hiểm trên đời, như thế mới đáng gọi là thiên-lý chớ. Ngoại-giả trong tiểu-thuyết còn chứa hàng rừng những sự lừa-dối đảo-điên một cách vô-nghĩa vô-lý mà đến nỗi đau khổ thân-thể linh-hồn, nhưng nó thiên-hình vạn-trạng, nó bất-nhất vô-thường, không kể ngày mà nói cho xiết được, để rồi xem tôn-chỉ tiểu-thuyết Tây thế nào rồi sẽ rõ được ít nhiều vậy.

Ở trong thế-giới này không một dân-tộc nào là không tranh-cạnh lẫn nhau, nên tiểu-thuyết Tây thường tả những người hào-hiệp. Người ta lấy tiểu-tuyết làm một cái động-lực giáo-dục không gì mạnh bằng, mà trong nước không có mấy người là không biết chữ, thế thì cái giáo-dục mạnh nhất kia đã phổ-cập rồi, thành ra ai ai cũng biết mang máng rằng thiên-lý, như là từng không-khí bao-bọc cả xã-hội người ta rồi, thế thì chắc rằng chẳng bao lâu mà các nước văn-minh trong xã-hội sẽ được hòa-bình yên-tĩnh vô-cùng vậy.

Cứ các lẽ đó mà suy thì cái câu người ta thường nói : Văn-minh Âu-châu là thuộc về « động » là lấy lẽ làm những việc lao-động thì tình-tính không được ôn-hòa; mà văn-minh Á-châu thì thuộc về « tĩnh » là lấy lẽ làm việc bình-tĩnh

tức là việc làm ruộng thì tinh-khí chắc là ôn-hòa. Câu ấy nên phản trái lại thì có lẽ đúng hơn ; bởi vì trong xã-hội người ta tuy một đôi khi cũng có náo-động thật, song vì cần phải đối với một cái áp-lực gì thì cái động-lực ấy mới cựa nổi lên ; chớ đàng này thì cứ theo cái tính-chất nhu-nhược mà bị đè bẹp mãi xuống ; đè bẹp xuống há chẳng phải là rất mực bình - tĩnh ru ? thế thì cái câu vẫn nói trên kia lại không thể phản trái đi được

. . .

Nói tóm lại thì ngày nay nước Tàu, xem ở các sách vở báo-chương thì văn cũng còn ít ngụ-ngôn tỉ-dụ, cũng bởi các nhà văn-học đại-tài không cần phổ-thông giáo-dục, cho đến hài-văn cảm-văn cũng không có mấy, vì còn giữ cái thái-độ nghiêm-trang. Sau đến tiểu-thuyết cũ thời chưa chịu bỏ, mà mới thì tuy trước-thuật nhiều như rừng, song ít người có cái tài sáng-tạo. Đó là văn ở trong nước mô-phỏng ngoài mà trước-thuật ra ; đến như sách-vở ở ngoài tràn vào thì đủ hết văn-minh liệt-quốc. Nhiều người tưởng thế là có cái hy-vọng to ; nhưng thiết-tưởng : không khéo nguy to thì có, bởi vì trong nước đã biến ra một cái trường danh-lợi, thì những người dịch sách chẳng qua cũng ở trong vòng cái mục-đích sinh - nhai, bấy giờ mới ba truyện gì cũng dịch, truyện đã trái với luân-lý, văn dịch lại không hết tinh-thần ; cứ xem những tiểu - thuyết các báo hằng ngày của người mình dịch theo những dịch-bản của Tàu cũng là dịch ở sách Thái-tây, mà so với mấy nhà tây-học của ta dịch thẳng tiểu-thuyết Tây ra thì hay gấp năm gấp mười sách Tàu dịch ra tiếng ta vậy.

Người cầm bút viết bài này đối với nước Tàu là lấy cái tư-cách cái cảm-tình một người bạn bên láng diềng, một người anh em cùng một tổ, trông thấy nhà láng diềng dột nát mà xin mách để chữa mau đi, chớ không phải định công-kích gì. Ngoại-giả lại còn một cái hi-vọng rằng : nếu nước Tàu mà chiếm được cái địa-vị khá cao trong thế-giới, thì cái danh-dự ấy chẳng cũng thơm lây cho phương-vực này hay sao ?

Nước ta đã có thày Bảo - hộ văn-minh đứng vào bậc nhất đưa dắt dìu đỡ cho không đến nỗi vấp ngã như dân-tộc Trung - hoa, song về đường tinh-thần không phải là không có ít nhiều cái ảnh-hưởng cũ ; vậy phải nên chú-ý vào một điều rằng : xưa kia họ đã dắt ta xuống giếng, bây giờ chớ theo họ nữa, nghĩa là chớ dịch theo sách mới của họ mà lại hóa ra theo họ xuống bể thì nguy. Ta chỉ nên dịch theo các sách của Đại - Pháp Bảo-hộ ta, văn-học Đại-Pháp đẹp đẽ phong-phú thứ nhất hoàn-cầu, há rằng không đủ mà dịch hay sao ? Ta lại còn một phận-sự nữa là phải bảo-tồn lấy quốc-túy, việc này đã nhờ báo Nam-Phong bảo-tồn được nhiều rồi, mà còn phải bảo-tồn nhiều nữa ; bảo-tồn quốc-túy tức là bảo-tồn lấy luân-lý ngày xưa, song chỉ nên bảo tồn từ luân-lý của Khổng,Mạnh, nhưng lại còn phải phát-siển ra, chớ không những giữ để mà xếp một chỗ ; nghĩa là đem đạo Khổng-Mạnh điều hòa với luân-lý của nước Đại-Pháp, vì có xét kỹ ra mới biết hai đàng cũng như một vậy.

Nay thấy lắm người phàn-nàn rằng : Các nhà Tây-học không chịu dịch cho nhiều sách chữ Pháp ; song nghĩ kỹ mà xem, nhà Tây-học nào mà ít Hán-học, thì cũng khó lòng mà dịch nổi. Vả lại cũng không nên dịch bề-bộn cho lắm, cứ thủ-thường như bây giờ hay là hơn được càng hay, thế cũng là một cách gặt đến đâu bó đến đấy thì nó không lúng-túng ngại-ngùng ; nhất là chưa nên tự-tác lắm sách quốc-ngữ mà hóa ra đụn thóc còn đầy thì

để yên đấy, rồi đi bới nhặt những sắn với khoai không khéo thì say thì ngứa! Nhưng nói thế lại có người bảo rằng: Vậy thì nhân-tài hóa ra rồi dài vô-sự, nên ủy-giao cho cất nhắc giúp việc gì chớ? — Thiếu gì việc, những việc đây này: đương lúc trật-tự trong nước chưa ra bậc ra hàng, hủ-tục trong dân còn tối như rừng, lại bao nhiêu người còn đói còn rét, những việc ấy đều là việc trước nên làm; nếu làm được há chẳng phải một nghĩa - vụ đi tiên-phong cả các nghĩa-vụ khác hay sao? Ai nỡ bảo rằng không có công-lao, chỉ việc ngồi mà ăn không chứ?

QUÁN-CHI

TIỂU-THUYẾT CỔ

LĨNH-NAM DẬT-SỬ(1)

嶺南逸史

XI

HỒI THỨ XII

Kịp cứu chồng, khởi hết cả ba quân,
Vận mưu lạ, phá tan đồn Lục-bộ.

Mai tiểu-thư đã giết Nhiêu-Hữu rồi liền sai vứt thây vào trong cái bếp lò chất đầy củi rác vào rồi phóng-hỏa đốt đi. Mai tiểu-thư nói với Chí-Long rằng:

— Anh ở lại đây cũng vô-ích, tôi với anh ta cùng ra bến sông thuê thuyền để cho anh cùng với Hoàng Thông về tỉnh-thành thăm nom Hoàng-lang; còn tôi với Hoàng Hán cùng đi đường bộ về trại Thiên-mã, để sắp sửa đại-binh đến ứng-cứu.

Nói rồi, đều dắt nhau ra bến sông, thuê một chiếc đò để cho Chí-Long với Hoàng Thông đi về tỉnh. Còn Mai tiểu-thư với Hoàng Hán thời đi tắt về trại Thiên-mã. Không đầy hai ngày đã đến Nam-giang, gặp toán quân tiểu-đội phục ở đấy ra đón rước, liền phi-báo lên sơn-trại. Mai Anh nghe tin cả mừng, đem tướng-tá xuống núi nghênh-tiếp. Mai tiểu-thư trông thấy Mai Anh cất tiếng khóc òa lên mà rằng:

— Em ơi! Hoàng-lang đã phải đốc-phủ Súc Nục nó bắt, nó vu cho là đi giao-thông với người mán để khởi-loạn, tra-tấn mãi phải chiêu-xưng, rồi nó đem giam ở huyện Nam-hải, xin hiền-đệ phát-binh mau lên để cứu lấy cho.

Mai Anh nghe nói nổi giận lên mà rằng:

— À! Thằng giặc Súc Nục này! ta muốn đối-địch với nó đã lâu, nay nó dám hãm-hại chồng chị ta; thưa chị chớ lo, để em thương-nghị với quân-sư, lập-tức phát-binh đi cứu.

Nói rứt lời, quân-sĩ liền rước về sơn-trại. Khi vào trong trại ngồi yên, các tướng đều đến bái-kiến xong. Mai Anh liền sai người mời quân-sư Gia-Cát Đồng đến, thi-lễ mời ngồi, Mai tiểu-thư đem đầu đuôi duyên-do sự Phùng-Ngọc bị giam-hãm, nói rõ cho quân-sư nghe mà rằng:

— Xin quân-sư liệu tính kỳ-mưu, để mau mau cứu lấy chồng tiện-thiếp!

Tiểu-thư nói rồi xùi-xụt mãi không thôi.

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

Gia-Cát Đồng nói :

— Phiên-ngung là một tỉnh-thành đô-hội, không phải mỗi lúc mà đánh được ngay, tất phải lo mưu vạn-toàn mới nên được việc, chớ không nên vọng-động. Nay cứ như lời tiểu-thư nói thời lời lão-ông là chỉ đắc-chi thinh-văn, Chi-Long thời trông thấy nhưng chửa được đích-xác. Phải nên sai người đến tỉnh-thành do thám cho đích-thực, rồi sẽ phát-binh. Xin tiểu-thư khoan-tâm, hãy về trại sau nghỉ ngơi, để bất-tài này sai người đi thám-thính. Nếu quả đích-thực, thời xin cứ phó mặc đại-vương với bất-tài này lo tính, quyết không để Hoàng-tướng-công phải lầm lỡ chút gì.

Mai tiểu-thư đứng dậy cảm tạ rồi lui vào trại sau. Mai Anh liền phái thần-tướng là Trần Long đi đến tỉnh-thành để thám-thính. Trần Long biệt-hiệu là thiên-lý-câu, đi chạy như bay nhanh hơn ngựa câu, một đêm một ngày đi được nghìn dặm đường. Trần Long đi không đầy hai ngày rồi trở về bẩm rằng :

— Tiểu-tướng đến đầu huyện Nam hải, gặp Hoàng Thông ở trong nhà ngục trở ra, nói rằng Hoàng-chúa-công không chịu được tra khảo phải chiêu-xưng nhận là phản-nghịch, còn giam ở đó để đợi ngày trảm - quyết. kêu xin đại-vương và tiểu-thư mau mau cứu lấy cho.

Mai Anh nghe nói, liền sai mời Gia-Cát Đồng đến thương-nghị. Gia-Cát Đồng nói :

— Nay đã biết tin đích-thực như thế thời phải cấp-cứu. Song đất Triệu-khánh là nơi cổ họng tỉnh-thành, thành trì kiên-cố, lại có trọng-binh đóng giữ ở đó, cấp-bách không thể phá ngay được. Nếu không phá được Triệu-khánh, thời sợ họ chặn đường, quân-lương và họ chẹn mất đường về của mình. Kế bây giờ không gì bằng làm như thế này..... Trong ứng ngoài hợp thời xoa tay chụp được tỉnh - thành ngay, chẳng hay đại-vương và tiểu-thư có chịu đi giúp Hoàng - chúa - công không?

Mai Anh và tiểu-thư đồng-thanh nói lên rằng :

— Quân-sư bày kế ấy cực diệu! chị em chúng tôi xin đi.

Gia-Cát Đồng nói :

— Nay đại - vương với tiểu - thư đã định đi, thời ngày mai phải sắp sửa binh-mã, đợi khi đại-vương xuống núi độ mười ngày, thời đại - binh sẽ lục-tục khởi - trình, cùng hẹn họp binh đến Triệu-khánh, đợi đến canh ba ngày hôm thứ ba, thời đại-vương ở trong mở cửa tây ra làm nội-ứng.

Mai Anh y lời. Ngày hôm sau, Mai-Anh lên trướng, họp cả chư-tướng lại truyền-lệnh, sai Vạn-Nhân Địch làm tiên - phong, quân-sư Gia - Cát Đồng tướng trung - quân ; Thiết Lão - Hồ, Thạch Thung-Cữu đem cánh quân tả-hữu-dực ; Tống Kim-Cương làm đoạn hậu ; đều thống-lĩnh năm vạn quân mán. Đồng Miêu-Công thời họp tập các thuyền của quan dân được ba nghìn chiếc, thống-lĩnh năm vạn quân. Lại sai bọn quân Côn-luân nô mỗi toán 500 người đi đường thủy để làm binh cứu-ứng cho chư-quân. Trần Long và Hoàng Mộng-Khôi thời đem lương-thảo để tiếp-tế. Mai Anh phân phát xong liền cầm gươm và ấn trao cho Gia-Cát Đồng mà rằng :

— Chư-tướng đều phải nghe tiết-chế quân-sư, nếu người nào vi-lệnh thời lập-tức trảm-quyết.

Chư-tướng đều dạ dạ rồi lui ra. Mai Anh trở vào trại sau, cùng với chị là Mai Ánh-Tuyết, cải-trang mặc lối áo phường hát đả - hoa - cổ ở Phụng-dương phủ : Mai Ánh-Tuyết đầu đội khăn nhiễu xanh, mình mặc áo bào mùi huyền, tay viền đỏ, cổ nẹp đỏ.

Mai Anh thời mặc cái áo ngắn, đầu đội khăn chùm, minh thắt lưng đạm-hồng, chân đi giầy phiêu-tử, trong mình đều giắt trùy lưu-tinh, lững-thững đi xuống núi, đi về đường Triệu-khánh nổi dịp thanh - la, khua hồi hoa-cổ, thỉnh-thoảng lại cất tiếng ca, đi đến Mã-vu, những người đi chợ búa trông thấy đều reo lên rằng :

— A a ! Kim-đồng, ngọc-nữ ở đâu ha-giáng kia !

Một lát, xô nhau đến xúm đông xúm đỏ lại xem. Mai Anh-Tuyết cười hi-hi mà rằng :

— Em hát lên một bài để chư-vị nghe, mà phát thưởng cho.

Mai Anh nói :

— Chị bảo phải đó !

Liền gõ hoa-cổ liên hồi Mai tiểu-thư lên giọng mà hát rằng :

Chị em ta, đâu tới đây,
Bao quản thiên-sơn van-thủy,
Chẳng ngại gót giầy.
Chỉ mong gặp người du-tình quân-tử,
Thoa vàng tặng đáp,
Chàng với thiếp,
Họp mặt sánh vai.
Đẹp duyên hài,
Ai bảo chàng say,
Hay là thiếp say.

Tiếng hát cất lên như tiếng chim oanh véo von trên cành kiều-mộc. Mọi người xúm lại nghe ai nấy đều xiêu lòng khoái-chí, mê-mẩn tâm-thần, đương lấy làm thích, thời thanh-la đồ hồi vừa hết khúc ca. Mọi người nghe đều đồng-thanh khen là hay, đua nhau thưởng tiền, xin thư-thư hát cho một khúc nữa để nghe. Đương lúc chúng-nhân ồn-ào, thời thấy có một người len vào trong đám ấy gọi lên rằng :

— Phường hát đả-hoa-cổ đâu, theo ta đi đến hát để Tiền đại-tú nghe đó.

Mọi người nghe thấy Tiền đại-tú gọi phường hát, không ai dám ngăn-trở, phải rẽ ra để cho hai chị em Mai tiểu-thư đi. Mọi người chỉ lũ-lượt theo sau để chực đến xem. Mai tiểu-thư nghĩ thầm rằng không biết Tiền đại-tú là người thế nào mà thanh-thế như vậy, ta cứ đi lên xem thử. Nào ngờ đâu là Tiền Tử-Cán từ khi ở Bác-la phải Mai tiểu-thư đánh cho một trận, vừa đau vừa thẹn, chạy cút về nhà, mấy hôm vẫn nằm mèo buồn bã, hôm nay thấy khí trời sáng sủa, bèn đi ra chơi giải-muộn, nghe thấy có bọn con hát đả-hoa-cổ mới đến, người đẹp hát hay, bèn cho người đi gọi đến. Mai Anh và tiểu - thư vừa tiến đến chào, Mai tiểu - thư thời nhận biết là y, song y không nhận biết Mai tiểu - thư. Tiểu- thư trông thấy trên mũi y hãy còn dán một miếng thuốc cao, nhịn cười không được, bèn nấu vào sau lưng Mai Anh, nhấm đầu tay áo mà cười lên khanh-khách, Mai Anh không hiểu ý gì, ngảnh lại hỏi :

— Chẳng hay chị cười gì vậy ?

Mai tiểu-thư nói :

— Chị nghe nói người ta mọc trĩ hoa sen, hay mọc ở lỗ đít, ông đại-tú này lại mọc trĩ ở trên đầu mũi, lạ thật !

Mọi người nghe tiếng đều cười ầm cả lên. Tiền Tử-Cán thời cho là những con hát giang-hồ nó quen thói nhạo-báng, cũng chẳng lấy chi làm quái lạ. Y lại trông thấy Mai Anh người đẹp trai xinh xắn như măng non, liền động ngay tình dâm-dục, cười hà hà mà rằng:

— Nhà ngươi có khúc hát gì hay, hát lên cho ta nghe, ta sẽ ban cho trọng-thưởng.

Mai Anh bèn khua thanh-la lên, Mai tiểu-thư cũng đánh lên một hồi trống. Tiểu-thư vừa lên giọng hát một câu rằng: « *Chị em ta* ». Tiền Tử-Cán xua tay mà rằng :

— Thôi thôi mi đừng hát để cho em

mi hát xem thử nào.

Mai Anh bèn theo điệu mà hát lên rằng:

— Phụng-dương vừa tới, gặp biết bao vương - tôn qui - khách, thầy bọn dung-tài.

Nào được như ngài, phong-lưu khí-khái, thích-thẳng tinh-hoài.

Mải tìm hoa, đạp tuyết tầm mai.

Thú vui chơi, tỏ mặt văn-tài, không phải thô-tài.

Tử - Cán nghe rứt câu hát liền trọng-thưởng cho Mai Anh, tuy rằng yêu Mai Anh là người nõn nà đẹp trai, song thấy y khí-vũ hiên-ngang cũng khó lòng mà trêu ghẹo được, vả lại sực nghĩ đến truyện ở Bác-la, chỉ sợ lại giở trò xấu ra, nên cái lòng dâm-dục vụt biến lên mây xanh mất cả. Và lại thấy Mai Anh khen cái cách phong-lưu, cái chí thẳng-thích của mình, thời cũng cho là con người tinh-mắt, sau cùng lại thấy khen mình là người văn-tài thi-bá, liền mừng nở mũi ra. Tử-Cán nguyên là anh có tiền luồn-lỏi mua được cái tú-tài, kỳ-thực trong bụng chẳng có một chữ nào, làm câu thơ cũng không thông. Lạ thay những người dốt, lại hay làm bộ thông-thái, để lòe người đui mù ngu dốt ở chốn thôn-quê, mong người ta khen mình là bậc văn-nhân tài-tử. Mà những người ngu dốt nhà quê, hễ gặp người phú-quí thời coi như bậc thần-tiên; gặp người văn-nhân thời coi khinh-thường rẻ-rúng. Cho nên không kể chi Tử-Cán cộng-danh hiển-đạt ra làm sao, chỉ tán anh ta là người lắm ruộng nhiều tiền, chớ không ai tán anh ta là người văn-nhân thi-bá. Tử-Cán lại không thích người ta khen mình là ông phú-hộ, chỉ thích người ta khen mình là khách văn-nhân; thường thường dối trước mặt mọi người, hoặc mua bộ sách hoặc mua cái bút, làm bộ ra điều ta là người mặc-khách tao-nhân. Nhưng mà lỗ tai con mắt bọn dân quê chỉ vì hai chữ kim-tiền làm lòe điếc đi mất cả, hễ thấy Tử-Cán mua sách mua bút, thời chỉ tán rằng tiền bạc nhà ông ấy sao mà giàu có thừa thãi làm vậy. Tử-Cán nghe những tiếng khen ấy vẫn lấy làm tức, nhưng cũng phải ngậm bồ-hòn làm thinh. Nay chợt nghe thấy Mai Anh khen mình là « *Rõ mặt văn-tài, không phải thô-tài* » chính gãi ngay vào chỗ ngứa, lấy làm thích-ý lắm, liền đứng ngay dậy cầm tay Mai Anh mà rằng :

— Anh thực là người tri-kỷ với Tiền Tử-Cán này lắm, tối hôm nay xin mời về nhà tôi uống rượu chơi.

Mai tiểu-thư nghĩ là hắn lại khởi bụng tà-tâm như lần trước, bèn cười mà rằng:

— Chị em chúng tôi không có nền nếp gì cả, không dám vào trọ nhà ông, sợ đi vào có điều gì xông đột lại làm không tiện cho nhà ngài chăng ?

Tử-Cán nói :

— Đã là bạn hát giang-hồ, thời thực là người khôn khéo lọt vành, có điều gì xung-đột mà sợ, hôm nay thế nào cũng phải vào không thể trối từ được.

Mai Anh trông vào tiểu-thư mà rằng:

— Chị tính thế nào ?

Mai Tiểu-thư nói :

— Ông ấy đã có lòng tốt, thời ta cứ !

Tử-Cán cả mừng mà rằng :

— Thư-thư thật là lanh-lợi lắm !

Ba người cùng đưa nhau bước ra ngoài tiệm, đi về nhà Tử-Cán, ngồi yên đâu đấy, tên nhỏ bưng nước ra, uống xong. Liền thấy tên Ả-hoàn tự nhà trong chạy ra thưa với Tử-Cán rằng:

— Cô-nương tôi với đại-tú nương nghe tiếng có phường hát hoa-cổ hát hay, muốn gọi vào nhà trong hát một bài, vậy sai tôi ra thưa với ông bảo cho.

Tử-Cán chưa đáp trả lời. Mai tiểu-thư liền đứng dậy thưa rằng :

— Tôi xin vào nhà trong chào đại-

tú-nương và cô-nương cho phải phép.

Tiểu-thư nói rứt lời, liền đến dắt tay Ả-hoàn cùng đi vào nhà trong. Khi vào đến nhà nội-đường, trông thấy Tiền đại-tú nương - nương ước chừng độ hơn hai mươi tuổi, nhan sắc cũng tầm-thường. Lại trông thấy Tiền cô-nương ước-chừng độ mười sáu mười bảy tuổi, rõ ra vẻ : *Nét mặt hoa lê đậm, chiều lưng lá liễu xinh, lan còn thua sắc đẹp, ngọc cũng kém chiều thanh.*

Mai tiểu-thư vào thi - lễ chào xong, rồi ngồi xuống. Tiền cô - nương cứ để mắt nhìn vào Mai tiểu-thư trông trọc. Mai tiểu - thư biết ý, mỉm cười mà hát lên rằng .

Tự Phụng-dương, em tới đây,
Gặp biết bao ả mặt phấn mày ngài, tốt bộ bề ngoài.

Sao được như cô - nương, thiên-nhiên vẻ đẹp, lọ là phải phấn sáp như ai.

Phong-tình rất mực vẻ hồng - mai, đẹp tuyệt vời !

Nọ khách Thiên-thai, hay gái Dương-đài.

Tiền cô-nương và Tiền cô-tầu hai người nghe giọng Mai Tiểu-thư hát du-dương uyển-chuyển, tiếng hát thanh-cao như rót vào tai, đều cả mừng, giữ ngủ ở nhà trong chớ không cho ra nhà ngoài nữa. Đến đêm Tiền cô-nương dắt Mai tiểu-thư cùng ngủ, hai người nói chuyện với nhau, rất là tương-đắc.

Nói về Mai Anh ngồi ở nhà ngoài trông thấy đôi bên tường treo vô - số cung tên đao kiếm, biết rằng Tiền Tử-Cán thích nghề võ, bèn trở mà hỏi rằng:

— Chẳng hay cung kiếm kia là của ngài để dùng đó phải không ?

Tử-Cán bèn tự khen lấy mà rằng :

— Tiểu-đệ chẳng có nghề gì giỏi cả, chỉ có nghề cung kiếm ấy, tất cả học trò tám phủ đây, ai cũng phải phục.

Mai Anh nghe thấy y nói khoác, muốn thử tài xem sao, liền nói đỡ lên rằng :

— Trông người ông to lớn hùng-vĩ như thế, hẳn là trang anh-hùng, xin ông dạy bảo cho một vài bài để khỏi phụ phen kỳ-ngộ này được hầu tiếp tôn-nhan, thời tôi lấy làm mừng lắm !

Tử-Cán nghe nói liền ngửa nghề ngay lên, đứng dậy mà rằng :

— Chỉ sợ đại-phương kiến-tiếu mà thôi, nếu đã không hiềm nghề mọn, thời xin mời ngô-huynh ra chơi vườn tập-xạ này.

Mai Anh cả mừng, cùng dắt nhau ra vườn. Tử-Cán liền lấy cái cung trăm thạch giương ra, không nói nhường nhịn gì cả, rút ngay tên ra lắp lên cung bắn luôn ba phát, tuy ba mũi tên ấy cắm ngay lên trên bia, song không tin gì vào hồng-tâm cả. Mai Anh mỉm cười mà rằng:

— Quả-nhiên ngài bắm giỏi, dẫu Dưỡng Do-Cơ cũng không hơn được.

Tử-Cán thấy Mai Anh khen mình, hớn-hở lấy làm đắc-ý lắm. Mai Anh liền đỡ lấy cung mà rằng :

— Xin cho tiền-đệ thử vài mũi tên xem sao ?

Tử-Cán nói :

— Anh cũng biết bắn à ! Ừ bắn thử xem cũng hay.

Mai Anh bèn đủng-đỉnh giương cung lắp tên lên, dùng lối liên-châu bắn luôn ra ba phát, tin thấu suốt hồng-tâm. Tử-Cán giật mình liền bái tạ mà rằng :

— Tiểu-đệ nhục - nhãn không biết người anh-hùng, dám tự khoe-khoang, thực là thẹn chết đi được.

Mai Anh vội vàng đỡ dậy mà rằng :

— Đó chẳng qua là cái nghề mọn,

ông tha cười cho là tốt, sao ông lại quá khiêm nhường làm vậy.

Nói xong, hai người cùng dắt nhau vào nhà nội-đường. Tiền Tử - Cán từ bấy giờ lại càng kính-trọng Mai Anh, bày tiệc khoản-đãi. Ngày hôm sau, Mai Anh cùng tiểu-thư từ-biệt Tử-Cán ra đi. Tử-Cán lưu thế nào cũng không ở lại, bèn đưa tiễn ra khỏi trại mà trở về. Mai Anh bèn theo con đường tắt đi về Triệu-khánh, đi độ và ngày đến thành Triệu-khánh, trông thấy trên thành bày dàn cờ-sí nghiêm-chỉnh, có một quan Thiên - tổng đóng ở đó để tra xét người đi lại. Trông thấy hai chị em Mai Anh đến cửa thành, liền thét quân-sĩ giữ lại không cho đi.

Mai Anh nói:

— Lũ chúng tôi là phường hát đả-hoa-cổ đây mà.

Quan Thiên-tổng thét lên rằng:

— Mày không xem yết-thị đấy à! phàm người nói tiếng khác mặc áo lạ, đều phải bắt giam - cứu cả; mày nếu không phải bọn phường hát đả-hoa-cổ, thời tao bắt đem giải mày đến quân-môn trị tội ngay tức-thì!

Mai Anh cười mà rằng:

— Chúng tôi xông-đột khắp các nơi phủ huyện, cho đến Nam - kinh, Bắc-kinh, trong một năm chúng tôi cũng đi qua đến bốn năm lần, chả thấy bọn nhỏ-nhen nào lại làm bộ dậm-dọa như vậy.

Thiên - tổng cả giận, thét gọi quân-lính ra đuổi bắt. Mai Anh thấy sự ngăn trở làm vậy, liền quay mình chạy trở ra cùng với Mai tiểu - thư trốn đi mất. Khi ấy quân Thiên-mã chửa hề động-binh, cớ sao thành Triệu-khánh ở đấy lại phòng-thủ nghiêm - mật làm vậy? Nguyên là vì mưu-kế Đặng Bưu ở núi Gia-quế sai người đi các nơi nói phao lên rằng quân giặc Ngũ - hoa ở núi Thiên-mã sắp sửa khởi binh đến lấy tỉnh-thành. Súc Nục nghe thấy tin ấy sợ có quân do-thám nó lẻn vào chăng, nên mới sức đi các nơi bến đò cửa ải phải phòng-thủ cho nghiêm mật, xét hỏi những người lạ mặt. Nếu không phải chức Thiên-tổng ấy ngù-ngờ, mà Mai Anh nói không giảo - hoạt, thời không khỏi bị bắt được. Mai Anh đi khỏi rồi bàn với chị rằng:

— Nay ta đã không vào được tỉnh-thành, thời ở lại đây cũng vô ích, gì bằng ta hãy trở về, rồi sẽ bàn tính sau.

Mai tiểu-thư nói:

— Em nói phải đấy!

Hai người liền theo đường trở về sơn-trại, vừa đi đến đất Lục-bộ, thấy một lũ bách-tính kẻ cõng trai người dắt gái kéo lũ lượt chạy như đàn ong, vừa đi vừa kêu khóc nói rằng có quân giặc Thiên-mã kéo lại cướp phá. Nguyên bọn giặc đó là một bọn côn-đồ vô-lại họp đảng lại tự xưng là quân chúa Thiên-mã, rồi thừa thế đi cướp lấy của cải, bắt hiếp con gái. Chị em Mai Anh đi đến Việt-thành, chợt thấy một bọn cường-đồ đương dón bắt lũ bách-tính, thét lên mà rằng: « *Đại quân chúa Thiên-mã ở đây! biết điều ra thời phải bỏ tiền của con gái lại đó, thời mới đi thoát được* ». Bọn ấy đương cầm gươm giáo ra oai dậm dọa. Chị em Mai Anh vừa tới nơi nghe thấy thế cả giận mà rằng:

— Quái thay quân côn-đồ này dám giả danh làm bậy, làm mất cả danh giá mình đi.

Nói rồi liền lấy trùy lưu-tinh ra vung lên đánh vào mặt tên đầu đảng vỡ toác đầu ra mà chết. Bọn côn - đồ bèn reo ầm lên bỏ bọn bách-tính mà xông lên, chị em Mai Anh đều vung trùy ra đánh tan ba bốn trăm côn-đồ như gió thổi hoa bay, tan tác chạy trốn đi sạch. Quân côn-đồ đã chạy tan rồi, thời vừa trông thấy người con gái ngồi trong xe gọi to lên rằng:

— Mai tiểu-thư cứu tôi với !

Mai tiểu-thư nghe tiếng chạy lên xem thời là Tiền cô-nương. Nguyên là nhà họ Tiền nghe tin quân trại Thiên-mã kéo đến, hàng xóm láng diềng đều trốn đi sạch cả. Tiền Tử-Cán cũng hoang-mang thu-nhặt gia-tài chứa vào xe chở đi. Lại sắp một cái xe để cho Tiền đại-tú nương-nương và Tiền cô-nương đi, còn mình thời cưỡi ngựa cùng với hai ba mươi tên đầy tớ đi theo, định sang nhà Dương Thiên-tổng ở thành Triệu-khánh để tị-nạn. Khi đi đến Việt-thành gặp một bọn côn-đồ ra đón đường, Tử-Cán thất-kinh ngã ngựa, may gặp chị em Mai tiểu-thư đánh tan bọn giặc cứu thoát cho cả tính-mệnh một nhà. Mai-Anh trông thấy Tử-Cán nằm phục ở mặt đất run cầm-cập, vội vàng bước tới đỡ dậy. Tử-Cán thấy quân giặc đã chạy hết rồi mới hơi hoàn-hồn, đứng dậy lạy tạ chị em Mai Anh. Tiền cô-nương liền nắm lấy Mai tiểu-thư cả khóc mà rằng :

— Dám xin Mai thư-thư đưa chị em tôi vào thành Triệu-khánh với.

Mai tiểu-thư nói :

— Nay thành Triệu-khánh phòng-bị tra hỏi nghiêm-mật, làm thế nào vào được.

Tiền Tử-Cán nói :

— Tiểu-đệ nguyên có người biểu-huynh ở đấy làm chức Thiên-tổng, tiểu-đệ đã sai người đi báo tin cho y trước, hễ chúng tôi đến thời y ra ngoài thành nghênh-tiếp.

Mai tiểu-thư cả mừng mà rằng :

— Như thế thời nay lắm, hai chúng tôi đã định vào tỉnh-thành để tránh giặc, nhưng phải quân cầu-trệ kia ngăn cấm không cho người lạ mặt vào thành. Nay cô-nương đã bảo hai chúng-tôi đưa vào thành, thời xin cô-nương cho chúng tôi mượn hai bộ áo để cho chúng tôi cải-trang đi thời mới có thể đưa cô-nương vào thành được.

Tiền cô-nương cả mừng vội vàng lấy hai bộ áo đưa cho hai chị em Mai tiểu-thư cải-trang rồi nhận làm bọn người nhà đi đến thành Triệu-khánh. Khi đến cửa thành thời Dương Thiên-tổng vẫn chờ ở đó ; Tiền Tử-Cán xuống ngựa vào tương-kiến, Dương Thiên-tổng nói với quan giữ cửa biết sự-tình ; Tiền Tử-Cán lại đưa ít tiền lễ ra làm quà cho quan giữ cửa ; quan giữ cửa liền cho cả bọn nhà Tử-Cán vào thành, rồi đi tìm một nhà trọ cho hai chị em Mai tiểu-thư cùng ở đó.

Nói về Đốc-phủ Súc Nục nghe tin của Đặng Bưu cho đi nói phao, thất-kinh, vội vàng sức đi các xứ cửa ải bến đò phải đề-phòng cho nghiêm cẩn ; và họp cả các quan lại để bàn-định kế-sách phòng giặc. Bàn định chưa xong thời những công-văn ở châu Đức-khánh, Triệu-khánh báo tin cáo-cấp về như bươm bướm, bảo rằng trại Thiên-mã khởi lên đến sáu mươi vạn binh xung-sát sắp kéo đến nơi, làm cho Súc Nục mặt xám như gà cắt tiết, không biết nghĩ giở kế gì cả. Khi ấy có quan Tuần-phủ Đới Diệu đương đêm gọi cửa viên-môn vào yết-kiến Súc Nục, nói rằng :

— Nay sự đã kíp lắm rồi ! Đại-nhân phải kíp phát binh cho ra đóng ở Lục-bộ, kiên-thành thanh-dã, giữ vững đó chớ đừng giao-chiến với giặc vội, để cho quân giặc tiến lên không đi được, lui về không cướp lấy gì được ; rồi sau ta thừa khi nó tan về, ta theo sau mà đánh, có thể toàn-thắng được. Nếu cứ nhùng nhằng trông ngóng, hồ-nghi bất-quyết, hễ mà thành Triệu-khánh thất-thủ, thời tỉnh-thành này cũng đáng lo lắm !

Súc mục nghe nói giật mình mà rằng :

— Lời tiên-sinh nói thực là lời vàng đá !

Liền sức phát 30 vạn quân thủy bộ

đều tiến lên. Lại sức cho quan tổng-binh Triệu - khánh là Đỗ Tung phải thâu đêm đem quân đến đóng ở Lục-bộ giữ chẹn các con đường yếu-hại, để đợi đại-binh kéo đến đóng dàn ra năm trại lớn, đào hào đắp lũy, trong dàn bày nỏ lớn súng to để phòng-bị. Xếp đặt vừa xong, thời bỗng dưng nghe thấy tiếng súng nổ, quân trại Thiên-mã đâu đã kéo đến như nước trầy, chực xông vào phá lũy. Quan quân trông thấy ai cũng run lên cầm cặp. Súc Nục vội vàng liền sai bắn súng, quân-sĩ ở trong trại liền mở máy súng lớn ra bắn và trăm phát, tiếng vang rầm trời. Vạn-Nhân Địch bèn hồi chiêng thu quân lui cách ra ngoài hơn một dặm lập trại. Ngày hôm sau lại đem quân đến đánh trại quan quân, song vì thành lũy bền chặt, súng nỏ xâm-nghiêm, Vạn-Nhân Địch đánh luôn ba ngày không vỡ, không biết làm thế nào, chợt nghe báo tin có quân-sư đến, liền ra nghênh-tiếp, đón vào trong quân yên-lạo. Gia-Cát Đồng hỏi rằng :

— Mấy hôm nay đã có giao-chiến trận nào không ?

Vạn-Nhân Địch nói :

— Mấy hôm nay quan quân không có ra ngoài trại giao-chiến lần nào cả, tiểu-tướng có đem quân đến đánh phá thành lũy, nhưng trong trại họ đã phòng-bị súng nỏ, không thể đánh vào được, xin quân-sư hoạch - kế trỏ bảo cho.

Gia - Cát Đồng nghe nói liền đứng dậy ra ngoài trại lên xe bốn bánh đem và viên kiện-tướng theo hầu, đi vòng quanh trại quan-quân xem qua, rồi trở về truyền-lệnh đem năm vạn tinh-binh lui đến Việt - thành mai-phục ở đôi bên tả hữu, hễ nghe hiệu súng nổi, thời Thạch tướng-quân ra đàng trước chẹn đường quan - quân kéo về ; Thiết tướng-quân thời đánh bừa vào giữa trận cho tan nát ra. Vạn-Nhân Địch thời đem năm nghìn quân nhu-nhược đợi ta trao cho kế cẩm-nang rồi cứ y kế mà ra khiêu-chiến dụ giặc. Lại giao cho viên ti-tướng một kế cẩm- nang lẻn đi họp với Đồng Miêu-Công rồi cứ y kế mà làm. Gia-Cát Đồng dặn bảo xong đâu đấy rồi cùng với Tống Kim-Cương thống-lĩnh binh-mã đại-đội đến đóng đồn ở Mã-khư. Lại sai mười viên ti-tướng đều đem 3000 quân đi đến các làng bắt lấy dân-phu không kỳ kẻ già người yếu bắt cho đủ 6000 người giải về bẩm-mệnh. Các tướng vâng lệnh kéo quân đi các ngả, không đầy ba ngày, bắt giải nhân-dân về trong quân đang nộp. Gia-Cát Đồng lấy lời ngon ngọt phủ-dụ, ban cho cơm rượu ăn uống, rồi chia ra làm ba trại mỗi trại 2000 người. Lại truyền lệnh rao trong bọn bách-tính hễ có người nào hào-kiệt làm được nguyên-soái thời báo-danh lên sẽ thăng-thưởng cho. Quân-lệnh truyền ra, trong đám bách-tính có những kẻ tử-đệ kiệt-ngạo sinh muốn làm giặc liền ra báo tên. Gia-Cát Đồng bèn chọn lấy kẻ nào phẩm-cách hiên-ngang, cho ba người làm nguyên - soái, và ban cấp cho mũ kim - khôi, ngù đuôi trĩ, áo cẩm-bào, giáp ngân-khải, và ngựa cùng đồ binh, rồi phân ra thống - lĩnh các toán dân-binh ; còn mấy tên nữa thời cho làm tướng - quân, chúng đều lấy làm vinh - diệu mừng rỡ, ra đến trại dân-binh ngất-ngưởng ngồi trên trướng, điểm - kiểm dân - binh làm bộ tác - uy tác-phúc, bắt bách-tính tôn-xưng mình là đại-vương. Ngày hôm sau, Gia - Cát Đồng gọi Tống Kim - Cương sẽ ghé tai dặn bảo mấy lời, rồi trao cho một kế cẩm-nang, đem áp-giải 2000 dân-binh đến trại Vạn - Nhân Địch. Tống Kim-Cương đến nơi đem kế cẩm - nang và lời mật-ngữ bảo cho Vạn-Nhân Địch biết.

Vạn-Nhân Địch vội vàng ra ngoài trại nghênh-tiếp quan nguyên-soái bọn

dân-binh, rồi đặt tiệc khoản-đãi, đem lời phỉnh-nịnh các quan nguyên-soái, mấy viên nguyên-soái trong bọn dân-binh đều lấy làm tự-phụ hăng-hái lắm. Tống Kim-Cương cáo từ trở về trại. Ngày hôm sau cũng không thấy quan-binh ra giao-chiến. Đến hôm sau nữa, Vạn-Nhân Địch bèn đem dân-binh đến trước trại quan-quân thống-mạ một hồi, cũng không thấy thò ra. Vạn-Nhân Địch bèn cho quân lính đi cướp lấy trâu rượu đem đến trước trại quan quân mổ thịt, cồi trần ra uống rượu, có đứa say rượu nôn oẹ cả ra, quan-quân cũng cứ phó mặc. Ngày hôm thứ ba, Vạn-Nhân Dịch bèn cho quân-lính đi đến các làng bắt lấy đàn bà con gái năm sáu trăm người đem đến trước trại lột trần truồng ra cho quân lính dâm hiếp, hễ người nào chết thì ném xuống hào ở trước trại quan-quân. Quan-quân trông thấy đều rùng mình khiếp-sợ lấy làm thương-thảm, làm cho Dương Kiệt là một viên khi trước Súc Nục cho làm Tuần-dao quan-sát-sứ, nay trông thấy sự thương-thảm ấy phải tức giận lên, một mình xin vào yết-kiến nói với Súc Nục. Súc Nục bảo rằng :

— Nay quân mán-mèo phong-nhuệ đương hăng-hái, nếu mình khởi-động lên, thời sợ mắc phải mưu kế, bây giờ chỉ nên phòng-thư cho nghiêm-mật; để đợi cho nó hết lương không cướp lấy vào đâu được, thời tự khắc nó phải lui, bấy giờ ta đem binh đuổi đánh, thời hẳn được toàn-thắng, ấy là cái kế-sách Lục Tốn đánh phá Lưu Bị đó, tướng-quân hãy nên tĩnh để đợi xem.

Dương Kiệt nói :

— Đại-nhân nghĩ thế là lầm, nay quân mán-mèo nó nhân có sẵn lương-thực của dân, chớ có ví như Lưu Bị đâu. Nếu đợi cho nó hết lương mới ra đuổi đánh, thời nhân-dân ở về phía tây này không còn nòi giống nữa. Xin đại-nhân coi dân như con đỏ cấp cứu cho lúc hiểm-nguy này, ti-chức xin làm quân tiền-khu, dẫu chết cũng không oán.

Dương Kiệt nói xong, Súc Nục chẳng nói chi cả, bởi vì từ trận đánh Lệ-pha, Súc Nục phải Lý công-chúa chỉ có tám trăm quân đánh đổ hai mươi vạn quân của y, nên y nghe thấy tiếng quân mán mèo đã sợ khiếp đi rồi. Huống chi quân giặc Ngũ-hoa lại hung tợn hơn quân trại Gia-quế, nay khởi đến sáu mươi vạn quân kéo lại, nghe thấy đã hết hồn đi rồi, nên Dương Kiệt nói sao y cũng không nghe. Dương Kiệt hăng lên nói rằng :

— Nếu đại-nhân không chịu ra đánh, thời xin đại-nhân cho tôi ba vạn quân, để tôi thử ra thăm xem quân giặc mạnh yếu thế nào. rồi đại-nhân hãy phát binh ra đánh.

Sục Nục thấy Dương Kiệt tự xin ra thám giặc, vậy cũng nghe lời y cấp cho ba vạn quân, cho mở cửa thành ra đánh. Vạn-Nhân Địch thấy quan quân ra khai chiến, cả mừng, liền hô quân lui đến Nhất-tiến bày dàn trận-thế, nhường cho quan binh kéo ra. Dương Kiệt thúc ngựa múa đao xông lên đánh. Vạn-Nhân Địch liền truyền cho nguyên-soái dân-binh ra nghênh-địch. Dương Kiệt tuy là hăng-hái, song cũng chẳng có tài võ-nghệ gì, trông thấy tướng bên giặc đầu đội kim-khôi, mình mặc ngân-khải, vẫn tưởng là chúa mán tất là tay võ-nghệ giỏi, đã thấy hơi chột dạ trùng tay, sau Dương Kiệt xông vào giao-đấu một vài vòng, thấy tướng bên giặc võ-nghệ có phần kém xa, bèn cả gan múa đao xông vào, tướng giặc giở mình không kịp, bị Dương Kiệt chém phăng làm hai đoạn, và chém phăng đứt đôi cả mình ngựa của tướng ấy cưỡi. Dương Kiệt đắc ý cả mừng, múa đao lên vẫy gọi quan-quân đổ xô ra xung-sát. Vạn-Nhân Địch liền bỏ toan

dân-binh, vứt cả mũ khôi áo giáp mà chạy trốn. Toán dân-binh kinh khiếp ngơ-ngác cả lên, muốn chạy nhưng không thể chạy được ; quan quân xung-sát đến nơi, vung đao ra chém bừa đi, hai nghìn bách-tính giết không còn sót một mống nào cả. Dương Kiệt đắc-thắng hồi trống thu quân. Khi trở về trung-quân, Súc-Nục thân ra nghênh-tiếp, mừng rỡ mà rằng :

— Hôm nay nếu không phải tướng-quân là người trung-tâm vị nước, tự xin ra đánh giặc, thời bản-chức xuýt nữa bỏ mất một người anh-hùng.

Nói rồi, ban thưởng cho Dương Kiệt ba chén rượu, và tức-thời thăng cho làm Tả-tiễu du-khích. Dương Kiệt cả mừng.

Ngày hôm sau, Vạn-Nhân Địch cho người đến quân-sư xin cho thêm binh. Quân-sư Gia-Cát Đồng lại cho 2000 dân-binh đến trước trại quan-quân để khiêu chiến. Dương Kiệt lại hăng-hái xin ra đánh. Súc Nục lại phân cho ba vạn binh cho mở cửa thành ra đánh. Dương Kiệt trông thấy tướng giặc thét to lên mà rằng :

— Những quân giặc man này giết còn chửa hết, hôm nay phải giết cho sạch không để cho sót mảnh giáp nào mà trở về nữa mới nghe !

Nói rồi, liền múa đao thúc ngựa xông vào. Vạn-Nhân Địch lại sai một viên nguyên-soái dân-binh ra đối-địch, chửa giao-chiến được và hợp thời viên nguyên-soái liền bị Dương Kiệt chém chết tươi. Quan quân thấy Dương Kiệt lại thắng-trận, đổ xô ra xung-sát. Vạn-Nhân Địch lại quay ngựa chạy trốn ; quân man chạy nhanh như cắt, còn hai nghìn dân-binh đổ xô nhau lại một đống tha hồ cho quan quân băm chém như dưa, giết sạch không sót một mống nào cả. Dương Kiệt lại hồi trống thắng trận kéo quân trở về, đều múa tay mà hát lên rằng :

Thiên-tử có đức,
Đốc-phủ có oai.
Giặc man dẫu mạnh,
Đánh cho thua hoài.

Đốc-phủ có oai,
Thiên-tử có đức.
Giết quân hung-đồ,
Sạch như quét đất.

Súc Nục thân ra ngoài cửa trại nghênh-tiếp, nắm lấy tay Dương Kiệt đều giong cương ngựa mà đi, vào đến trung-quân ngồi yên đâu đấy, Súc Nục nói rằng :

— Nếu được chư-tướng đều như tướng-quân anh-hùng cả, thời giết quân giặc man kia có khó gì !

Nói rồi thăng Dương Kiệt lên làm tham-tướng. Chư tướng thấy Dương Kiệt mới trong hai ngày làm lên đến tham-tướng, đều ngứa ngáy muốn sinh nghề mình. Ngày hôm sau lại nghe thấy quân giặc đến trước trại khiêu-chiến. Chư tướng đều đồng-thanh nói lên rằng:

— Chúng tôi xin ra đánh !

Súc Nục thấy chư-tướng đã nức lòng, trong bụng nghĩ mừng thầm rằng nay chư-tướng đã phấn-chấn, có thể ra đánh một trận được ; bèn trông vào chư-tướng mà bảo rằng :

— Nay chư tướng - quân đều muốn ra quyết chiến cả, vậy bản-chức khởi hết cả quân năm trại, thân ra cầm hiệu trống, để cùng với quân giặc man này đánh một trận cho quyết thư hùng! Chư vị tướng-quân đều nên gắng sức xông pha, hễ ai có được một công nào thời thưởng ngay cho công ấy, cũng như là Dương tướng-quân mới rồi, ta quyết không sai lời đâu !

Chư tướng cả mừng đều sắn áo ray tay, chỉ chực đợi lịnh trên điều-bát. Súc Nục trước tiên điều-khiển ba vạn binh mã cho Dương Kiệt mở cửa thành đem đi trước, còn đại-binh thời lục-tục kéo đi sau, dàn bày ra thành trận thế.

Cửa cờ mở ra, Dương Kiệt nhảy ngựa hô lên rằng :

— Chư tướng, ai có can - đảm thì theo ta ra đây !

Chư tướng đều reo lên một tiếng đua nhau hăng hái xông ra trận. Vạn-Nhân Địch liền quay ngựa tháo chạy, chớ không dợi phải đến giao-phong. Dương Kiệt thét to lên rằng :

— Tên tướng giặc kia có chạy đi đàng trời !

Đương lúc sấn đuổi, chợt thấy một đội quân xông ra, viên thủ-tướng đầu đội mũ kim-khôi, mình mặc giáp ngân-khải, thúc ngựa ra nghênh-địch ; liền bị Dương Kiệt vung đao ra chém, ngã quay xuống dưới ngựa. Quan quân liền xô-xát xông lên, hai nghìn đân - binh lại bị quan quân giết sạch cả. Dương-Kiệt một mình ruổi ngựa tế đi như bay. Súc Nục thấy Dương Kiệt thắng liền hai trận, bèn khu cả đại-binh đuổi theo sau, hạ lịnh trong quân rằng : « Hễ tiến lên một bước thời được thưởng, mà lui xuống một bước thời phải chém ! » Quân sĩ được lịch ấy đều tranh nhau tiến lên ầm ầm như sấm vang gió ruổi. Đương lúc theo đuổi, chợt nghe một tiếng pháo nổ, thời thấy Gia-Cát Đồng thống - lĩnh đại - tướng là Tống - Kim-Cương ra chắn ngang đường. Dương Kiệt nghiến răng nghiến lợi mà rằng :

— Quân tặc-nô kia xem đao ta đây này !

Kim-Cương cũng cả giận mà rằng :

— Quân cẩu-đạo kia thôi đừng chạy nữa.

Nói rồi liền xông vào giao-phong đâm ngay cho Dương Kiệt một mũi đao thấu đàng trước ra đàng sau ngã lăn xuống ngựa. Quan quân kêu lên một tiếng, đều chạy giật lùi lại. Gia-Cát Đồng chỉ-huy ba quân, đuổi theo sau chém giết Quan quân giẫy séo lẫn nhau mà chạy. Súc Nục cả kinh, kíp truyền hậu-quân lui chạy ; lại chợt nghe một tiếng pháo nổ, có một toán quân ra chặn ngang đường. Súc Nục đương lúc hoang-mang, chợt đâu toán quân ấy xông đột đến nơi, thế không thể át được, phải quân thiết-kỵ tung-hoành giẫy séo, quan quân bị giết, máu chảy đầy sông, thây chất đầy đường. Súc Nục không biết chạy đường nào, một mình một ngựa chạy về hướng nam. Đương lúc mải chạy thì chợt đâu một tướng như thiên-thần hiện ra chặn ngang đường thét to lên rằng :

— Tướng tiên-phong trại Thiên-mã là Vạn-Nhân Địch ở đây !

Thét rứt lời, múa ngọn thương lên xông vào đâm. Súc Nục thất-kinh kêu lên một tiếng ngã lăn xuống ngựa. Chợt đâu có một tướng xông lại, thét to lên rằng :

— Chủ-soái chớ hoảng, đã có Trần-Cao ở đây !

Liền múa đao ra giao - phong với Vạn-Nhân Địch, hai người giao - chiến đến năm mươi hiệp. Sau Trần Cao phải Vạn-Nhân Địch đâm cho một mũi thương chết liền. Súc Nục thời lột bỏ cả mũ áo, lẩn vào trong đám bại-quân mà chạy trốn. Khi chạy về đến trước trại, trông thấy khói lửa cháy rực trời. Nguyên là Đồng Miêu-Công dụng được bọn quân Côn - luân - nô sai lặn xuống nước, đục thủng chiếc-thuyền của quan-quân đóng ở bên sông. Quan-quân náo - động kêu ầm lên, Miêu-Công thừa thế đánh xông vào, phá tan thủy - trại ; bèn đánh xông lên bộ, tiến vào đàng sau trại phóng hỏa đốt lên, lương thảo năm trại đều bị cháy sạch cả. Súc Nục không dám đảo vào trại nữa, phải quay về hướng bắc mà chạy, lại chợt gặp một toán quân ra chặn đường. Súc Nục thất-kinh kêu lên rằng :

— Trời ơi ! chết mất rồi !

Kêu rứt lời, ngã lăn xuống đất.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

TÙNG-ĐÀM

VĂN CÓ THỰC THÌ NƯỚC MỚI HAY

Cái câu « văn tức là người » là câu người bên Âu-châu để đoán tâm-tưởng những nhà cầm bút viết văn cho biết kẻ hay người dở, kẻ thấp người cao ; song không phải dở hay cao thấp ở cái thế-lực cái địa-vị đâu, bởi vì những cái đó toàn là cái khoác ở ngoài người cả.

Nhưng mà cái câu hợp tâm-lý của người Âu-châu ấy, tưởng chưa vội đem mà đoán tâm-tưởng những nhà viết văn ở trong nước mình, cho cả đến ở nước Tàu nữa, bởi vì văn Âu văn Mĩ sánh với văn Tàu văn ta khác nhau xa lắm.

Nước ta học theo văn-hóa nước Tàu khi mới bắt đầu là vào ngay cái thời-kỳ văn-học đã đến thì suy-thoái, nghĩa là vào lúc sau khi đặt ra khoa-cử, vì đặt ra lối khoa-cử mà hóa ra chuộng hư-văn — Ôi ! văn mà đã « *hư* » thì người viết văn còn « *thực* » thế nào được, mà bảo rằng : Cứ xem văn sẽ biết được người ? Vậy nên phải biết cho đích-xác cái chất văn thế nào là « *hư* » thế nào là « *thực* », để biết người thực với lại người hư. Có người bảo : Hư-văn là cái văn bàn những lẽ hư-huyền bất-thực ; lại có người bảo : Hư-văn là trong bài văn có vỏ mà không có ruột, lời văn đặc mà tư-tưởng không.

Cả, hai thuyết đều có lẽ cả, song thiết-tưởng rằng : đó là hư - văn ngày trước, chớ hư-văn ngày nay không đến nỗi thế đâu. Bởi vì như cái thuyết thứ nhất, thì ngày nay dẫu bàn đến những điều rất thiết-thực, cũng không mấy người đã đem lòng tin, nghĩa là xem xong rồi thôi, chớ có thực-hành đâu mà bảo? Về cái thuyết thứ hai thì những người làm văn ở cái thời này, nhờ được chữ quốc-ngữ là chữ phổ-thông dung-dị, có thể ví như thứ nước rút trong thì dễ nuốt trôi được nhiều tư-tưởng của kẻ khác mà chứa vào mình, lâm-thời có muốn cầu lấy danh-dự sẽ tuôn ra, thế cũng là văn, cũng là người làm văn, cũng có tư-tưởng chớ gì ? Cứ xem như lắm kẻ làm cái việc rất hèn - mạt tồi - tàn, thế mà động mở miệng ra hay là cầm đến bút viết là thấy phun ra những điều nhân-nghĩa đạo-đức ; có xét tinh ra thì mới biết : đó chẳng qua là dùng cái cách để tỏ ra mình nói sao làm vậy, để người ta đem lòng tin ; khác nào người nêm cơm nêm gạo rử gà để mắc vào rồi thì đánh thịt.

Cứ bằng ấy lẽ thì chả hóa ra cái vấn-đề « văn tức là người » ở nước nhà bây giờ không thể giải - quyết một cách thỏa-đáng được rư ? và nếu thế thì chả hóa ra khiến cho những người có bụng thực với đời sinh ra chán-nản mà không dám hạ bút tỏ bày những việc lợi-ích mà đem hiến cho đời rư? Nên không thể nào dừng được mà phải phân biệt cái chất văn-thực văn-hư, xin chớ dồ oan cho là công-kích.

Hư-văn có mấy thứ sau này :

1° Là văn đối từng câu từng chữ. — Cái lối văn đối từng mạch từng đoạn thì ngày nay không thấy còn mấy người dùng, mà thứ văn đối từng chữ từng câu thì cũng vẫn thấy, song không phải hết thảy một bài. Phàm văn đối thì bao giờ ý-nghĩa vẫn thiếu mà lại vẫn thừa; thiếu là lý-ưng cái thế nó còn nối được dài nhưng muốn cho đẹp lời, bèn hạn-chế ngay lại; thừa là khi nói hết lẽ rồi nhưng còn thiếu một hay là nhiều khúc

nữa phải thêm vào thì nó mới đối mới cân ; mỗi câu rời rạc ra có thể ví như những toa xe-hỏa, lâm-thời muốn mắc bao nhiêu toa, lấy ở ga nào cũng sẵn, thôi thì chẳng thiếu một thức gì : toa thì người, toa thì đá, toa thì gỗ, toa thì than, toa thì trâu, toa thì lợn vân vân ; xa trông ngoài vỏ, cứ tưởng rằng toa nào cũng rặt những người, nhưng kỳ-thực có toa lại bỏ không nữa, đợi đến ga nào mới cắt bỏ ra. Sau nữa sự dùng chữ trong văn cũng vì thế mà sinh ra bất-nhất, muốn cho phải lứa xứng đôi thế tất phải đi lùng mà kén chọn, khác nào chị con gái đẹp kén chồng, chỗ thì được người nhưng lại chê không có của, chỗ thì được của nhưng lại chê không được người, người được của được thì lại chê không phải dòng-dõi, kết-cục già-kén kẹn-hom, bấy giờ mới giương mắt ếch, rồi lại cứ nghếch mắt lên mà kêu trời ! nhưng ấy thế là trời công đấy !

2º Là văn có vần điệu — Văn có vần văn-điệu khó g phải là không có tư-tưởng; văn thật là hay, song người làm văn cũng không có tự-chủ, bởi vì bị cái vần cái điệu nó gọi đi, khi thì lên rừng xuống bể, khi thì ra tỉnh về quê, khi thì vào màn-the trướng-gấm, khi thì đến chỗ đồng không mông quạnh, khi theo gió mát đưa linh-tinh lên tận trăng trong, lên cho đến chín lần mây tối, trong vũ-trụ chẳng qua là cái kho vô-tận những tài-liệu để các nhà thi-nhân dùng; so g phải biết rằng : trước hết các nhà ấy cũng đã sẵn có cái tài thiên-phú, là cái tài người gọi « nối điêu » với lại cái lòng thanh-tao phóng-khoáng — chớ nói rằng « cao thượng » thì chưa đủ tin — cho nên lắm người coi trời không bằng một cái chỏm vung, mà coi người đời thì không bằng mấy bụi mà với lẽ tiến-hóa tưởng cũng không có quan-hệ gì ; duy người đời phần nhiều cũng nên cảm-bội, vì lắm bài cũng là một liều thuốc vô-tuyến bắn vào óc mà chữa khỏi được cái bệnh u-sầu. Nói đây là để chứng rằng văn ấy không chắc đã hẳn là người, hay bảo : mới được « nửa người » thời có lẽ đúng.

3º Là chứng-dẫn nhiều lời — Bây giờ lắm bài cũng có được nhiều tư-tưởng duy phát-minh bởi mình thì ít, mà mô-phỏng góp-nhặt thì nhiều, cũng có khi thấy biệt-lập ra hẳn, nhưng cũng là được cái gương người nói trước nó phản-chiếu mà nảy tứ ra, nhất là được những lời đem ra chứng-dẫn bằng những câu cách-ngôn ngạn-ngữ xưa nay ; đem những câu ấy làm như câu hỏi đầu bài thi, câu hỏi của quan tư-pháp, rồi cứ thẳng lẽ đó mà khai thêm ra, không dám ra lời chống-cãi, thật là giàu cái chủ-nghĩa phục-tòng.

Nói tóm lại thì văn nào cũng không «chuyên-nhất» một người, có thể ví như một chị đào non khôn-ngoan sắc-xảo đẹp đẽ có duyên, tiếp nhiều quan khách lân la; hóa ra nhiều câu chuyện góp. Duy được cái tài tổ-chức khéo hơn thời xưa, mà cũng đáng khen cho rằng : chịu khó nghiền ngẫm.

Văn thực thì nó như văn Tây này:

Trước hết ai cũng đã biết rằng: văn Thái-tây không bao giờ có văn đối cả; mà nhất là người ta không lấy câu cũ sẵn đem ghép vào — Người ta lấy rằng: văn tức là người, mà người thời mỗi người một khuynh-hướng một tính-tình, hãy nói như dáng mặt người ta suốt cả thế-gian không ai là giống ai cả, huống là cái tâm-tính người trí-tuệ cảm-tình người ta đi đến đâu thì lời văn vẽ theo đến đấy, cũng tức như người họa địa-đồ, người thì vẽ rộng, người thì vẽ hẹp, tùy ý-tưởng vẽ nhỏ vẽ to từ một người, một nhà cho chí một khu-vực cả năm châu, qui-

hồ vẽ khéo thì thôi, chớ không cần phải giống thuốc bôi xanh đỏ; cũng như xét người cốt cái dở hay ở như tư - tưởng, chớ không phải xét hình - thể câu văn làm gì, vì hễ tư-tưởng đẹp thì tức là lời văn cũng phải hay, chớ tư-tưởng dỉ-cùn thì không phải là cái vật-chất như loài sắt mà cái gì cũng đem mạ vang vào để giấu cái mặt xấu đi.

Thứ hai là Âu-Tây cũng có lối văn vần, văn điệu như những câu hát bài thơ, nhưng mà của người ta thực, bởi vì tiếng của người ta là thuộc về «*liên-vận*» mà tiếng Đông-phương ta thì là «*độc-vận*»; tiếng của người ta là «*sinh-vận*» mà tiếng mình thì là «*tử-vận*»; nguyên tiếng của người ta có hai vận trắc, bằng; nhưng lúc đọc lên thì tiếng trắc vẫn giọng trắc, mà tiếng bằng lại biến-hóa thêm ra được năm giọng nữa như: ˋ ˊ ˇ ˀ ˙ của mình, rồi mỗi lần đọc lại biến đi một giọng; ngoại-giả còn bao nhiêu những tiếng câm, tiếng gió, những tiếng này gọi là tiếng phụ, phụ mà nó có cái sức hút rất mạnh, như cái sức điện hoặc co hoặc ruỗi, những tiếng chính kia lanh như chớp sáng, nổ như sấm vang, đổ như mưa dào, ào như gió cuốn. Nói rút lại thì âm-vận của người ta rất là giàu, cũng như nước bài chờ rộng bài mà chờ rộng thì không thể nào cao, nhưng mà nó chắc có thực là được; âm-vận của ta thì hẹp, như thể nước bài chờ hẹp, hẹp mà ù được mới cao, nhưng cái cao ấy cũng là hú-họa, như chờ nước chi-chi nầy, tay cầm run rẩy trăm phần không chắc lấy một, nhưng nếu mà ù được thì sướng nầy người lên, như có thần - minh xuống giúp, không phải nhân-tài nhân-lực mà nên. Người Tây vẫn chê những phái tây-học ít người biết cách nói tiếng Pháp, nghĩa là không nói biến ra sáu giọng như là tiếng mình, cứ tri-tri trinh-trích có hai giọng bằng, trắc mà tuôn mãi ra; thực có thế vậy.

Thứ ba đến sự chứng-dẫn — Người Tây cũng thường lấy những câu cách-ngôn ngạn-ngữ để mà chứng cho bài nói của mình được thêm vững lẽ, không còn ai bẻ được vào đâu, thế nhưng năm mười trang mới dẫn một vài câu vắn tắt; vậy là người ta lấy rằng: bao giờ mình cũng là người đương-sự, đến trước pháp-đình, viện có người nọ người kia làm chứng cho cái kiện của mình thêm vững chắc thôi, cũng có khi người làm chứng nói sai, thì chống cãi luôn ngay, không có vị-nể. . . Trái hẳn với sự chứng-dẫn của ta, của những người làm văn ta phần nhiều tự coi mình là kẻ chứng-nhân, mà coi người xưa là đương-sự, nghĩa là không có tính « tự-chủ » ở mình, chỉ biết phục-tòng như trên kia đã nói.

Người Âu-Tây ai ai cũng có tính tự-chủ, mỗi người đứng riêng một tư-tưởng (tư-tưởng về những lẽ phát-siển sáng-kiến, chớ phép-tắc từ xưa cũng không có cái tư-tưởng ngông-cuồng mà bỏ hẳn được) không chịu ỷ-lại vào ai; mỗi người đi một phương-hướng, có thể thì mới khám-phá được hết những của cải còn bí-tàng ở các nơi thâm-sơn cùng-cốc trên cái thế-giới vô-hình vô-tận là cõi vũ-trụ mênh-mông; loài người nhờ đấy mà thêm sung-sướng. Nhất là người ta đối với một cái tội-ác gì, đương giết-róc linh-hồn người trong xã-hội, nói một lần mà không công-hiệu, thì dơ đi không thèm nói nữa, bởi vì nói lắm cũng như đánh lắm một đứa trẻ con, hóa ra về sau nó không sợ nữa.

. . .

Tuy - nhiên trong nước chúng ta ngày nay, cũng chưa dám nói quyết được rằng: Hết thầy mọi người cầm bút viết văn, dẫu có lòng thực vì xã-hội mà viết, cũng chưa chắc rằng nói

thế nào làm ngay thế vậy, là vì còn vướng bao nhiêu phong-tục tập-quán trong gia-đình trong xã-hội nó gò-thắt ở quanh mình. Song cũng phải biết cho người ta rằng : Người ta cũng đã hết hơi hết sức hô-hét cho mọi người trong nước cùng nhau tháo gỡ những cái phong-tục tập-quán kia, với lại xua đuổi những con ma u-mê đốt-nát nó lẩn-quất trong xã-hội này, như thế cũng đã đáng cái thiên-chức làm người ở đời, làm dân ở nước, làm anh đời nay, làm thầy đời sau rồi ; không đến nỗi thẹn thay như những kẻ không biết nói cũng cố bắt chước nói, hay là nói một đàng làm sang một nẻo, hay là cũng nói được nhưng sợ thiệt đến mình mà không dám hé môi ra.

Tôi đây, nghĩa là người viết bài này cũng chưa chắc được cả là tôi, được hẳn là văn tôi, vì tôi cũng chưa làm được một chút gì như lời tôi nói đây, cho đến nỗi từ xưa đến nay, sống nhờ xã-hội, mà bây giờ mới góp được một chút ý-kiến bẹp hòi này ; đã cứ ngần-ngừ không muốn viết, nhưng lại nghĩ: nếu vì một sự huy-kỵ cỏn-con, mà bỏ mất cái nghĩa-vụ lớn, thì chả là đáng tiếc lắm ru ? sau nữa lại bỏ phí mất một phần trong trăm nghìn phần tôi, bởi vì cái tư-tưởng nó làm sút tôi đi ít nhiều huyết-nhục.

TRẦN HỮU-KHÁNH

VĂN-UYỂN

THƠ LAI CẢO

Mừng xuân

Xuân lại xuân qua đã mấy lần,
Trước sau sau trước cũng là xuân.
Một vùng hoa cỏ hương thêm ngát,
Muôn dặm trăng sao vẻ bội phần.
Luyến chúa tờ tranh treo trước vách (1)
Xông nhà tràng pháo đốt ngoài sân.
Hoàng hoa rót chén dâng lời chúc,
Chúc bạn nhà nho tỉnh tỉnh dần.

Vịnh cảnh Tiên hương

Xa cách phương trời đã mấy đông,
Này đây tiên-cảnh lại tương-phùng.
Mấy từng xanh biếc non cao ngất,
Một ngọn trong veo nước trầy vòng.
Câu chuyện tang-thương say tảng đá,
Nỗi niềm sương tuyết giận chồi thông.
Ai về nhắn bảo chàng Lưu Nguyễn,
Sao chả tìm nhau rũ bụi bồng.

Mừng mưa

Nắng lâu mới gặp trận mưa dào,
Cái trận mưa này sướng lạ sao !
Nắng lửa bốn phương tan tác dẹp,
Cỏ cây muôn dặm nhởn nhơ chào.
Rồng đương vỗ cánh tung mây tía,
Cá cũng giương vây vượt sóng đào
Mưa thế mới là mưa ích nước,
Mưa nhuần phong-hóa đượm phong-trào.

Đề ảnh một người

Ông đứng làm chi mãi chốn này ?
Nghiêm-trang khăn lượt với giầy tây.
Toan ra cõi thế phô tai mắt,
Mà nỡ đem mình bạn cỏ cây.
Ý hẳn lửa lần chờ vận-hội,
Hay là mặc kệ nổi vơi đầy.
Năm châu thời buổi đương tranh-cạnh.
Ông đứng làm chi mãi chốn này ?

Cảm hoài

Ngoài song mưa gió thổi bên tai,
Lách tách như xui dạ cảm-hoài.
Hồ-thỉ biết bao trang nợ khách,
Non sông chi để thẹn tên người.

(1) Trên vách có treo bức tranh Ngự-dung.

Nghĩ khôn vẹn cả đường trung hiếu,
Mà dại đeo chi chữ sắc tài.
Giấc mộng tri-âm mơ chửa dậy,
Chuyện đời toan nói nói cùng ai ?

Học-sinh NGUYỄN MẠNH-XỨNG

Vân cảnh chùa Lào

Dạo gót thiền-môn cảnh lạ nhường,
Đã không đèn nến lại không hương.
Chuông câm mõ lặng chùa thanh vắng,
Bệ lở tường long tượng ngổn ngang.
Bồ-tát tay nưng cơm nếp trắng,
Chúng-tăng mình khoác áo hoa vàng.
Líu lô tựa tiếng « *na mô phật* »,
Cầu phật sao cho khỏi thói mường.

Tắm sông Mékong

Tới ngọn Mé-kong mấy dặm xa,
Dừng chân ta thử tắm chơi mà.
Một bầu máu nóng khăn xoa khắp,
Chín khúc sông dài sóng giỡi qua.
Bơi lội những e lầm bến khách,
Vẫy vùng chi độ sạch áo nhà.
Đục trong ta cũng liều ta tắm,
Lẽ đề hôi này ám mãi a?

Vợ Lào tiễn chồng về Nam

Ngại ngùng tay chuốc chén quan-hà,
Trăm mối tình riêng xiết nói ra.
Hồng-lĩnh buồn giong muôn dặm ký,
Viên-thành sầu đề một mình hoa.
Nhái Lào ướp sẵn thêm lòng nhớ,
Chim Việt bay về ngó mắt xa.
Chờ đợi sông Mê thuyền ghé lại,
Trăm năm vui mở cuộc sinh-ca.

TRẦN QUANG-HUYẾN,
Secrétaire à la Résidence Supérieure au Laos
(Vientiane)

Vịnh Thúy-Kiều

Ví biết sinh ra kiếp đoạn-trường,
Sắc tài chi lắm để ai thương.
Cành thoa vườn thúy trời gieo nợ,
Giấc mộng lầu hồng bóng thẹn gương.
Réo rắt dây đàn cung mệnh bạc,
Ngẩn ngơ nét bút áng mây vàng.
Mười lăm năm ấy thân lưu-lạc,
Trời để làm gương bạn má hường.

Cao-bằng, NGUYỄN GIẢN-KHANH

Vịnh cảnh chùa Hương-tích

1

Qua mấy lần non vượt mấy sông,
Chùa ngoài dạo khắp lại chùa trong.
Rừng mơ xanh ngắt hương ngào ngạt,
Hang đá sâu hoăm cảnh lạ lùng!
Mấy tiếng chuông khua lòng Phật động.
Nhất trời Nam rõ chữ vua phong,
Đi tu tu ở chùa Hương-tích.
Thì thú lâm-tuyền quá đỉnh-chung,

2

Nhác trông phong cảnh ngỡ bồng-doanh,
Một ngọn chùa thiêng núi bọc quanh,
Cảnh lạ tranh phô trời đất khéo.
Mầu tươi thêm đẹp cỏ cây xanh,
Mắt trông non nước người quên tục,
Tiếng dậy rừng khe kẻ đọc kinh.
Rõ thật miền Nam hang thứ nhất!
Khiến người một bước một say tình!

Phúc-Khê

Thái-bàn NGUYỄN THỊ-AN

THƠ TỨ-TUYỆT LIÊN HOÀN

Đi đường xa

(Mười bài)

1

Mới bước chân ra đã ngại rồi,
Đường xa thăm thẳm tít mù khơi.
Đồ ăn thức mặc phòng khi đủ,
Chớ để rồi ra khó tới lui.

2

Chớ để rồi ra khó tới lui,
Tới lui rồi nữa hỏi vào ai.

Hỏi ai sao chẳc bằng hỏi dạ,
Hỏi dạ thì hơn trông cậy người.

3

Hỏi dạ thì hơn trông cậy người,
Cậy người chưa biết phải hay sai.
Dù sai dù phải ta đừng sợ,
Đừng sợ mà đi mới đến nơi.

4

Đừng sợ mà đi mới đến nơi,
Dù khi hiểm trở cũng không nài.
Trèo non vượt bể ta nên gắng,
Khó nhọc rồi ra mới biết vui.

5

Khó nhọc rồi ra mới biết vui,
Con đường trước mắt hãy còn dài.
Qua cầu thương kẻ đi gần tới,
Gần tới nên phòng ai ơi ai !

6

Gần tới nên phòng ai ơi ai !
Phòng thân kẻo nữa mắc chông gai.
Chông gai ai rắc làm chi đó,
Rắc đó cho ta phải tránh hoài.

7

Rắc đó cho ta phải tránh hoài,
May mà tránh khỏi chớ khoe tài.
Tài ta chưa hẳn ăn tài chúng,
Tài chúng còn hơn đến gấp mười.

8

Tài chúng còn hơn đến gấp mười,
Mà ta mới độ một vài thôi.
Miễn là đi đứng cho tròn vẹn,
Tròn vẹn cho người khỏi mỉa mai.

9

Tròn vẹn cho người khỏi mỉa mai,
Mỉa mai mai mỉa mặc lòng ai.
Kể chi cho xiết điều ân oán,
Cứ gắng mà đi lướt tới hoài.

10

Cứ gắng mà đi lướt tới hoài,
Ai sau ai trước chớ nên cười.
Lần mình rồi đến lần người khác,
Mới bước chân ra đã ngại rồi.

MAI THỊ-TUYẾT

HÁT NÓI

Mừng ngày lễ Hưng-quốc khánh-niệm

(Cao-bằng)

Ân quả nhớ kẻ trồng cây,
Vua ta, ta nhớ lấy ngày gian nan.
Nghìn trùng xa cách quan-san,
Lòng thành gang tấc thiên-nhan cũng gần.

Lễ kỷ-niệm nhớ ngày hưng-quốc, Đất Cao-thành vui mở cuộc sinh-ca ; Bốn nghìn năm tưởng lại nước non nhà, kia Tản-lĩnh nọ Lô-hà phong cảnh cũ. Cẩm tú giang sơn thùy vũ trụ 錦繡江山垂宇宙, Gian nan công nghiệp niệm tiền-vương 艱難功業念前王. Sơi - tặc khi gió thảm mưa cuồng, ấy ai đó đảm-đương nền quốc-tộ? Kia những lúc hải - lễ, sơn-phong thành Xiêm đảo Phú, đem tuyết sương mà tu - bồ góc trời Nam. Nghìn thu công đức bao hàm.

Quan-san-ức-biệt

(Tiễn biệt người thân đi du-hoạn Sơn-tây)

Lĩnh thụ trùng giả thiên lý mục 嶺樹重遮千里目, Trỏ Tây-sơn mà ngâm vọng khúc ly - ca ; Ném chinh bôi tưởng lại nỗi quan - hà, mới biết chữ hợp tan là thế thế. Ngô ý trung nhân kim khứ hĩ. 吾意中人今去矣. Sầm-sơn hoa thảo vị thùy xuân. 岑山花草爲誰春 khéo đa đoan chi mấy Đông-quân, Ngoài ngàn dặm bỗng chia phân người

một ngả ! Sực nhớ chữ « *ngô gia thiên ý mã* », Bước vinh-hoa thôi cũng thỏa biệt-ly này, thênh thênh rộng bước đường mây.

NGUYỄN-KIỂM (Cao-bằng)

GIẤC KÊ VÀNG

(Ca lục-bát gián-thất)

Tựa

Trong một đời người lâu cho lắm, cũng chỉ đến bảy, tám mươi năm. Trừ ra những người tàn-tật, và những hạng cùng-khổ không kể ; còn như người làm quan, kẻ đi buôn, người cự-phú, kẻ thường thường bậc trung. Thời tự thân mình làm ra, mà lại tự mình hưởng công lao ấy ; bất quá chỉ bốn, năm mươi năm là nhiều; nghĩa là: Lúc bé còn dại chưa biết gì, và lúc già yếu không làm được việc. Hai khoảng ấy, trừ đi cũng đến 20 năm là ít. Song cuộc đời như sao đổi, ngày tháng tựa thoi đưa, trong bốn, năm-mươi năm trời, khi chìm, khi nổi, lúc rủi, lúc may, cơn biến, cơn thường, cảnh thuận cảnh nghịch, đến khi kết-cục lại, ngồi mà nghĩ : thời hình như một giấc chiêm bao ! phảng phất hãy còn nhớ.

Người đời xưa cho là kiếp con phù-du, cảnh hoa buổi sớm, thực cũng lấy làm phải. Bởi lẽ ấy, cho nên thánh-hiền đời trước, chỉ cần sửa gọt tinh nết, để lại cho đời sau, theo lấy mà làm. Ông thời còn lại chữ đạo-đức, ông thời để lại chữ văn-chương, ông thì để lại tiếng anh-hùng hào-kiệt, sử sách làm gương soi, miệng người như bia tạc. Phàm những điều khen, lời chê, điều hay, lẽ dở, chỉ nói về phẩm-hạnh và công-đức. Còn như công danh, phú quí, lớn nhỏ hơn kém chừng nào, còn cần gì nói đến nữa.

Than ôi ! Nhân-quần ngày một tiến-hóa, thế-giới ngày một văn-minh, mà ba vạn sáu nghìn ngày của đời người ta, lại thấm-thoắt như bóng ngựa câu qua của sổ. Thời con người ta chót sinh ra đời, đã đem thân gánh lấy công việc trên đời, không cứ ở thế-kỷ nào, dân-tộc nào, cũng nên hiệu tính lấy một đôi chút, để về sau cho xã-hội, trông đấy mà noi. Nếu chỉ khu-khu về sự giàu sang sung sướng, trong khoảng mấy mươi năm, thì nồi kê chưa chín, giấc mộng đã tàn. Bao nhiêu học-thức tri-tuệ vô cùng của tạo-hóa, chung đúc vào mình, cùng theo với cái thân có chừng có hạn của mình mà tan vào bọt nước đám mây, làm chất khoáng-vật, thời chẳng khá thương, khá tiếc, khá giận lắm ru ? Chuyện « Hoàng-lương-mộng » là một câu thuyết-lý của nhà lịch thiệp thế-cố đời xưa, tuy không ích gì cho người xem sách, nhưng khi thong thả dịch ra làm văn chơi, có thể góp mấy câu chuyện ngán đời, trong khi cuộc trà chén rượu.

Ngày 20 tháng Janvier năm 1922
mùa xuân tự-tựa

HẠC-MINH

Năm canh ngayệt mơ màng chiếc [bóng,
Gió đêm thu lay động bức mành.
Nỗi riêng sực tưởng sự mình,
Chuyện đời đem mối nhân tình mà suy.
Đường danh lợi kẻ đi người lại,
Áng phù-vân gió thổi mưa qua.
Bật cười tỉnh giấc Nam-kha,
Hoàng-lương chuyện lại diễn ra làm [tuồng.
Đời Thiên-bảo nhà Đường thủa nọ,
Quận Hàm-đan có gã họ Lư.
Xuân xanh tài mạo khôi ngô,
Văn-chương đứng mực vườn nho ai [tầy.
Câu Tư-Mã hẹn ngày xe ngựa,
Mà Trọng-Thư kinh sử luống công.
Thang mây cao ngất nghìn trùng,
Cánh buồm bể hoạn mênh mông tuyệt [vời!
Gương bạc-mệnh thợ trời ghét mãi,
Bước công danh gặp buổi gian-nan.
Mình cưỡi vó ngựa nghênh ngang,
Người lòng đèn sách rộng đường ngao [du.
Áng mây bạc sớm trưa đỉnh núi,
Chốn hương-quan một lối đi về.
Buồn trông quán chợ đình quê,
Nước chè tài-khách nỗi kề chai lòng.
Quán mát mẻ ngồi trong một lão,
Người tiên-tiền mà học đạo huyền- [sương.
Kẻ đạo-đức, khách văn-chương,
Mối duyên kỳ-ngộ bước đường Thiên- [thai.
Cùng một lứa bên trời thong thả,
Gặp gỡ nhau như đã quen nhau.
Hỏi chàng quê quán ở đâu?
Hỏi chàng tên họ gót đầu phân-minh.
Niềm tâm sự bên mình khôn giải,
Buồi tao-phùng giở giới một hơi.
Nghe thôi thở vắn than dài,
Nỗi riêng chàng kể đầu đuôi sự chàng:
« Cánh bèo rạt một phương chìm [nổi,
« Phận vô-duyên nhiều nỗi bất-bình.
« Đội ơn giáo-dục sinh-thành,
« Tiếc công mài sắt hồ mình trượng-phu.
« Mùi thế-vị say sưa trần-tục,
« Lửa phồn-hoa như giục lòng xuân.
« Phương trời nhắm mắt đưa [chân,
« Một phen lạc-phách phong-trần một [phen.
« Cảnh phù-thế có duyên chăng nữa,
« Bóng quang-âm đã quá nửa đời.
« Buồng tênh trận gió thoảng ngoài,
« Câu ngâm cơ-khách giọng cười bi- [thu ».
Lòng chàng luống ngẩn ngơ trăm nỗi,
Ông lựa lời khuyên giải cho nguôi.
Rằng: « Trong gang tấc cuộc đời,
« Cơn vui giấc thảm đầy vơi tấc lòng.
« Vòng mệnh-số khi cùng khi đạt,
« Bước công-danh kẻ trước người [sau.
« Trăm năm không bề thì dâu,
« Khi vui hãy cất cơn sầu làm vui.
« Đường thân-thế là nơi cương-tỏa,
« Lấy gian truân mà trả nợ trần.
« Nghìn đời dễ có một thân,
« Đầu xanh mấy lúc cái xuân đã già ».
Chuyện bình-thủy nhạt pha mầu [nước,
Giọng trà-hương thơm ngát mùi kê.
Mây sầu nhẹ kéo cơn mê,
Cảnh buồn hiu-hiu gió hòe buổi trưa,
Lòng vẩn-vít vò tơ trăm mối,
Vẻ hiu hiu gió thổi hồn quê.
Bên giường chiếu gối sẵn kề
Lan man giấc điệp thuốc mê dẫn vào.
Người trong mộng, cảnh vào trong [mộng,
Hồn Vu-sơn theo bóng đài Dương.
Vó câu khấp khểnh dặm trường,
Nhìn trông phong cảnh cố-hương lạ [lùng!
Chốn sách vở hư-phòng dấu cũ,
Lối đi về còn thú vườn hoa.
Lần lần tháng trọn ngày qua,
Tơ duyên sớm kết một nhà họ Thôi.
Bạn cầm sắt một đôi tri-kỷ,
Buổi cầu-hoàng phỉ chí thừa-long.
Nửa năm hoa chúc dỗng-phòng,

Trên hoa dưới nguyệt não nùng lòng [xuân.
Cửa trời mở phong-vân gặp hội,
Bước công-danh thẳng lối đường mây.
Phất phơ áo mũ râu mày,
Mầu xuân phơn phớt hương bay dặm [phần.
Trên chín bệ nhờ ân vũ-lộ,
Quận Đông-châu thái-thú bổ quan.
Thanh liêm giữ thói hạc đàn,
Vinh hoa mấy độ đoàn viên một nhà.
Thành vừa đắp dân nhờ chính thiện,
Lại đào sông cho tiện đường buôn.
Trị binh nổi tiếng tuần-lương,
Giương bia công đức làm gương cho [đời.
Bỗng thấy đâu sứ trời mang chiếu,
Chức Hàn-lâm Kinh-triệu bổ vào.
Gió đông tô vẻ hoa đào,
Đường đi kinh-quyết khác nào Bồng- [châu.
Thói thanh-lịch pha mầu thanh-nhã,
Mở hào-hoa đẹp mã phong-tình.
Con đường xe ngựa thênh-thênh,
Áo kia nhuộm lại mầu xanh bao giờ.
Mùi tục-vị đã thừa tân-khổ,
Miệng phi-cam lại đủ mùi trần.
Mấy phen mưa móc tầm nhuần,
Hai triều báo đáp chút thân đến già.
Cảnh nghịch-lữ ngày qua tháng lại,
Chốn Man-khê gặp buổi binh-đao.
Chín lần gươm bán tay trao,
Chức phong tiết-độ quyền vào đồng- [nhung.
Chỉ da ngựa tìm ông họ Mã,
Ấn phong-hầu theo gã họ Ban.
Một phen trúc trẻ ngói tan,
Uy trời sớm dậy dẹp an cõi ngoài.
Trên hoàng-các một ngôi danh-tướng,
Nền Lăng-vân bức tượng huân-lao.
Tuổi già chức lộc càng cao,
Ơn trời như nước tầm vào càng sâu.
Vẫn hạnh-kiểm bởi đâu kỳ-số,
Miếng đỉnh-chung ai nỡ tham trời.
Họ Đường tể-tướng một người,
Đem lòng ghen ghét đưa lời gièm pha.
Lại giáng chức đưa ra ngoài quận,
Quyền trị dân giữ ấn mục-châu.
Thần-kinh xa cách bấy lâu,
Giang-hồ muôn dặm gối sầu hôm mai.
Lòng trinh-bạch đuốc trời soi tới,
Trong năm năm lại đổi về trào.
Chức quyền lại giữ ngôi cao,
Mưu dân chính nước trông vào một tay.
Nơi gác tía tháng ngày thong thả,
Vẻ y-quan đáng giá danh-thần.
Long-nhan ngày tiếp ba lần,
Chiếc thân đài-các bội phần thanh-cao.
Trò hí-kịch đổi trao biến-hóa,
Sự đảo-điên quen dạ thế tình.
Trong triều lắm kẻ bất-bình,
Lấy lời u-hiểm buộc mình như chơi.
Trên gang tấc uy trời sấm gió,
Sai hình quan giam giữ một nơi.
Xiết bao sợ hãi rụng rời,
Oan này muốn bạch cửa trời lại cao.
Thân phù-qui gẫm vào thêm tủi,
Cảnh phù-du nghĩ lại mà khờ.
Nhờ minh thủa trước hàn-nho,
Ngựa câu áo ngắn ấm no phận trời.
Trách con-tạo trêu ngươi chi mấy,
Đem công-danh làm bẫy trên đời.
Nói thôi xùi xụt vắn dài,
Thương con dặn vợ toan bài quyên sinh.
Song nghĩ lại thân mình tuổi lão,
Yên phận già giữ đạo làm tôi.
Đám mây mờ mịt trên trời,
Hay đâu địa-ngục có người nhân-gian.
Cơn gió giật vững vàng nết cỏ,
Trải phong sương giãi tỏ lòng trung.
Cao-minh nhờ lượng cửu-trùng,
Lòng trên trông xuống chút lòng càng [thương.
Chiếu song-phượng đôi hàng thiên- [ngũ,
Chức tam-công tước cũ gia phong,
Vua tôi một hội tao-phùng,
Ái ân trọn đạo thủy-chung, chu-toàn.
Bước vinh - hạnh qua cơn mộng- [tưởng
Phần công-hầu sung sướng biết bao.
Một mình cung cấm ra vào,
Vợ phong tước lớn, con cao lộc quyền.
Đường Chú-cầm điển-viên sau trước,

Bạn kỳ-anh đầu bạc năm ba.
Sớm khuya vui thú cảnh già,
Chén quỳnh chuốc rượu, câu ca họa [đàn.
Những cười nói bi thương mấy buổi,
Cuộc vuông tròn đã ngoại tám mươi.
Một cơn ấm lạnh chiều trời,
Bệnh trần riêng nặng kiếp người phù- [sinh.
Lòng khắc khoải bên mình tâm sự,
Tạ cửu-trùng dâng sớ từ ân.
Rằng: « Tôi chút phận tử thần,
« Thâm ơn khoa-giáp dự phần hiển vinh.
« Thân khuyển mã tủi mình quá phận,
« Mấy mươi năm ra quận vào trào.
« Một mình chức trọng quyền cao,
« Khi ra trướng hổ khi vào đài son.
« Lòng báo đáp chưa mòn tấc dạ,
« Cảnh tang-du đã ngả chiều xuân.
« Biết bao sương thấm mưa nhuần,
« Một cây kiều-mộc mấy lần vinh khô.
« Bên giường bệnh gió thu như thổi,
« Mảnh hơi tàn còn đội ơn vua.
« Ruột tằm chưa hết mối tơ,
« Thân này kết cỏ, còn chờ tái-sinh ».
Trên ngọc bệ tấm tình thấu tỏ,
Rủ hàng châu khuyên dỗ mấy lời.
Rằng: « Trong gặp gỡ duyên trời,
« Tấm lòng trông cậy một người trung [lương.
« Trong chỉnh-đốn triều cương mấy [mối,
« Ngoài dẹp yên bờ cõi một phương
« Biết bao mưu toán miếu-đường,
« Công người chép để sử vàng đời sau
« Duyên ngộ-hợp trước sau chu-chí,
« Buổi vinh ai ân nghĩa dồi dào.
« Lại sai trung-sứ họ Cao,
« Sớm khuya hầu hạ ra vào thuốc thang ».
Hồn mơ mịt còn dương dương-thế,
Đám mây xanh như rẽ bụi hồng.
Gió thu thổi lạnh bên mùng,
Giật mình thức dậy tay không rụng rời.
Cơn mộng tỉnh bồi hồi như dại,
Thôi ngẩn ngơ rồi lại xót xa.
Rõ ràng mở mắt trông ra,
Cái thân hồ-điệp lại là Trang-sinh.
Lối giong ruổi rành rành dấu ngựa,
Áo cừu xanh vẫn giữ mầu quê.
Lửa nồng chưa chín nồi kê,
Bên mình vẫn thấy ngồi kề lão-tiên,
Lòng ngao-ngán cơn phiền như rội,
Cảnh tiêu-tao thêm gợi mạch sầu.
Ông rằng: « Mộng mị có đâu!
« So vào cuộc thế khác nhau chút nào.
« Đường thân-thế biết bao khôn dại,
« Năm mươi năm từng trải đã tầy.
« Tẻ vui cười khóc mấy ngày,
« Mảnh gương nhân - sự giấc này thử [soi ».
Chàng nghe nói như xuôi tấc dạ,
Giãi tình riêng trần tạ lòng người.
Nhục vinh đã trải mùi đời,
Quyết lòng học đạo theo lời tiên-tri.
Gẫm giấc mộng mà suy nhân-sự,
Lẽ được thua hay dở là thường.
Lắm duyên càng lắm nhỡ nhàng,
Tài danh cho lắm lại càng lôi thôi.
Bóng câu thoáng, ngày vui đã ngắn,
Những mong duyên chuốc phận mà [già,
Ai ôi! nghĩ lại kẻo mà.....
Giấc chàng Lư ấy, cũng là buồn thay!
Cuộc say tỉnh, tỉnh say là thế,
Có say đi, rồi sẽ tỉnh ra.
Mấy lời chép nhặt nôm na,
Nam-âm một luật diễn qua trò cười!

HẠC-MINH

HÀI-VĂN

Một ông tổng-sư với một thầy lang thuốc, hai người là bạn chí-thân, một hôm ngồi bàn chuyện sinh-kế, định xoay phương-châm cải làm nghệ khác để cầu cho chóng phát-đạt. Thoạt tiên, thầy lang nói :

— Bây giờ buổi đua chen, chỉ ta là chịu hèn !

Ông tổng nói :

— Bây giờ đã bỏ thi, biết làm cái chi chi ?

Thầy lang nói :

— Chữ tây thì không hay, chữ nho thì đã xếp ; muốn kiếm được nhiều tiền, chỉ bằng các thực-nghiệp.

Ông tổng nó :

— Làm thợ thì yếu sức, đi buôn thì ít vốn ; ruộng chẳng có thước nào, bề nào xoay cũng khốn !

Bàn di tính lại, phương-châm không biết định đàng nào, hai ông mới giở chuyện pha trò ra nói bỡn.

Ông lang :

— Ông có biết quốc-ngữ, hay là làm lăng-tông . . . ? tháng cũng mấy chục đồng !

Ông tổng :

— Ông có biết nghề thuốc, hay là làm nhà thương . . . ? tháng cũng bao nhiêu lương !

Câu chuyện bỡn mà mất lòng, tinh thần hóa ra mặt giận, hai ông bèn nói khích lẫn nhau :

Ông lang :

— Anh khoe hay, dạy được mấy thằng nhép ! Bây giờ trẻ nhà quê, đua nhau học chữ Pháp, khăn gói của anh rồi cũng xếp ! Bấy giờ thời anh về xó bếp !

Ông tổng :

— Anh khoe tài, làm thuốc cũng tốt bồng ; bây giờ giá thuốc cao, thuốc men ít người bốc, dao cầu của anh rồi cũng mốc ! Bấy giờ thời anh ngồi mà khóc !

Một ông bên láng-diềng, cũng hơi có tư-tưởng, thấy to tiếng, chạy sang can rằng :

Thôi ông lang ! Thuốc ông hãy cho tinh, tha-hồ mà rung-rinh ! Thôi ông tổng ! Học ông cứ cho giỏi, can chi mà lo đói.

TH. T.

DƯ-LUẬN

Bản-chí tiếp được bài lai-cảo sau này, cứ y nguyên-văn lục-đăng cho rộng đường dư-luận.

Vấn đề đúc tượng đồng để kỷ-niệm hai bà Trưng-nữ-vương

Tôi xem Nam-Phong số 56 có một bài của ông Dương-Đức-Long bàn về việc đúc tượng đồng để kỷ-niệm hai bà Trưng-nữ-vương, tôi nay chẳng quản trí-mọn tài-hèn, văn-chương quê kệch mà đem chút tư-tưởng hẹp hòi giãi bày ra đây, mong rằng các độc-giả lượng xét.

Ông Đức-Long muốn cổ-động việc đúc tượng đồng để kỷ - niện hai bà Trưng, cái ý-kiến ấy thực là hay, vì nước ta như bà Trưng chẳng phải là một người anh - hùng ư? Tuy bà là người liễu yếu đào thơ mà dám cả gan báo phục để làm tiêu - biểu cho bao nhiêu ngọn cờ độc-lập Đinh, Lý Trần, Lê về sau này, thật đáng kính trọng thay! vì đem chuyện bà góp vào chuyện nữ-kiệt thế-giới có thua gì?

Ôi! nói đến bốn chữ « nữ-kiệt thế-giới » mà ta tủi thay cho người nước ta, mà ta thẹn thay cho dân nước ta, vì nữ-kiệt thế-giới thì người sùng-bái quí trọng có khi làm sách nói riêng về một bài nào để cho danh tiếng đã thơm tho lại thơm tho thêm, đã lừng lẫy lại lừng lẫy thêm, đã vẻ vang lại vẻ vang thêm; mà làm sách như thế, không những người trong nước, từ bậc trưởng-thành đến lũ thơ ấu, từ đàn ông cho đến đàn bà, ai ai cũng biết tiếng, cả đến người ngoại-quốc cũng rõ cả; có khi người ta đúc tượng, mà cách đúc tượng này lại diệu hơn vì tượng để ở chỗ công-viên, hoặc để ở chỗ ngã ba, ngã tư, ở nơi đô-thị hay ở chốn thôn quê, những người qua lại, mỗi khi ngửng mặt lên trông thấy pho tượng nguy-nga, lại sực nhớ đến lịch-sử, đến công, nghiệp người, mà trong lòng cảm súc muốn bắt chước làm những sự nghiệp oanh - oanh liệt-liệt như người ấy; cũng có khi người ta lập đền, dựng bia, song dù làm cách gì, chẳng qua một ý là để báo công người trước, hay là để khích-khuyến người sau cả.

Tôi xưa nay vẫn một lòng sùng-bái các bậc anh-hùng hào-kiệt, có ý muốn đem hết những tiểu - truyện cùng những công nghiệp của các bậc ấy, bất cứ là người phương Đông, hay là người phương Tây, bất cứ nam-giới hay nữ-giới, hoặc chép lấy hoặc dịch ra rồi đăng vào báo-chương hay in thành sách để tuyên-bố cùng quốc-dân (1), nên khi tôi được tin ông Đức - Long khởi-xướng lên cái vấn-đề đúc tượng đồng để kỷ-niệm hai bà Trưng thì trong lòng tôi hớn hở, những mong rằng cái vấn-đề ấy sẽ giải-quyết xong ngay.

Nhưng biết giải-quyết thế nào cho được?

Cứ như ý ông Đức - Long thì ông bảo vì hội Khai-trí-tiến-đức làm đại-biểu cho tất cả các người Việt-Nam thì phải nghĩ cách đúc tượng đó; tôi cũng xin đồng-ý cùng ông; song ông bảo tượng ấy để vào trước cửa nhà hội-quán hội K. T. T. Đ; điều đó tôi xin thưa ông không nên; tượng nên lập ở nơi cảnh trí đẹp đẽ, xung quanh có đất rộng, trồng cây cối và các thứ hoa bốn bên, lại gần mấy con đường rộng có nhiều kẻ qua lại, như ở Hà-nội thì nên lập vào chỗ ngã tư xe điện ở bờ hồ Hoàn-Kiếm (Place Négrier) thì hơn cả.

Còn việc quyên tiền để đúc tượng thì đã hẳn rồi. Mà tôi dám chắc rằng việc ấy sẽ có kết-quả to, là vì dân ta xưa nay về những sự công-đức, lạc-quyên rất nhiều, tất việc này ai cũng nhiệt-thành tán-trợ.

Khi đã có tiền rồi thì bấy giờ sẽ mở cuộc thi để vẽ kiểu, rồi thuê người đúc tượng, tưởng điều ấy cũng không khó khăn gì.

Vậy ai là người có tâm-huyết xin mau mau cổ-động để tán - thành cho, mong lắm! mong lắm!

Khái-Sinh.

(1) Trong Nam-phong số 52, tôi có biên được một bài luận về bà Trưng bà Triệu, cũng do một ý đó.

TIỂU - THUYẾT TÂY

III

LÊ CÔNG-VỊ HIẾU-NỮ (1)

(La jeune sibérienne)

Lại nói cho công bình thì cũng có người nhân - đức chứ không không, nhưng rất là ít lắm.

Một hôm một viên quan đến gần nàng cầm lấy lá đơn rồi móc túi lấy một nắm giấy ra. Người thiếu-nữ đã mừng thầm, nhưng viên quan ấy để mấy cái giấy bạc vào lá đơn của nàng rồi bước lên buồng giấy

Nàng lấy làm lạ vội bước ra về.

Một hôm nàng nói với vợ người chủ nhà rằng :

— Nếu người em Mi-Liên phu-nhân cũng có chân trong thượng-nghị-viện này mà có chấp đơn của tôi cũng không biết tôi đâu.

Ngày lễ Phục - sinh đã đến nên thượng-nghị-viện đóng cửa, nàng nhân dịp ấy lại đi cầu - nguyện đức Chúa Trời phù hộ cho việc của nàng chóng thành.

Nàng nói quyết với vợ người thương-nhân rằng: Nàng đã cầu đức Chúa Trời thì thế nào thượng - nghị - viện cũng chấp đơn cho nàng. Nhưng người này không tin việc đó và khuyên nàng đừng đến thượng-nghị-viện nữa mà vô-ích. — Một hôm, vợ người thương-nhân có việc ra phố thấy nàng Lê Công-Vị đang đi bộ đến thượng-nghị-viện, bà bèn gọi nàng lên xe. Khi xe đang chạy bà nói :

— « Cô đã bao nhiêu lần đi vô - ích như thế mà sao cô cứ chịu khó đi mãi thế, thật tôi không hiểu sao đấy ! » Rồi bà lại chỉ một pho tượng ở dọc đường mà rằng:

— « Giá tôi như cô thì tôi không đi nhọc xác mà vô-ích như thế đâu. Cô đưa lá đơn cho thượng-nghị-viện cũng như đưa cho pho tượng kia thôi, chẳng ăn thua gì đâu cô ạ. »

Người thiếu-nữ rằng:

— « Tôi cứ tin ở lòng trời là đủ, trời sẽ giúp tôi mà làm cho kẻ mặt sắt kia phải chấp đơn của tôi. Chuyến này tôi chắc là phải xong việc. »

Người lái buôn nghe vậy bật phì cười, nàng Lê Công-Vị cũng cười nhưng trong trí nàng nghĩ thế nào là nàng nói ra vậy.

Sau vợ người thương-nhân hỏi nàng rằng:

— « Cô có cái thơ nào đưa L***phu-nhân không ? Hôm nay tôi rỗi việc tôi đưa cô đến tận nhà phu-nhân đây ».

Người thiếu-nữ nhận lời.

Hai người đi qua cầu sang kia sông. Nàng Lê Công-Vị trông phong-cảnh lấy làm lạ vì độ mười hôm trước thì dưới sông chỉ một mầu tuyết trắng mà nay đã tàu thuyền đi lại rộn rịp tưng bừng.

Hôm đó, trời quang, gió mát, cảnh-tượng êm đềm người thiếu-nữ thấy vậy phấn chấn trong lòng mà rằng :

— « Trông cảnh-tượng như vầy thì hình như trời tựa tôi đây ».

Khi đến nhà L *** phu - nhân thì người thiếu - nữ được ưu-đãi vì phu-nhân đã được thơ ở Ca-thiên-bôn gửi đến có nói chuyện nàng.

Được ít lâu nàng nghe chừng đã cùng phu-nhân thân-thuộc nàng bèn kể cho phu-nhân nghe cái mục-đích của nàng

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 57.

và cũng nói cho phu-nhân biết đã bao lần nàng đến Thượng-nghị-viện định kêu về việc ấy đều không ăn thua gì cả.

L *** tiên-sinh xem cái đơn của nàng nhưng cái đơn đó làm không phải cách, ông nói :

— « Chắc không ai giúp cô việc này hơn tôi nữa, tôi có một người họ giữ việc trọng yếu trong nghị-viện. Tôi coi cô cũng như người nhà, tôi xin nói thật rằng chúng tôi lại vừa mới bất-bình nhau. Nhưng may quá, nay lại nhân dịp lễ Phục-sinh thế thì vì cô mà chúng tôi lại làm lành nhau dễ lắm »

Hôm đó L *** tiên-sinh bảo nàng làm tiệc mời họ hàng lại ăn, lúc gần ngồi ăn, người họ mà tiên-sinh vừa nói bước vào. Họ hàng lấy làm vui vẻ tay bắt mặt mừng. Nhân dịp ấy L *** tiên-sinh giới-thiện cô Lê Công-Vị cùng người kia.

Lúc ăn, người ngồi đấy bàn về chuyện người thiếu-nữ ai cũng nói rằng: Nàng mang đơn đến Thượng-nghị-viện thì khi khó, vì Thượng - nghị - viện còn phải xét lại cái án của thân-phụ nàng tất mất nhiều thì giờ, thà nàng cứ tâu đến bệ rồng, may còn có phần chắc hơn.

Rồi lại khuyên nàng đừng đến kêu chi tại Thượng-nghị-viện nữa mà vô-ích.

Tiệc tan thì trời đã về chiều, L *** phu-nhân cho người dẫn người thiếu-nữ về nhà người lái buôn.

Lúc ra về nàng Lê Công-Vị hơn hở mừng thầm rằng đức chúa-Trời đã ủng-hộ nàng mà dẫn nàng đến nhà L *** phu-nhân làm cho hai họ được thuận hòa.

Đi qua Thượng-nghị-viện nàng lại nhớ đến lời nàng đã khấn đức chúa-Trời rằng nàng chỉ đến đó đưa đơn một lần nữa, nếu không được thì thôi, nên nàng nghĩ thầm rằng :

« Đức chúa-Trời ban cho chúng-sinh thật hàng-hà sa-số những điều lành, sự tốt, ngài đã phù-hộ tôi mà làm cho người mặt sắt kia cũng phải động lòng thương.»

Đi đến gần pho tượng ở dọc đường nàng lại nhìn pho tượng mà rằng :

— « Thật vậy, nếu không có đức chúa-Trời giúp tôi thì không đời nào tôi biết được những người hảo-tâm vừa rồi đã hứa giúp tôi mà cầu-cứu cho thân-phụ tôi được ra khỏi nơi tử - địa kia.»

Nàng Lê Công-Vị nghĩ như vậy nên nàng phấn-chấn trong lòng đinh-ninh thế nào cũng xong xuôi công việc.

Lúc may thì may cả mọi đường: nàng vừa về nhà trọ thì người thương-nhân đi Ri-giã cũng vừa về.

Người này thấy nàng chưa tìm được nhà T *** công-chúa bèn đi tìm cho nàng. Bà công-chúa cũng đã được tin nàng từ trước, bà chờ mãi nàng, người thương-nhân vừa đến nói về chuyện nàng, bà bèn phán cho người này phải dẫn nàng lại ngay.

Người thiếu-nữ ở nhà người thương-nhân ròng-rã hai tháng trời, tính nết đã quen, nên lúc bước chân ra đi lòng những tần-ngần, ngần - ngại. Nhưng sau nàng nghĩ rằng được một người có thế-lực trong nước bảo-trợ, thì còn gì hơn nữa, nên nàng cũng nguôi dần.

Khi hai người đến dinh bà công-chúa nàng thấy người lính canh lon đeo dầy áo. nàng tưởng là một viên quan trong Thượng-nghị-viện, nàng toan thi-lễ, thì người thương-nhân sẽ bảo nàng rằng :

— « Ấy là lính canh của dinh bà công-chúa đấy. »

Khi nàng bước lên đến gác người lính canh bấm hai tiếng chuông nàng lấy làm lạ chẳng hiểu ra sao, vào đến trong phòng khách nàng thấy đồ bảo-vật bầy là-liệt và nhiều bậc thanh-niên

tuấn-tú đang xúm quanh cái bàn đều ngửng mặt nhìn nàng.

Bà công-chúa đang cùng ba người nữa đánh bài thấy người thiếu-nữ vào, bà cất tiếng phán rằng :

— Kia con, con có mang phong thư nào đưa bà không ?

Nàng Lê-Công-Vị quên không sắp sẵn trước lúc ấy mới móc ở cái túi con ra, mãi mới lấy được phong thơ.

Những chàng thiếu-niên thấy vậy thì thào cùng nhau, rồi khúc-khích cười.

Bà công-chúa cầm lá thơ đọc đi đọc lại rất cẩn - thận, một người đàn ông ván đấy rạy khó chịu, vì ngồi bài đang vui, nàng nhận kỹ thì ra người này ở Thượng-nghị-viện đã không chấp đơn của nàng.

Khi bà công-chúa đọc xong thơ, thì người kia rằng :

— Thôi đánh bài !

Người thiếu-nữ thấy người kia nhìn mình trừng trừng rồi nói vậy, nàng cất tiếng mà rằng ;

— Bẩm ông lớn gọi chúng tôi ?

Bao nhiêu người ngồi đấy đều bật phì cười.

Bà công-chúa bảo cho nàng biết bà rất mến cái lòng chí-hiếu của nàng, bà hứa sẽ giúp nàng cho xong công việc. Nói vậy rồi bà nói mấy tiếng Phở răng xe bảo người thị-tỳ đứng đấy, thì người thị-tỳ bước ra.

Người thiếu-nữ bấy giờ lại được ở dinh công-chúa.

Mấy hôm đầu thì nàng hãy còn lạ bỡ ngỡ sau nàng dạn dần, vì người trong dinh đối với nàng cũng tử-tế, như bà công-chúa vậy.

Nàng ăn cùng bàn với công-chúa nên ít khi công-chúa nói về chuyện riêng của nàng.

Nàng thường ngỏ ý để công-chúa biết mục-đích và sự mong muốn của nàng nhưng công-chúa cũng chưa dám quyết rằng cái hi-vọng nửa nàng có kết-quả hay.

Sau nàng chỉ có hi-vọng mong mấy người ân-nhân mà nàng gặp ở Va-si-liên bên kia sông Nệ-va thôi.

Khi nàng còn ở dinh công-chúa thì có một viên quan trong tòa chưởng-ấn làm thư-ký riêng cho Hoàng-thái-hậu có hứa sẽ giúp nàng.

Ông tưởng nàng là một kẻ khốn nạn thường thôi, nên ông cho nàng 50 đồng tiền *rúp* rồi ông bảo nàng lại nhà ông mà ở.

Một buổi sáng nàng lại thì ông đi làm vắng, V*** phu-nhân là nội-tướng ông, tiếp-đãi nàng tử-tế lắm. Nàng nói tình-cảnh nàng cho phu - nhân nghe, thì phu-nhân vừa mừng vừa cho là chuyện lạ.

Phu - nhân bảo nàng ở lại chờ tướng - công về. Hai người lại trò chuyện một hồi lâu nữa thì V. . .phu-nhân càng hiểu rõ chuyện nàng bao nhiêu phu-nhân lại càng qui mến và cảm-phục nàng bấy nhiêu

Thế mới biết người thật tài, người thật nhân-đức mới gặp nhau cũng coi nhau như người cố-hữu rồi.

Khi nàng ngồi nói chuyện với V. . . phu-nhân thì nàng lấy làm vui-vẻ vô cùng, vì V. . . phu-nhân hiểu chuyện nàng, cảm-phục lòng nàng và khuyên nàng đừng có ngã chí.

Lúc V . . .tướng-công về nhà thấy vợ thuật lại chuyện người thiếu - nữ cho nghe thì cũng biểu đồng-tình với người nội-tướng vì trước tướng-công cứ tưởng nàng là người nghèo khổ xoàng thôi.

Tướng - công bảo nàng ở lại đấy để chờ tin cho tiện, vì tướng-công vào chầu đức Hoàng-thượng luôn, nếu có dịp nào tướng-công sẽ tâu cái tình-cảnh nàng đến tai thiên-tử.

Một hôm Hoàng-thái-hậu truyền cho nàng Lê Công-Vị vào yết-kiến. Được tin này, người thiếu - nữ vui mừng khôn xiết, ngửng mặt lên trời, rơi giọi lệ mừng mà rằng :

— « Thật là đức chúa-Trời ủng-hộ tôi đây. Tôi vẫn một lòng tin cậy ở ngài, chắc không đời nào ngài lại phụ những lời tôi cần khẩn.»

Nàng mừng quá, cuống lên cầm lấy tay V. . . phu-nhân hôn lấy hôn để rồi nói :

— « Phu-nhân, phu-nhân thật đáng là người cứu thân-phụ tôi đấy. »

Đến chiều nàng vẫn mặc bộ y-phục thường đi với V. . . tướng-công vào chầu Hoàng-thái-hậu.

Khi gần đến hoàng-cung, nàng sực nhớ đến lời thân-phụ nàng bảo rằng không tài nào tới được sân rồng nên nàng buột mồm nói rằng :

— « Nếu thân-phụ tôi được tin này thì thân - phụ tôi mừng rỡ biết bao ! Lạy trời, trời phù - hộ cho tôi chóng đạt tới mục-đích của tôi. »

Nàng vào buồng giấy của Hoàng-thái - hậu một cách rất bạo dạn chứ không sợ hãi dụt dè và cũng không hỏi trước vào đấy phải giữ lễ và nói thế nào cho : ợp lễ nhà vua.

Hoàng-thái-hậu đã nghe V ..... tướng - công kể chuyện nàng nên ngài ân-cần muốn biết mặt nàng và muốn nghe chính nàng kể lại.

Nàng nói cái mục - đích của nàng cho Hoàng-thái-hậu nghe sau nàng nói quyết rằng thân-phụ nàng vô-tội mà bị tội đi đầy. Nàng chỉ xin nhà vua mở lòng đại - lượng mà xét lại cái án của thân - phụ nàng chứ nàng không dám xin thêm gì nữa.

Hoàng - thái - hậu nghe xong, khen nàng có lòng can-đảm và có hiếu với song - thân, hứa sẽ tâu với hoàng-thượng cho. Rồi sau Hoàng-thái-hậu lại cho nàng 300 đồng tiền *rúp* để chi dụng, hết ngài lại cho thêm.

Khi về đến nhà, V .....phu-nhân hỏi chuyện nàng, nàng cảm cái lòng nhân-đức của Hoàng-thái-hậu quá đến nỗi không trả lời được, chỉ ứa hai hàng nước mắt đầm đìa.

Một người thị-tỳ ở dinh bà công-chúa thấy người thiếu - nữ đi vắng từ sáng chưa về bèn hỏi người dẫn nàng thì biết V ..... tướng-công dẫn nàng vào cung Hoàng-thái-hậu.

Đến chín giờ tối nàng mới về dinh bà Công-chúa thì Công-chúa phán gọi nàng lên phòng khách. Người trong dinh được tin nàng như vậy đều tỏ ra vẻ vui mừng.

Sự hạnh - phúc của nàng không những làm cho những ân - nhân nàng được thỏa lòng hả dạ mà đến những người hững hờ với nàng cũng lấy làm vui.

Khi nàng nhắc lại những lời hứa của Hoàng-thái-hậu sẽ xá tội cho thân-phụ nàng thì nhiều người ngồi đấy đều nhao nhao hứa sẽ nói với quan Thượng-thư bảo-hộ cho nàng. Đến quan lớn đánh bài vừa nói trên cũng biểu-đồng-tình như vậy.

Nàng về phòng riêng lại cầu-nguyện cảm tạ đức chúa Trời đã ủng hộ cho nàng như thế.

Nàng vui mừng khôn xiết nên mãi mới ngủ được. Hôm sau khi nàng thức dậy nàng sực nhớ đến việc vừa sảy ra hôm trước nàng mừng mà rằng :

« Tôi nằm mộng hay sao thế này ? Có phải tôi đã được trông thấy Hoàng-thái-hậu và ngài đã hứa với tôi những lời phúc-đức thế không ? »

Sau nỗi mừng của nàng làm cho nàng rõ sự đó là thật chứ không phải là mộng.

Nàng vội mặc sống áo chỉnh-tề, lại

mở ngăn kéo xem có phải thật tiền hôm trước Hoàng-thái-hậu đã cho nàng không.

Cách vài hôm sau Hoàng-thái-hậu mở lòng đại-lượng tự ngài giới-thiệu nàng cùng vua và Hoàng-hậu thì được hoàng-ân ban cho nàng 5000 đồng tiền *rúp* rồi đức vua truyền quan Lại bộ thượng-thư xét lại cái án của thân-phụ nàng.

Quan Lại-bộ thượng-thư K... biết chuyện nàng, ngài cũng động lòng thương, nên việc xét án cũng chẳng có việc gì ngăn trở cả.

Ngài lấy lòng nhân-từ mà xét lại cái án ấy, nên người thiếu-nữ không còn lo gì nữa.

Tiếng nàng lừng lẫy cả trong kinh-thành.

Các quan thượng-thư các bộ và những người có thế lực ở đấy đều ao-ước biết mặt người thiếu-nữ.

Y..... công-chúa và W ..... phu-nhân mỗi người cũng cho nàng 100 đồng tiền *rúp*.

Nàng được nhiều người quí-trọng như vậy mà vẫn khiêm - nhượng như thường.

Ở đời này người nào đức rộng tài cao thường hay khiêm-nhượng. Nàng Lê Công-Vị cũng có tính ấy và có cả cái tài phán đoán rất tinh-tường. Những câu nói của nàng rất là giản-dị rõ-ràng những người hay ngờ lời nàng nói sau cũng phải tin.

Có một hôm nhiều người đang ngồi nghe nàng nói chuyện thì một người hỏi nàng vì tội gì mà thân-phụ nàng phải đi đầy.

Vì một câu hỏi đó mà nhiều người ngồi nghe chuyện tỏ ý không mặn-mà với nàng như trước.

Người thiếu-nữ bèn liếc mắt nhìn người kia mà rằng:

— Bẩm ngài, ngài nên biết cho rằng cha tôi vô-tội.

Rồi nàng tỉ-mỉ nói chuyện gia-cảnh nàng cho những người ngồi đấy nghe sau ai cũng phải động lòng.

Những câu nàng nói chỉ để trả lời những câu người hỏi, chứ không phải để khoe-khoang tài-cán mình hoặc để lấy lòng người khác.

Nàng ở kinh-thành chờ lệnh nhà vua gọi thân-phụ nàng về nước thì được công-chúng hoan-nghênh lắm.

Nàng lấy những lời ngợi khen của công-chúng làm khó chịu bội phần.

Hai vị bá-tước phu-nhân V*** một hôm cũng mời nàng vào xem cung-điện nhà vua, mỗi một bước đi là nàng thấy những đồ châu-báu bày la-liệt. Nàng lấy làm lạ cho đến nỗi khi nàng tới điện Saint Georges, nàng tưởng là nhà thờ nên nàng làm dấu chữ thập rồi mới dám bước vào.

Khi nàng đi qua một cái điện to, một vị phu-nhân bảo cho nàng biết điện đó là chỗ có ngai vua. Nàng bèn đứng dừng lại sợ hãi mà rằng:

— À ! Bây giờ tôi mới biết ngai vua là thế đấy ! Khi tôi còn ở Si-bê-ri, hễ ai nói đến là tôi kinh sợ vô-cùng.

Nào là nhớ đến nỗi sợ ngày xưa; nào là cảm cái lòng đại-lượng nhà vua; nào là mừng thân-phụ mình sắp được tha, nên lúc đó nàng bâng-khuâng như mê như tỉnh nàng bèn chắp hai tay lại, người trông xanh nhợt rồi khe khẽ nói rằng:

— « Ngai Rồng! Bây giờ tôi mới biết ngai rồng là thế đấy! »

Rồi nàng xin phép hai vị phu-nhân ấy cho nàng lại gần. Nàng sợ hãi đi run cầm-cập, hai vị phu-nhân đó vội đỡ nàng, và lấy làm ngạc-nhiên vô cùng.

Khi tới nơi nàng ôm lấy cái bục ngai rồng hôn lấy hôn để rồi rơi lệ đầm-đìa mà rằng:

— « Cha ơi ! Con đến được trốn này cũng là nhờ đức chúa-Trời phù-hộ con. Đức chúa-Trời, xin ngài phù-hộ cho

ngôi-rồng được vĩnh-viễn thái-bình.»

Hai vị phu-nhân phải lôi nàng sang điện khác, nhưng nàng xin ra ngoài, vì nàng vừa cảm - súc như thế, nên nàng sinh ra nhọc yếu.

Mấy hôm sau hai vị phu-nhân đó lại dẫn nàng đi coi khắp điện nhà vua.

Nàng tới một điện trong bày những bảo-vật chẳng khác gì tiên-động. Nàng ngắm nghía những bức tranh vẽ sau thấy một bức to vẽ tượng Si-len (Silène) say rượu, nàng cất tiếng mà rằng :

— Kìa bức tranh ghê chửa ! Người gì mà lại thế kia !

Hai vị phu-nhân bảo cho nàng biết rằng : cái tranh ấy vẽ theo chuyện thần-tiên, nhưng nàng không biết khoa thần-học nên những lời của hai phu-nhân nói nàng cũng chẳng hiểu chi. Nàng lại nói :

— « Tranh vẽ đó thật chẳng đúng sự thật tí nào cả. Người gì mà mình người chân dê thế kia ! Vẽ những sự huyền-hoặc không bao giờ có thế, thật là rồ dại vô-cùng ! »

Thường người ta lúc còn bé đã biết chuyện thần-tiên rồi, nàng đến 21 tuổi mới được nghe câu chuyện ấy.

Nàng thấy cái gì lạ ít khi hỏi han căn-vặn thường một mình xét đoán lấy thôi.

Nàng ở vào cái xã-hội có nhiều tay học-thức như thế mà chẳng ai chú-ý đến những lời nàng nói mà nàng lại chú-ý đến ngôn-ngữ của họ, có khi nàng học thuộc lòng.

Khi nói chuyện với người thân thuộc lắm nàng nói cả việc Hoàng-thái - hậu và Hoàng-hậu ưu-đãi nàng. Hễ nàng nhắc lại lời châu-ngọc nào của hai ngài thì những giọt lệ biết ơn trong mắt nàng lã trã tuôn rơi.

Nàng thấy những người kia cũng biểu đồng-tình với nàng, nàng lại bớn bở vui mừng.

Những người ân-nhân nàng hết sức làm cho mất những sự ngăn trở về việc thân-phụ nàng.

Nàng lại nhớ đến hai người tù-nhân ở Y-chinh đã giúp nàng tiền khi nàng bước chân ra đi. Nàng thường nói đến chuyện hai người đó với những ân-nhân nàng, nhưng những người giúp việc nàng bảo nàng đừng xin thêm việc ấy, sợ lại sinh điều ngăn trở gì trong việc thân-phụ khiếu oan nàng chăng.

Vì vậy nên nàng lại thôi không nói chi việc ấy nữa.

Khi nàng đã được tin đích xác rằng chỉ nhà vua đã gửi đến Si-bé-ri tha cho thân - phụ nàng rồi, thì được ít lâu nàng lại thấy quan Lại-bộ thượng-thư khâm mệnh vua hỏi nàng còn muốn xin gì nữa không ?

Dịp đó thật là dịp rất may cho hai người khốn nạn kia. Nàng bèn nói rằng nhà vua đã đem lượng hà hải tha thân-phụ nàng thì xin nhà vua mở lòng nhân-đức tha cả hai người tù-nhân kia nữa.

Quan Lại-bộ thượng-thư lại về tâu với đức vua như vậy, vua bèn hạ chỉ tha cả hai người tù-nhân kia.

Thế là lòng nhân-đức của hai người kia thật không đi đâu mất vậy.

Nàng thấy những điều mong ước đã xong xuôi thỏa mãn cả, nàng lại nghĩ ngay đến lời nàng hứa, nàng bèn đi vãn-cảnh Kim-an.

Nàng định đi đến đó để làm cho hết bổn-phận đối với đức chúa Trời đã ủng hộ cho nàng bao nhiêu điều lành sự tốt.

Khi nàng ra tu ở Kim - an thì ở Si-bê-ri thân-phụ nàng được tin nhà vua tha tội được về.

Lúc nàng vắng nhà trong 20 tháng trời mà song - thân nàng chẳng được tin tức gì của nàng cả, nên bao lần đã rơi lệ khóc than.

Trong quãng 20 tháng trời ấy thì Alexandre hoàng-đế lên ngôi, nhiều tù-nhân trong ngục được đại-xá cả, thế mà tù - nhân ở Y - chinh không được hoàng-ân tưới đến. Vì vậy nên hai vợ chồng ông Lê Phúc-Lộc không còn hi-vọng gì nữa, chỉ cùng nhau khóc vụng than thầm, thì may thay, một hôm ông bà được chỉ nhà vua tha tội.

Cái tin ấy vang lừng cả xứ Si-bê-ri người thân kẻ thuộc kéo nhau đến nhà ông Lê Phúc-Lộc chúc mừng.

Những người trước trách ông, nhất là những người mà ông cầu - cứu khi nàng Lê Công-Vị sắp khởi - hành đều chối từ không giúp thì nay lại tiếc thầm.

Ông Lê Phúc - Lộc vui mừng khôn xiết, nhưng lại nhớ đến hai người bạn kia, nên nỗi mừng lại giảm bớt đi nhiều.

Hai người tù-nhân đó đã già rồi, vì phải bị đầy ở đất Si-bê-ri từ hồi cách-mệnh Pougatcheff.

Từ khi nàng Lê Công-Vị bước chân ra đi thì hai người này cùng ông bà Lê Phúc-Lộc thân-mật hơn xưa.

Lúc mấy người cùng nhau đàm-luận, thì thường nói đến chuyện nàng, nào đoán nàng đi đến quãng đường ấy gặp sự hiểm - nghèo, thì cùng nhau lo sợ, nào đoán nàng đi đến quãng đường ấy nàng gặp được sự may mắn thì cùng nhau vui mừng.

Ông Lê Phúc-Lộc đưa cho hai người bạn kia món tiền ông để dành được thì một người cất tiếng mà rằng :

— « Chúng tôi có tiêu gì đến đâu, món tiền mà cô Lê Công-Vị không cầm lấy lúc khởi-hành tôi hãy còn giữ đây.»

Hai người không nhận món tiền ông Lê Phúc-Lộc giúp không phải là ghen ghét chi ông. Hai người đó chỉ vì sắp phải xa cách người bạn thân mà đem lòng chán nản chẳng thiết chi sự đời nữa đấy thôi.

Hai người ấy tưởng nàng Lê Công-Vị quên mình nên không dám than thở gì với thân-phụ nàng chỉ ngấm-ngầm nuốt sầu ngậm tủi, chẳng dám nói ra.

Ngày hôm trước ngày ông Lê Phúc-Lộc bước ra khỏi đất Si-bê-ri thì hai người kia lại từ-giã ông cho bớt nỗi đau lòng lúc phân chia, thôi thì bàn huyên kể nỗi, nào nghĩa, nào tình. Mãi đến 9 giờ đêm hôm ấy hai người mới ở nhà ông Lê Phúc-Lộc bước chân ra.

Khi hai người vừa ra khỏi cửa thì vợ chồng ông Lê Phúc-Lộc nghĩ đến bạn mà lệ rơi chan chứa, sau ông bà cất tiếng mà rằng :

— Còn ta không quên hai người cố-hữu ta đâu, chắc con ta còn chờ dịp hay khác xin cho bạn ta đấy thôi.

Hai ông bà sắp sửa đi nghỉ thì ngoài cửa có tiếng gọi. Tiếng gọi này là tiếng người lính trạm. Người này lại dinh quan huyện thì ngài đi vắng. Người lính ấy biết nhà ông Lê Phúc-Lộc nên đến đưa tin cho ông bà biết rằng 2 người bạn kia cũng được đại-xá.

Ông Lê Phúc-Lộc vội đưa người lính trạm đến nhà hai người thân-hữu mình.

Từ lúc 2 người tù-nhân từ-giã bạn ra về, nằm vật trong xó tối nghĩ những nỗi khổ hiện-kim mà đau đớn tâm can, tưởng tượng đến cái tương-lai ghê gớm mà rùng mình sởn ốc.

Hai người đang buồn rầu, lo sợ như thế thì thấy người gõ cửa có tiếng quen quen gọi :

— « Mau mở cửa, có hoàng-ân cho cả hai bác nữa đây, mở ra. »

Vài phút nữa thấy trong túp nhà tranh đó có những câu :

— « Hoàng-ân ! Trời phù - hộ cho

hoàng-gia thiên-niên bình - trị! Trời phù-hộ cho cô Lê Công-Vị được sung sướng muôn phần!»

Thật chẳng bút nào tả cho hết những nỗi vui mừng trong cái hàn - ốc ấy đương lúc bấy giờ.

Quan huyện sở-tại lúc về nhà được tin có lính trạm tìm, nên vội lại ngay nhà hai người tù-nhân. Lúc xé phong bì thơ ra thấy có hai cái giấy thông-hành và một phong thơ của nàng Lê Công-Vị gửi cho hai thân nàng.

Trong thơ nàng nói nàng được tin nhà vua đại xá cho hai người bạn kia, nàng không dám xin thêm tiền lộ - phí cho hai người nữa. Nàng gửi cho hai người ấy 200 đồng tiền *rúp* để tỏ lòng biết ơn hai người đã đưa tiền giúp nàng khi nàng sắp bước chân ra khỏi đất Si-bê-ri.

Nàng Lê Công-Vị thụ-pháp ở Kim-An, nhưng nàng muốn ra tu ở Ni-ninh là nơi nàng đã hứa với bà thượng quan trong nhà đạo. Nàng viết thư cho bà. Bà mừng lắm, mong mỏi chờ nàng.

Khi nàng tới Ni-ninh, bà thượng-quan và nhiều nữ-đạo-sinh ra tận cửa nhà thờ, đón nàng. Nàng qui xuống chân bà thượng-quan rồi hỏi :

— Bà có nhận được tin gì của thân-phụ tôi không?

Bà Thượng-quan rằng:

— « Con vào trong này. Con sẽ được tin hay lắm »

Bà không cho nàng biết trước rằng song-thân nàng đã ở đấy rồi và cái tin nàng sắp đến Ni-ninh bà cũng không cho song-thân nàng rõ. Bà dẫn nàng vào không nói thêm gì nữa. Còn những nữ-đạo-sinh kia cũng chẳng nói chẳng rằng.

Nàng vào đến phòng bà thượng-quan ông bà Lệ-Phúc-Lộc trông thấy con mình mặc áo nhà tu lấy làm ngạc-nhiên rồi qui xuống trước mặt con. Người thiếu-nữ vội qui xuống rồi cất tiếng mà rằng :

— « Cha mẹ làm gì cho nặng tình như vậy ! Đức chúa Trời đã làm ra cả đấy, ta nên cảm tạ đức chúa Trời mà cầu nguyện đi thôi. »

Bà thượng-quan cùng những nữ-đạo-sinh kia thấy vậy cũng qui xuống. Bà hiền-mẫu cô thiếu-nữ nhìn cái áo nhà tu của con mình mà chứa chan giọt lệ.

Luật nhà tu nhiệm-nhặt nên ông bà Phúc-Lộc lại không được gần con nữa, nỗi phân chia này mới đau đớn hơn lần phân chia kia, vì lần này thật không còn hi-vọng chi nữa.

Bà Phúc-Lộc còn song-thân ở La-định nên hai ông bà từ giã Ni-ninh mà ra đó làm ăn.

Trong 8 ngày trời hai ông bà bâng-khuâng nghĩ ngợi, nửa lo nửa mừng thì một hôm bà hiền-mẫu cô Lê-Công-Vị cất tiếng mà rằng.

— « Ta được ra khỏi nơi cầm hãm mà phải xa con ta thì thà rằng ở lại Si-bê-ri vợ chồng con cái hưởng thú đoàn-viên còn hơn ».

Bà thân-mẫu cô ta thường phàn nàn như thế.

Trong đời người ta thật không lúc nào đau đớn bằng lúc cùng họ hàng hay bạn hữu phân chia.

Nàng Lê-Công-Vị từ giã song-thân ở phòng bà thượng quan rồi hứa nội trong năm ấy nàng sẽ ra La-định thăm cha mẹ.

Đoạn, ông bà Phúc-Lộc cùng nàng theo bà thượng-quan và mấy người Nữ-đạo-sinh nữa ra nhà thờ cầu nguyện.

Người thiếu-nữ tuy lúc phân chia đau lòng khôn tả, nhưng vẫn nén nỗi lòng làm ra mặt tươi cười để cho thân mẫu nàng được yên tâm vững chí.

Lúc đang cầu-nguyện nàng sẽ lần đến chỗ những người nữ-đạo-sinh đang hát bài thánh-ca rồi ra đứng chỗ chấn-song mà rằng :

— « Thôi con xin từ-giã song thân, nay con là con trời rồi nhưng không bao giờ con quên song-thân đâu. Cha ơi, mẹ ơi, cha mẹ nên theo lòng trời rồi ngài sẽ dáng-phúc cho cha mẹ. »

Người thiếu-nữ cảm-động vô-ngần, dựa vào song sắt, nước mắt chứa chan.

Bà hiền-mẫu hất hoảng chạy lại chỗ con mình thì bà thượng-quan ra hiệu, cái màn che bỏ ngay xuống.

Những người nữ-đạo-sinh kia lại hát câu :

« Những người lòng ngay dạ thẳng theo luật đức chúa Trời thì sung sướng biết bao ! »

Người trong nhà đạo phải kéo hai vợ chồng ông Lê Phúc-Lộc lên xe đã chực sẵn cửa. Thế là lần này hai ông bà Phúc-Lộc trông thấy con mình lần này là lần cuối cùng vậy.

Nàng Lê Công-Vị chuyên cần theo đạo nên được nhiều người đồng-môn yếu mến. Luật nhà đạo nghiêm ngặt và nặng nề lắm, nàng đã yếu sẵn nên nàng mắc phải bệnh đau phổi.

Cái nhà thờ đó lại sây trên đỉnh núi gió thổi vào nhiều nên bệnh nàng càng ngày càng nặng.

Nàng ở đấy được một năm trời, nhiều viên y-sĩ đến thăm bệnh nàng khuyên nàng nên đổi chỗ ở vì bệnh đau phổi mà ở nơi có gió thì lại nặng thêm.

Bà thượng-quan có việc ra Sanh-bê-tách-bua nên bà định dẫn cả nàng đi.

Bà muốn để cho nàng đi thế vừa là để cho nàng được chóng khỏe, vừa là nhân ở chốn kinh - thành nàng được nhiều người yêu mến, thì nhà thờ cũng vì vậy mà được nhiều lợi thêm ra.

Lúc đó nét mặt nàng đã biến sắc kém trước nhiều lắm rồi nhưng coi cũng còn khá lắm.

Người nàng tầm-thước, mắt đen trán nở, khi trông lúc cười vẫn có vẻ buồn rầu đau đớn.

Nàng biết bệnh nàng sắp đến lúc nguy, nhưng nàng chẳng sợ hãi chi, vẫn như thường, thật giống một người thợ làm việc giỏi chờ cái thưởng của chủ vậy.

Khi việc đã xong, bà thượng-quan và nàng định về Ni-ninh.

Ngày hôm trước lúc khởi-hành nàng đi từ-giã mấy người thân-hữu đã đem xe đến đón nàng. Nàng vừa xuống xe thì thấy ngoài cửa nhà một người thân-hữu nàng có một người thiếu-nữ quần áo tả tơi. Người này thấy nàng đến cố đứng dậy móc mấy mảnh giấy trong mình chìa ra mà rằng :

— « Thưa bà cha tôi bán-thân bất-toại, tôi phải đi xin về nuôi cha tôi mà chính tôi cũng đau yếu, không biết rồi ra tôi có thể giúp cha tôi được nữa hay không. Xin bà mở lòng nhân-đức mà cứu kẻ bần-hàn. »

Nàng Lê Công-Vị tay run cầm-cập cầm lấy mảnh giấy nhận-thực nghèo khổ ấy, sực nhớ ngay đến lúc nàng ngồi ngoài cửa thượng-nghị-viện nói năng kể lể những sự khổ sở mà chẳng ai đoái tới.

Nàng nghĩ đến vậy nên cảm - tình lai-láng nàng có bao nhiêu tiền trong mình đều đem cho người kia cả rồi hứa sẽ tìm cách giúp thêm.

Trước khi nàng từ-giã bạn ở chốn kinh-thành, có nhủ bạn nên cứu lấy người nhi-nữ khổ sở kia, thì những người thân-hữu nàng đều vui lòng nhận cả.

Trước khi dời gót chốn đế-đô nàng cũng có xin bãi cái luật cấm những nữ-đạo-sinh chưa đến 40 tuổi thì chưa được thụ-pháp hẳn, nhưng xin không được.

Lúc về Ni-ninh, tới Nô-vông bà thượng quan tạt vào nghỉ trong một cái nhà thờ ở tỉnh ấy mấy ngày.

Khi nàng Lê Công-Vị ở đấy thì có một người nữ-đạo-sinh muốn làm thân với nàng, vì cô ta cũng có một người chị tu ở Ni-ninh.

Nàng Lê Công-Vị lại là bạn thân với chị cô này, nên nàng nói cho cô biết tin chi cô ta cũng sắp được phép đổi về Nô-vông.

Bà thượng-quan thấy nàng càng ngày càng gầy mòn yếu đuối bà hết sức làm cho nàng được ở Nô-vông vì ở đây luật nhà tu không nặng-nề nghiêm-khắc lắm.

Nàng bỏ Ni-ninh sang ở tỉnh này thì không những người trong nhà tu đau lòng thương-tiếc mà đến người ngoài phố biết nàng cũng có bụng nhớ thương.

Nàng ở đây phải bỏ ra hai tháng trời mới bảo người làm xong cái nhà gỗ có hai phòng để nàng cùng người thân-hữu ở.

Những nữ-đạo-sinh ở đây cũng yêu qui nàng lắm, thấy nàng sức yếu, nhiều người tranh nhau làm đỡ những công việc nặng-nề ở nhà tu cho nàng.

Nàng ở đây được nhiều người săn-sóc trông-nom giúp đỡ như thế nên mới sống được đến năm 1819.

Dù lúc trước nhiều người y-sĩ thấy bệnh-tình nàng đã đem lòng chán nản, nhưng nàng vẫn vững tâm, nàng vẫn nói nàng chưa đến ngày tận số.

Chắc rằng đức Chúa Trời phù-hộ nàng mà làm cho nàng được phấn-chấn trong lòng, không biết bệnh mình đã nguy-nan, cái chết nó đã đứng chực sau lưng rước đón.

Trước hôm nàng tị-trần nàng cũng hãy còn khoác áo lông chiên, đi dạo ngoài biên trông vẻ khoan-khoái hơn những ngày khác nhiều. Nàng dạo chơi xong rồi ngồi xuống cửa nhà thờ ngắm cảnh.

Mặt giời thảm đạm mùa đông làm cho nàng trong lòng phấn khởi, vừng tuyết trắng xóa làm cho nàng nhớ cảnh gian truân lúc ở Si-bê-ri.

Đoàn xe chở bộ-hành vùn vụt chạy qua mặt nàng làm cho tâm nàng thổn thức hãy còn hi-vọng ở đời.

Nàng cất tiếng bảo bạn rằng :

— « Nếu mùa xuân sang năm nhờ trời tôi khỏe thêm chút nữa tôi sẽ ra La-định thăm thầy mẹ tôi. Lúc đó bác đi với tôi một thể cho vui nhé. »

Nàng nói vậy thì đôi mắt lóng lánh tỏ nỗi vui mừng nhưng cái chết oan-nghiệp nó đã đến môi nàng rồi, mà nàng không biết.

Người bạn cố gượng tươi cười và cố cầm giọt lệ sắp rơi mà không đáp lại.

Ngày hôm sau mồng tám tháng chạp là ngày lễ thánh Barbe, nàng cũng hãy còn ra nhà thờ cầu nguyện nhưng buổi chiều hôm ấy hồi ba giờ nàng đã thấy trong mình khó chịu, nàng để cả áo ngoài nằm xuống giường nghỉ.

Lúc đó trong phòng nàng có nhiều người nữ-đạo-sinh, không biết rằng nàng sắp đến lúc nguy, cứ cười cười nói nói, cốt ý làm cho nàng được vui lòng hả dạ, nhưng có biết đâu họ làm như vậy thì nàng lại nhọc mệt thêm ra.

Khi nàng nghe thấy tiếng chuông đánh, báo cho biết giờ cầu nguyện buổi chiều thì nàng giục chị em đi ra mà rằng :

— « Hôm nay các bác cầu nguyện đức Chúa Trời cho tôi được khỏe mạnh, trong vài tuần lễ nữa các bác sẽ cầu nguyện cho linh hồn tôi được lên thiên-đàng. »

Những người kia đi ra còn người thân-hữu nàng ở lại ngồi bên cạnh nàng. Nàng bèn bảo bạn đọc cho nàng nghe bản kinh buổi chiều.

Người bạn quì xuống gần giường nàng rồi cất tiếng hát bài thánh ca, nhưng vừa hát được đoạn đầu thì nàng mỉm cười giơ tay vẫy bạn. Người bạn lại gần nàng lắng tai nghe thấy nàng nói:

— « Bác ơi, thôi bác đừng hát nữa, sẽ cầu nguyện để tôi cầu với. »

Người bạn lại về chỗ cũ quì xuống cầu nguyện.

Cô Lê Công-Vị nằm trên giường cầu nguyện, thỉnh thoảng lại làm dấu chữ thập

Lúc đó trời đã tối.

Những người nữ-đạo-sinh kia khi cầu nguyện xong cầm đèn vào phòng người thiếu-nữ thì nàng đã thăng-thiên-đàng lúc nào không biết.

Nàng nằm ở giường tay phải để lên ngực và cứ trông những ngón tay nàng thì biết lúc gần từ trần nàng có làm dấu chữ thập cầu nguyện đức Chúa-Trời.

Hết

Vũ Công-Nghi
dịch thuật

(Dịch-giả dịch xong bài tiểu-thuyết này không thể không sinh mối cảm-tình. Vì vậy nên không quản nôm na, nhân ngẫu-hứng giãi mấy hàng kính người hiền-nữ).

Lê Công-Vị hiếu-nữ đề-từ

Ấy mới ngoan ấy mới tài,
Nữ-nhi mà thế ít người lắm thay.
Trò đời nhiều việc chuyền xoay,
Càng khe khắt lắm dạ ngay càng lừng.
Càng nguy-hiểm càng lạ-lùng,
Thanh - danh càng thọ ngang cùng [nước non.
Trời còn danh tiếng hãy còn,
Qui thay cái tấm lòng son người đời!
Công hầu khanh tướng ai ơi,
Thanh danh tưởng cũng ít người lắm [thay.
Dễ thường kém nữ-nhi này,
Dễ thường mục với cỏ cây đi rồi.
Thẹn thay tai mắt ở đời,
Tiếng thơm chịu kém cả người nữ-nhi!
Vinh thay cái tiếng cô Vi,
Lòng son dạ sắt tri-tri ai bằng!
Kính thay cái chí khăng-khăng,
Một lòng chí-hiếu qua băng chẳng nài!
Vượt đèo qua núi xông gai,
Tấm thân liễu yếu không nài gió sương.
Xa xa biết mấy dặm trường,
Mà lòng đã quyết nắm sương cũng là.
Một mình thân gái dường xa,
Bâng khuâng nào biết ai là người quen.
Biết bao vận khổ hồi đen,
Lòng kia cam chịu đôi phen khóc thầm.
Hiểm sâu là cái nhân-tâm,
Lòng kiên như thế khôn cầm lệ rơi.
Than ôi! cái thói ở đời,
Người đời qui của hơn người ghê chưa!
Bao lần giải gió giầu mưa,
Cứu cha vừa được, nguyền xưa đã thành.
Một niềm mộ đạo cầu kinh,
Chẳng bao cô đã bỏ mình trần-gian.
Hồn cô lên tới Thiên-đàng,
Thảnh-thơi trông xuống trần-gian cô cười.
Cô cười cái thói trò đời.
Miệng thời thơn-thớt, bụng thời hiểm-sâu.
Vì tiền mà hại lẫn nhau,
Lương-tâm hình đã đi đâu mất rồi.
Thôi thôi thôi thế thì thôi,

Nào ai mẫn thế, ưu thời nghĩ sao ?
Việc đời tuy ngán biết bao,
Người đời xin chớ xôn-xao chán đời.
Chán đời khó lắm ai ơi,
Nên đem tài trí giúp đời mới ngoan.
Trò đời bao việc chan chan,
Người bần giúp sức, người ngoan giúp tài.
Kính người hiếu-nữ như ai.
Thương đời nên giãi mấy lời nghe chung. (1)

VŨ CÔNG-NGHI

THỜI-ĐÀM

Hội-đồng tổ-chức cuộc Hội-chợ Hà-nội năm nay. — Hồi 10 sáng hôm 27 vừa rồi Hội-đồng tổ-chức cuộc Hội-chợ họp tại phòng Thương-mại. M. Sauvage chánh phòng Thương-mại làm chủ-tọa. Các đại-biểu các báo Tây, Nam đều đến dự cả.

Khi ông hội-trưởng thuật xong công việc mà tòa Trị-sự đã làm từ kỳ hội-đồng trước thì ông hội-viên của hội-đồng định thể-lệ và ông nghị-viên của hội-đồng coi về việc quảng-cáo tuyên đọc hai tờ biên-bản.

Tòa trị-sự đã xin tòa Đốc-lý Hà-nội giao cho những giấy-má về các cuộc Hội-chợ trước và có xin quan Đốc-lý giúp sức thêm cho thì ngài có hứa sẽ trích tiền trong sổ chi-tiêu thành-phố để may quần áo dấu mới cho những phu gác ở Hội-chợ.

Tòa trị-sự cũng có nhờ các phòng Thương-mại các xứ trong cõi Đông-Pháp tổ-chức các tiểu hội-đồng trị-sự để giúp đỡ mọi việc thì mới có phòng thương-mại Sài-gòn trả lời rằng sự tổ-chức các tiểu-hội đồng các xứ cũng chưa cần vội, nhưng phòng ấy cũng ưng giúp sức tòa trị-sự.

Tòa trị-sự đã điều-đình với sở Thương chánh để tạm miễn các thuế thông-hành và thuế tiêu-thụ các hàng-hóa đem đến bày ở Hội-chợ khi bán xong mới phải nộp những thuế ấy. Những người có hàng-hóa đem đến Hội-chợ có thể đến sở Thương-chánh xin giấy tạm miễn thuế đồ vật của mình.

Tòa trị-sự đã viết giấy xin các công-ty vận-tải giảm tiền cước cho hàng hóa và cho chủ các hàng-hóa các nơi đến dự cuộc Hội-chợ thì các công-ty vận-tải bản xứ đều ưng-thuận cả. Còn hãng tàu biển Năm-sao nay mai sẽ trả lời.

Tòa trị-sự xin tòa Đốc-lý Hải-phòng và Hội-đồng thành phố Nam định chịu tiền đi tàu cho các viên đại-biểu các nơi ấy dự cuộc Hội-chợ, thì tòa Đốc lý Hải-phòng và hội-đồng thành-phố Nam-định đều ưng thuận.

Tòa trị-sự có xin quan Toàn-quyền trợ-cấp cho Hội-chợ thì ngày 22 tháng sáu tây vừa rồi ngài có nghị-định trợ-cấp cho Hội-chợ 15.000 đồng bạc. Tòa trị-sự đã lĩnh món tiền này rồi. Hội-đồng thành phố Hà-nội cũng trợ-cấp cho Hội-chợ một món tiền 2000 bạc, thì quan đốc-lý định rằng tiền lương những phu gác Hội-chợ phải tính ở món tiền này chứ sổ chi-tiêu thành-phố không trả cho. Nhưng sau hội-đồng trị-sự có nói với Hội-đồng thành phố rằng số tiền lương của phu gác là thuộc về sở Lục-lộ chịu thì hội-đồng thành-phố cũng đã bằng lòng.

Tòa trị-sự lại có xin các quan thủ-hiến các xứ, các quan xã-trưởng và các phòng Thương-mại các tỉnh trợ-cấp cho thì phòng Thương-mại Hải-phòng có hứa trợ-cấp cho 1000 đồng ; phòng Canh-nông có hứa giúp 200 đồng ; Chánh-phủ Bảo-hộ Trung-kỳ có hứa giúp cho 1.000 đồng.

Cứ như tờ trình của hội-đồng định thể lệ thì hội-đồng ấy xin rộng cho các nhà đại-biểu ở bên qui-quốc cũng được đại-diện các hiệu ấy ở cuộc Hội-chợ. Hội

(1) Bộ tiểu thuyết này sắp in ra sách riêng để bán.

đồng cũng xin cho cả những người buôn bán hoặc kỹ-nghệ ở bên Á-đông này trú-ngụ ở Đông-Pháp mà cũng theo pháp luật như người bản - xứ cũng được dự cuộc Hội-chợ.

Hội - đồng có định giá các gian nhà chứa hàng-hóa ở Hội-chợ như sau này:

Hai dẫy ngay cửa vào Hội-chợ thì 16 gian giá 20 đồng một gian ; 6 gian 30 đồng một gian ; 4 gian 50 đồng một gian.

Các gian bên đường về nhà ga từ số 1 đến số 10 không cho thuê, còn những gian từ số 11 đến số 20 thì giá là 10 đồng một gian.

Các gian ở đàng sau Bảo-tàng-viện, cùng theo một dẫy ấy, thì từ số 223 đến số 239 giá là 5 đồng một gian. Còn những gian ở đàng sau Bảo-tàng-viện mà đàm dọc lại từ số 159 đến số 222 thì 4 đồng một gian.

Xem như thế thì giá các gian nhà chứa hàng hóa năm nay hạ hơn mấy kỳ Hội-chợ trước nhiều. Lời bày tỏ của các báo-chương tưởng cũng có đôi chút ảnh hưởng vậy.

Hội-đồng ấy lại có soạn một bản điều lệ của hội-chợ và một bản điều-lệ cuộc đấu-xảo hàng năm về mấy thứ sản-vật của Đông-Pháp. Năm thứ nhất thì đấu-xảo các thứ da thuộc, các đồ lưu-trữ, các thứ giầy dép, các đồ gỗ, các đồ bằng ngà, bằng đồi-mồi, bằng sừng bằng xương, vân vân... của người bản-xứ chế-tạo. Năm thứ hai thì đấu-xảo các đồ thêu, các đồ đen, các thứ quạt, chiếu, chè, đồ bạc vân vân... của người bản-xứ làm ra. Năm thứ ba thì đấu-xảo các thứ bàn chải, các đồ ngựa, các thứ the lụa, các thứ dây gai, đay, các đồ trẻ con chơi vân vân ..của người bản-xứ làm. Năm thứ tư thì đấu xảo các thứ dầu các đồ bằng sắt tây, các đồ ảnh, các thứ bột, đồ cần v. v. của người bản-xứ làm.

Cuộc thi các sản-vật này năm nào đến kỳ hội-chợ thì hội-đồng cũng đặt riêng cho mấy gian nhà tại hội-chợ. Những nhà có đồ khéo đem đến đấu-xảo thì được thưởng. Số tiền thưởng mỗi năm là 1.000 đồng.

Chỉ những nhà có thuê gian hàng cùng những nhà có đồ vật đấu-xảo mới được vào dự hội-chợ và cuộc đấu-xảo ấy.

Sau hội-đồng xét cái trương-trình việc quảng-cáo của M. Cucherousset, chủ-nhiệm báo Eveil Economique, trong trương trình M. Cucherousset bàn nên gửi những điện-tín quảng-cáo cho nhà điện-báo Reuter ở Hồng-kông, cho nhà điện-báo Aneta ở Batavia. Các điện-tín ấy là cốt để cổ-động các nhà doanh-nghiệp, các nhà du-lịch ngoại-quốc đến thăm xứ Bắc-kỳ trong kỳ hội-chợ.

Còn việc quảng-cáo ở thuộc-địa thì M. Cucherousset bàn nên đăng các bài cổ-động vào trong các báo Tây, Nam, chiếu các phim ảnh về hội-chợ trong các rạp chớp ảnh, in cartes postales về hội-chợ cùng in các sách quảng-cáo về hội-chợ. Ông nhận trông nom giúp hội-đồng việc ấy và ông tính tiền phí tổn về việc quảng-cáo này tốn đến 2.000 bạc. Hội đồng ưng thuận cái chương trình của M. Cucherousset

Đến hơn 11 giờ thì hội-đồng giải-tán.

. . .

Cuộc thi thơ đề đền hai Bà Trưng nữ-vương. — *Trong tháng mới rồi cô Ngô Thị-Quyên có nhờ tòa báo Trung-Bắc lại mở cuộc thi thơ lấy một bài ngũ-ngôn để đền Hai-bà, đó cũng là một cuộc tưởng-lệ cho quốc-văn, mà lại hay ghi nhớ được lịch-sử hai Bà Trưng-vương là bậc anh-hùng trong nữ-sử.*

Những thơ đấu-cảo đến 630 bài, toà báo Trung-Bắc có tổ-chức một hội-đồng chấm thơ, lựa-chọn được có năm bài ưu hạng, nhưng cũng chưa bài nào được toàn-bích. Thế mới biết nghề thơ là khó, mà thơ làm bằng quốc-văn lại càng khó

hơn ; đương lúc Hán-văn sắp thoái-vị, quốc-văn mới phôi-thai này, nên phải thường lưu-tâm tưởng-khuyến đến nền văn quốc-túy, thời mới có cơ chóng phát-đạt lên được.

Cuộc thi thơ mới rồi có bài của ông cử-nhân Hoàng Thúc-Hội, ai cũng cho là đặc sắc hơn. Bản-chí lại mới tiếp được ông gửi bài cảm-tình về cuộc thi-thơ, vậy cũng vui lòng mà lục-đăng bài thơ của ông và bài lai-cảo của ông như sau này :

Thơ

Ngựa Gióng đã lên không,
Rừng Thanh voi chửa lồng.
Một chồi hoa nụ Lạc,
Muôn dặm nước non Hồng.
Trăng tỏ gương hồ Bạc,
Mây tan dấu cột đồng.
Nén hương lòng cố quốc,
Xin khấn một lời chung.

Mối cảm tình cuộc thi thơ. — Tháng năm năm tuất, trong tuần hạ-cán, cuộc bình thơ ở nhà hội Khai-trí-tiến-đức thật là một cuộc vui thanh-tao phong-nhã chốn văn-đàn, và thật là một cuộc có ảnh-hưởng tinh-thần trong xã-hội. Nguyên nhân có hai : Một là luyện tiếng quốc-ngữ, đúc hồn quốc-văn ; cung nam xen cung bắc, góp thành bộ nhạc có thanh-âm, có tiết-tấu, có phong-tao, cho người đội mũ phương Nam, nói tiếng phương Nam mà không đến nỗi Tịch-Đàm vong-tổ. Hai là các nhà làm thơ, 630 nhà, nghĩ tám câu thơ, tất là nghĩ đến sự-tích, tất là nghĩ đến công-nghiệp hai Bà Trưng nữ-vương trên lịch-sử nước ta ; người làm kẻ đọc, đấy nói đây nghe, tức là có mấy lần 630 người lại động lòng kỷ-niệm. Một cái đề-mục mà được biết bao tinh-thần sâu-xa, ý-vị rộng-rãi, chiêu được hồn thơ trong giấc mộng hơn hai mươi năm, in công đức hai Bà vào hai mươi nhăm triệu bộ óc. Một cuộc văn-chương, tấc lòng cố-quốc, nên mới có hai mối cảm tình như sau này :

Bây giờ vận-hội mở mang, buổi đời tranh-cạnh, phi-đĩnh nghiêng trời, khái-cơ rẽ đất ; người ta đương xô đẩy lên con đường thực-dụng, còn lo sức chưa đủ, tài chưa cân ; huống chi tình-hình xã-hội ta nay, còn non nớt lắm, còn thiếu thốn nhiều, lại muốn dắt nhau làm những sự hư-văn, dán mình xuống chiếu, đọc phú ngâm thơ, véo von như khướu hót, rỉ-rỉ như dế kêu ; thật là một chứng sài rên, không thuốc nào chữa được. Cái huy-hiệu « hủ-bại » kia không đợi người ta chê, mà mình cũng tự nhận lấy.

Nhưng mà văn-chương là bao nhiêu anh-hoa tinh-túy của tạo-hóa phú riêng cho người văn-sĩ, không cứ dân nào nước nào, có nước phải có văn, có văn mới có hồn, nghĩ ra văn-chương cũng có quan thế-vận. Kia như các nước văn-minh, lên đường tiến-hóa, nước nào cũng nhờ công các nhà văn-sĩ, như Lư-thoa, như Đạt-nhĩ, như Mạnh-đức-tư-cưu, đem tơ tưởng đặt thơ văn, khua chuông đánh trống, trỏ nẻo đưa đường, có ngôn-luận rồi có thực hành, có tạo-nhân rồi có kết-quả, để dẫn trình-độ nhà nước lên cực điểm văn-minh. Như khúc Hoài-nam dời đức Gia-Long ta đọc lên ai cũng có lòng cảm động. Như thế thì văn-chương chả cũng quan-hệ lắm ru !

Ta xưa theo học Hán-văn, cái tiếng Hán-văn thấm vào tiếng ta đã gần như một vệt. Dẫu xưa ông Hàn Thuyên là tổ-sư làm ra thơ phú nôm, văn dẫu không truyền, song thể cách chắc cũng phải theo Hán-tự. Đến sau tài như cụ Nguyễn Du, hay như truyện Thúy-Kiều, xã-hội từng công-nhận là nam-âm tuyệt-xướng, mà trong truyện dùng biết bao điển-tích Hán-tự, mượn biết bao tinh-thần Hán-tự mới tổ-chức được quyển truyện như thế. Tức như cuộc thơ bây

giờ, giá làm bằng thơ Hán-tự 40 chữ mà xen 20 chữ nôm vào, đọc lên chắc ai cũng phải vỗ tay, ôm bụng mà cười; thế mà làm bằng thơ nôm 40 chữ dùng 20 chữ Hán-tự, đọc lên nghe cũng thuận điệu cũng êm tai, thế mới biết tinh-thần chữ Hán ở trong chữ Nôm cũng như chữ La-tin ở trong chữ Français vậy. Nếu bảo rằng cuộc tương-lai này, dân-trí mỗi ngày một mở, học-thức mỗi ngày một hay, không phải dùng Hán-tự mà quốc-văn ta cũng tự-nhiên được như gấm như hoa, thời cũng không dám chắc. Xem như Nhật-bản là một nước văn-minh ở cõi Á-châu, há lại không hay họp những người thông minh trong nước lại mà đặt quốc-văn riêng ư? thế mà xem các sách vở nước ấy sách thảm thúy thời vẫn dùng chữ Hán, sách nông nổi thời nửa chữ Hán nửa chữ Hòa, đến như nhật-báo, đơn hàng cũng vậy, Hán-tự vẫn không bỏ được. Thế thời biết các nước trên địa-cầu không nước nào đủ tiếng đủ chữ tất cũng phải mượn chữ mà nung đúc lại làm ra một thứ quốc-văn riêng của mình. Như thế thì nước ta về tương-lai này cũng không thể bỏ hẳn được Hán-tự. Từ khi thôi thi chữ Hán, xã-hội ta khuynh-hướng về đường tân-học, văn-chương chữ Hán không ai ôn-tập đến nữa, Hán-văn thế tất mỗi ngày một tiêu-diệt đi, thì sợ rằng văn quốc-âm cũng mỗi ngày một kém cỏi. Nên ta đối với cuộc thi thơ này mà sinh mối cảm tình.

Người nước ta ở trên cõi Á - Đông này, nhờ ai mà ta được hưởng cái hạnh-phúc trên lịch-sử mấy nghìn năm tới nay, công lao gây dựng từ đâu? kể các bậc anh-hùng cũng đã lắm, mà kể bậc nữ-kiệt thì chỉ có Hai-Bà và bà Triệu mà thôi. Nhưng công bà Triệu không bằng hai Bà, hai bà thật là bậc nữ-anh-hùng độc-nhất vô-nhị trong nước ta, ta chả nên kỷ-niệm, nên sùng-bái lắm ru?

Tục nước ta phụng đa-thần giáo, mà việc phụng thờ việc tín-ngưỡng thực là lạc lối lầm đường; như thờ đức Trần Hưng - Đạo không biết nhớ về công phù Trần, mà phần nhiều chỉ mê-tín về sự Phạm - Nhan tiền kiếp; thờ đức chúa Liễu, không biết mộ về đường trinh hiếu, mà phần nhiều chỉ mê tín về sự nước thải tàn hương. Còn như khăn trầu áo ngự, bóng cậu đồng cô, chuốt lục tô hồng, tìm hoa đố lá, trước cửa thanh-hư, bày ra lắm trò bỉ-tạp, những sự mê-tín nhảm kể sao cho xiết. Đến như đền hai Bà sao không biết mà hương-hoa, sao không biết mà sùng-bái; thờ cúng chỉ phó mặc làng Đồng-nhân nhỏ mọn; đèn nhang chỉ giao mặc sư tiểu bên chùa; lễ quốc-tế đã không, hội hành-hương lại vắng; còn lấy gì làm tinh-thần trong nước, còn lấy ai làm hình-thức nữ-lưu? Nên ta đối với cuộc đề thơ kỷ-niệm hai Bà mà lại sinh mối cảm-tình.

Hai mối cảm-tình ấy chắc cũng là cảm-tình chung, ta chả nên lưu-tâm mà bảo-toàn lấy quốc-túy đó ru?

Nay nhờ nhà nước Đại-Pháp lấy công-nghĩa, nhân-đạo mà bảo-hộ nước Nam ta. Hán-tự dẫu thôi thi mà các trường vẫn lưu một học-khóa để dạy chữ Hán; các nơi cổ - tích như đền Hùng-vương, tượng Lê-Tổ vẫn được phép tu-tạo sửa sang.

Vậy ta nên thể cái ý ấy, bảo-toàn lấy Hán-tự, bảo-toàn Hán-tự, không phải như là chi hồ giả giã lối học ngày xưa, phải phiên-dịch các sách, tìm tòi điển-tích cho thêm nhiều văn-liệu, giữ lấy tinh-thần, để tổ-chức lấy nền văn nôm, thì quốc-âm ta mới mong có thể phát-đạt được.

Ta lại nên dóng dả sửa sang chỗ thờ phụng để tỏ lòng tôn-kính kỷ - niệm hai Bà. Nhà nước Bảo-hộ chắc cũng vui lòng tán thành cho.

Cái đó dẫu rằng trách-nhiệm quốc-

dân, mà khua chuông cảnh-tỉnh, trách-nhiệm cũng có mấy phần về nhà báo.

Mối cảm-tình, lời luận-thuyết này không biết có phải không? xin thỉnh-giáo trong văn-bào xã-hội.

HOÀNG THÚC-HỘI

. . .

Lễ kỷ-niệm năm thứ ba mươi của Hội Trí-tri. — *Đồng-bào ta ai cũng biết rằng Hội Trí-tri ở thành phố Hà-nội là một hội có công mở mang Pháp-học, sáng-lập ra trước nhất, thấm-thoát đã được đến tam-thập chu-niên, ngày hôm thứ bảy, chủ nhật,* 17 18 *Juin mới rồi có làm lễ kỷ-niệm rất là long-trọng. Sáng chủ-nhật có phát phần thưởng cho học trò các lớp của hội; các quan Bảo-hộ đại-hiến cùng các thân-hào hội-viên đến dự cuộc phần-thưởng rất đông, ông Hội-trưởng Nguyễn Qui-Toản có đọc một bài diễn-thuyết bằng Pháp-văn kể cái lịch-sử của Hội; rồi đến ông Đào Trọng-Đủ là đốc-học các lớp học cũng đọc một bài nói về sự nghỉ hè. Quan Đồng-lý Poulin có nói mấy lời đáp lại. Buổi tối các quan và các hội-viên cùng đến dự tiệc mừng ngày hội kỷ-niệm, có hát múa bài-bông, rất là vui vẻ. Khi đến tiệc champagne, ông hội-trưởng có đọc bài diễn-văn để kỷ-niệm cái công-lao của các ngài sáng-lập và tán-trợ Hội, cùng là khích-khuyến các bậc anh-niên tân-học; quan Khâm-sứ Tissot có đọc một bài bằng Pháp-văn, đã dịch đăng ở các báo, bài diễn-văn của ông hội-trưởng nguyên bằng Việt-văn, nay lục đăng như sau này:*

Bẩm các quan,

Thưa các ngài,

Hôm nay là ngày lễ Tam-thập chu-niên kỷ-niệm hội Trí-tri ta, tôi được cái danh-dự đặc-biệt được hoan-nghênh các quan và các ngài đến dự khánh-lễ Hội chúng tôi, tôi xin thay mặt Hội mà cảm tạ các quan và các ngài đã vui lòng đến dự lễ.

Trong bài diễn-văn tôi đọc sáng hôm nay khi phát phần thưởng cho học-sinh các trường Hội, tôi đã kể qua mục-đích và công-nghiệp Hội trong khoảng 30 năm.

Bây giờ ta cùng nhau dự khánh-tịch ở nhà công-quán này, là cái nhà đã trải 30 năm sương nắng mà vẫn có vẻ nguy-nga tráng-lệ hơn xưa, lại điểm thêm đèn điện sáng trưng, quạt máy mát mẻ.

Trong một nhà Hội tân-học mà có đủ cả không - khí thanh - sảng, điện-khí văn-minh, cũng đủ chứng - minh rằng có phần tiến-bộ.

Mà nói đến những người thường tới lui trong Hội-quán này hoặc là hội-viên hoặc là học-sinh, thường khi đàm-đạo những việc công-ích, hoặc nghe giảng tập sách vở, những người ấy có phần tấn tới hơn xưa. Khách lữ-thứ đi qua đây, 20, 30 năm về trước, dẫu vô - tình mà nay qua đây cũng phải nhận biết rằng ánh-sáng văn-minh đã chiếu sáng rực-rỡ ở nhà Hội này.

Khi nhà Hội ta mới thành - lập, chỉ có ít người dạy bảo lẫn nhau, chuyên giảng Pháp-văn để mà thấu-hiểu văn-minh học-thuật Đại-Pháp, mà ngày nay kể có hàng trăm hàng nghìn người hằng ngày tới lui trong nhà hội-quán để nghiên-cứu học-thức, đào - luyện tính-tình để thành người có tài có đức.

Như vậy xét về đường hình-thức và đường tinh-thần thì Hội ta đã bước lên một quãng đường tiến-bộ, mà lại có cơ-sở vững-vàng, đã từng cấu - tạo lên trải 30 năm nay.

Nay ta được hưởng cái «hương-hỏa» vĩ-đại này, nếu ta cứ điềm-nhiên tọa-hưởng, thì chẳng hóa ra vô tình lắm

ru ! Theo tục nước nhà, thì trong các nhà thờ họ đều có chép gia - phả để ghi công-đức tiền-nhân; khi tế-tự hội-hợp đem ra đọc để nhắc cho người sau được biết. Nay tôi cũng xin mạn phép mà chiếu lịch-sử hội ta, đem tờ gia-phả tức là hội - phả ta để đọc các ngài nghe.

Khi nước Đại-Pháp mới sang Bảo-hộ nước ta thì ta đang theo Hán-học, mà Hán-học ngay thời bấy giờ cũng không thích-thời nữa. Nhiều người đồng-bang ta hãy còn do - dự không biết nên theo tân-học hay là cứ giữ cựu-học. Nhưng cũng có nhiều người đã hiểu thời-thế theo Âu-học. rèn-tập quốc-văn và Pháp-văn thành ra một phái tân-học. Các ông tân-học ấy đã hiểu rằng muốn đem hạt văn - minh Thái-tây mà gieo trong quốc-dân ta tất phải am-hiểu Tây-học, phải lấy Pháp-văn làm cơ-quan.

Bởi lý-tưởng ấy, mấy nhà nhiệt-thành về tân-học hợp nhau lại dạy lẫn nhau, lập thành hội Trí-tri mà ngày nay ta làm lễ kỷ-niệm ba mươi năm.

Những nhà sáng-lập là những ông này : Ông Bùi Đình-Tá, ông Bùi Xuân-Phái, ông Bùi Xuân-Thái, ông Đặng Văn-Mỹ. ông Nguyễn Hữu-Long, ông Nguyễn Hữu-Sung, ông Phạm Văn-Hữu, ông Phạm Xuân - Tuyết, ông Nguyễn Tất-Đạt và một vị Quí-quan là quan Nordemann, nguyên Giám-đốc Học-chánh ở Ai-lao.

Xem những biên-bản cùng giấy mà ghi chép việc Hội, thì biết rằng ông Bùi Đình-Tá, ông Bùi Xuân-Phái và ông Đặng Văn-Mỹ có công-lao nhất với Hội.

Khi Hội thành - lập rồi thì lại nhiều nhà học-thức xin vào hội, nhiều ông sau làm chánh-hội-trưởng hay là hội-viên trị-sự, đều đã giúp hội được việc. Tôi xin kể mấy ông đã làm chánh-hội-trưởng như là: Quan Án Nguyễn Liên, quan Tuần Nguyễn Đình-Quí, quan Tham-tá Bùi Huy-Độ, quan Án Bùi Đình-Thìn, và ông danh-dự hội-trưởng Đào Văn-Sử. Ở ngoại Hà-nội thì có ông tư-vấn-nghị-viện nghị-trưởng Nguyễn Hữu-Thu và ông tư-vấn-nghị-viên Lê Bá-Tứ đã có công khoáng-trương công-việc hội ở các tỉnh, nhất là ở Hải-phòng, và Hải-dương. Chắc còn nhiều ngài đã giúp việc hội, nhưng tôi chỉ kể đây những ông thực công lao với hội ta. Nếu không chu tất, tôi xin cam chịu lỗi.

Kể từ năm 1906 về trước, ta còn khuyết-điểm nhiều; đương lúc Chính-phủ Bảo-hộ cải-lương việc học, lập hội-đồng cải-lương học-vụ, thì hội Trí-tri ta được cái danh-dự đặc-biệt, dự hội-đồng, trên yêu-cầu với Chính-phủ, dưới thể lòng quốc-dân mà mở mang việc học. Nhờ hội ta mà nhiều người thành tài đạt đức, có đủ tư-cách giúp việc nhà nước ; ấy đó là đã đạt tới cái mục-đích bốn chữ : « tiên trí kỷ trí ».

Kể các vị qui-quan đã không tiếc thời giờ đến giảng sách cùng diễn-thuyết tại nhà Hội-quán thì có Cụ-lớn Tissot, nguyên Khâm-sứ Trung-kỳ, khi cụ làm chánh văn-phòng ở phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, cụ lấy thế-lực giúp đỡ hội và lại thường đến giảng sách cho các ông hội-viên nghe. Kế đến quan Avril, Boudet, Bréaudat, Sallé, Bayle, Lemarié v. v. cũng giúp đỡ hội ta được nhiều việc.

Nhưng than ôi! trong số hội-viên tôi vừa kể ở trên này, đã nhiều ngài tạ thế. Các ngài tuy đã qua đời, nhưng công việc các ngài hãy còn ghi trong lịch-sử Hội thì ta có thể tưởng-tượng rằng các ngài « bất-tử » vậy. Nhân ngày lễ tam-thập chu-niên kỷ-niệm này, tôi xin thắp hương thay mặt Hội mà cảm-tạ công-đức của các ngài.

Còn những ngài tiên - tiếu có mặt ở tiệc này hay vắng ở đây mà khi trước đã từng giúp việc hội, nên được cái công quả ngày nay, thì tôi cũng xin thay mặt hội mà cảm-ơn các ngài.

Tôi chắc rằng hội ta vẫn còn có hy-vọng trông cậy ở các ngài, vì các ngài

đã có lịch-duyệt có kiến-thức đáng làm gương cho ta.

Còn về phần chúng ta được hưởng cái công-nghiệp vĩ-đại của các ngài, thì chúng ta đối với các bậc tiên-tiến là người kế-nghiệp, mà đối với bậc hậu-tiến là người chủ-trì, còn đối với người đồng-thời bây giờ đều là bạn đồng-chí, tức là như lời nhà Tây-nho nói rằng: « Nous sommes les héritiers de ceux qui sont morts, les associés de ceux qui vivent, la providence de ceux qui naîtront ». Vậy thì trong bạn đồng-chí chúng ta phải nên noi theo cái gương người tiến-tiến mà mở rộng con đường học-thức cho người hậu-tiến, làm cho sự-nghiệp Hội ta mỗi ngày một vẻ-vang thêm lên, chứ đừng nên chỉ điềm-nhiên mà tọa hưởng. Chúng ta nên cùng nhau hết lòng giúp công việc Hội, tức là tỏ lòng báo ơn người trước, mà tức là làm hết cái trách-nhiệm mình đối với quốc-dân.

Nay quốc-dân ta nhờ có Chính-phủ Bảo-hộ khoáng-trương việc học, xem ra cũng đã nhiều người thành-đức đạt-tài, nên ta lại mong những người thanh-niên thành đạt sau này, ai cũng nên biết trách-nhiệm, lưu tâm mà giúp việc công-ích xã-hội, tức là giúp phần tiến-hóa cho nước nhà, như thế thì Hội ta còn hi-vọng ở các người thanh-niên sau này nhiều lắm.

Vậy chúng ta đối với hội Trí-tri ta, ai cũng nên gia tâm giúp đỡ; chúng ta nên nhớ lấy câu: « lập công bất hủ» mà khuyên-miễn cùng nhau.

Xin các ngài cùng với tôi uống chén rượu này mà tung hô chúc:

Đại-Pháp vạn tuế!
Đại-Nam vạn tuế!
Hội Trí-tri vĩnh viễn!

Bài hát kỷ-niệm năm thứ ba mươi của hội Trí-tri

Thành Long-đỗ văn-minh chi học hội; ba mươi năm kỷ-niệm đấy là đây.

Hội tân-trào khi nốm cuộc gió mây; đầu trăm hội mới ra tay tổ-chức.

Đến bây giờ kẻ nọ nên tài, người kia nên đức; nhớ lấy câu «tiên tri kỳ tri».

Hội ta đây tôn-chỉ có xa gì, từ cách-trí đến tu, tề, bình, trị.

Ngoảnh lại non Nùng, trông ra nước Nhị; hội anh-tài còn vang-vẻ mãi về sau.

Cùng trong huynh-đệ xa đâu; cùng tình thân ái cùng màu non sông.

Nghìn năm tạc một chữ đồng,

.·.

Biểu thống-kê số học-sinh An-Nam ở các trường cao-đẳng trung-đẳng. — Bây giờ là cuối học-khóa 1921 — 1922, ta nên biết cái biểu thống-kê số học-sinh An-Nam ta ở các trường Cao-đẳng và Trung-đẳng để rõ cái số-mục các học-sinh ấy, tưởng không phải là vô-ích. Biểu thống-kê ấy, làm theo lối vấn-đáp, đăng ra sau này:

Hỏi. — Các trường Thành-trung Pháp-Việt (Collèges) từ khi lập ra đến giờ có được bao nhiêu học-sinh?

Đáp. — 12.500 học-sinh.

Hỏi. — Cái tổng-số học-sinh các trường Trung-đẳng bây giờ được là bao nhiêu?

Đáp. — Cái tổng số học-sinh về các bậc Trung-học hiện bây giờ được là 4.109 chia ra như sau này:

Lycée de Hà-nội.	646
Ecole primaire supérieure de jeunes filles française de Hà-nội.	407
Collège du Protectorat à Hà-nội.	801
Ecole normale d'Instituteurs à Hà-nội.	121
École normale d'Institutrices à Hà-nội.	46
Collège Chasseloup-Iaubat à Sai-gon.	486
Ecole primaire supérieure de jeunes filles française à Sai-gon.	250
Collège de Jeunes filles indigènes	

à Sài-gòn	333
Ecole normale d'Instituteurs à Sài-gòn	198
Collège de Mỹ-thọ	145
Collège de Quốc-Học à Huế	440
Collège Sisowath à Phnom-Penh	136
	4.109

Hỏi. — Cái tổng-số sinh-viên ở các trường Cao-đẳng hiện bây giờ được là bao nhiêu ?

Đáp. — Cái tổng-số sinh-viên, ở các trường Cao-đẳng hiện bây giờ được là 514 chia ra như sau này :

Ecole de Médecine	136
Ecole vétérinaire	49
Ecole de Droit	92
Ecole de Pédagogie	50
Ecole d'Agriculture	29
Ecole des Travaux Publics	103
Ecole de Commerce	55
	514

Hỏi. — Cái tổng-số người An-Nam ta đỗ tốt-nghiệp về bậc trung-học (Bacheliers) đã được là bao nhiêu người?

Đáp. — 16 người (ấy là chưa kể số người đỗ về khóa năm nay)

Hỏi. — Cái tổng số người An-Nam ta đỗ tốt-nghiệp về Cao-đẳng học đã được là bao nhiêu người ?

Đáp. — Cái tổng số người An-Nam ta đỗ tốt-nghiệp về Cao-đẳng học đến bây giờ đã được là 593 người, (ấy là chưa kể số người đỗ về khóa năm nay) chia ra như sau này :

Ecole de Médecine	Médecins	155
	Pharmaciens	19
	Sages-femmes	69
Ecole Vétérinaire		43
Ecole des Travaux Publics (Agents techniques)		211
Ecole de Droit	Section financière	14
	Section administrative	46
Ecole de Pédagogie	Section des lettres	16
	Section des sciences	7
Ecole d'Agriculture (Agents techniques d'agriculture)		13
		593

. . .

Lại hoãn việc thi-hành luật mới Bắc-kỳ. — Bộ luật mới Bắc-kỳ do nghị-định ngày 2 Décembre 1921 và hai bộ Dân-sự, Hình-sự lệ-phí giá-mục do nghị-định ngày 13 Avril 1922 tuyên-bố, đáng lẽ đến 1er Juillet này thì nhất-tề thi-hành. Song nhân Nha-môn các tỉnh đương xếp-đặt, tuyển người giúp việc chưa xong, nay lại có nghị-định ngày 23 Juin 1922 định rằng các bộ luật lệ mới ấy hoãn lại đến mồng một tháng Giêng năm 1923 mới thi-hành. Vậy các nha-môn vẫn cứ thi-hành bộ luật năm 1917 cho đến cuối năm 1922 mới thôi.

. . .

Ngự-giá Âu-du. — Kỳ trước bản-chí đã nói ngự-giá sang France từ hạ-tuần tháng Mai. Khi ngự-giá khải-hành qua các phụ-đầu, Ngài có ngự lên bờ xem qua phong-cảnh một vài chỗ, thì quan dân sở-tại đều vui-vẻ nghênh-tiếp. Trong khi vượt bể, Thánh-thể vẫn được vạn-an. Đến ngày 21 Juin, tầu Ngài ngự là « Porthos » tới Marseille, quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư Albert Sarraut cùng với quan Thống-sứ Garnier là đại-biểu của quan Toàn-quyền Long, quan Thống-sứ Guesde là Tổng-ủy-viên cuộc Đấu-xảo Marseille, quan Thống-đốc Touzet, ông Nghị-viên Outrey, quan Quận-trưởng Thibon, ông xã-trưởng Flaissières đều xuống tận tàu « Porthos » để nghênh-giá. Hoàng-thượng với quan Thượng-thư Sarraut cùng tay bắt mặt mừng để tỏ tình thân-ái một cách rất tự-nhiên, còn các quan chúc mừng một cách rất tôn trọng, rồi Hoàng-thượng ngự tới dinh Quận-trưởng, có

các quan hộ-giá theo hầu. đường ngự-giá đi qua đều có lính-tập đứng dàn hai bên.

Hoàng-thượng trú-tất tại Marseille hai ngày, theo lệ vi-hành, có quan Khâm-sứ Trung-kỳ Pasquier cùng lưu lại với Hoàng-thượng.

Ngày 24 Juin, ngự-giá tới Paris, do nhà ga Bois de Boulogne. Quan Thuộc-địa - bộ Thượng - thư đại - biểu cho Chính-phủ France nghênh-tiếp Hoàng-thượng và Đông-cung Hoàng-thái-tử; có cả quan Toàn-quyền Long cũng ra nghênh-tiếp. Quan Nguyên-soái Lasson đại-biểu cho quan Tổng-Thống ra đón và cung-chúc ngự-giá bình-an. Hoàng-thượng ngự tới thuộc-địa-bộ, có một toán kỵ-binh đi hộ-giá ; khi Hoàng-thượng ở Paris thì trú-tất tại thuộc-địa-bộ. Đoạn rồi ngự - giá tới điện Elysée, tương-kiến quan Tổng-Thống Millerand ; quan Tổng-Thống ngỏ lời cảm-tạ nước Đại-Nam đã giúp công giúp của cho nước France trong buổi đại-chiến. Hoàng-thượng nói : Ngài lấy làm vui lòng mà lại bộc-bạch với đức Tổng-Thống tấm lòng tín nghĩa và mối thân tình của ngài đối với nước France cùng là sự ghi ơn nhớ nghĩa của cả nước Nam đối với France thượng-quốc.

Đức Tổng-thống Millerand có đặt tiệc đãng Hoàng-thượng, nhân nhắc đến cái công-lao của dân Việt-Nam đã sang đánh giặc giúp nước France; ngài bày tỏ những điều kết-quả về đường chính-trị ở xứ thuộc-địa của nước France, khiến cho dân hai nước tin cậy lẫn nhau. Hoàng-thượng có nói rằng Cuộc Ngự-du này tỏ lòng ghi ơn nhớ nghĩa là một việc cao-thượng ; nước France với nước Việt-Nam thực là khăng-khít tình nghĩa với nhau không bao giờ di chuyển được.

Hoàng-thượng có ngự tới khải-hoàn-môn (*Arc de Triomphe*), đặt lên trên phần mộ người tử-sĩ vô-danh một bó hoa và một cái biển bằng bạc đề mấy chữ, vàng ý rằng : « Vinh thay những bậc anh hùng nghĩa-sĩ »

Buổi chiều Hoàng-thượng ngự đến thăm ông Nghị-trưởng Nguyên-lão nghị - viện ông nghị - trưởng thứ-dân Nghị-viện, và quan Thủ-tướng. Đoạn rồi tòa xã-trưởng đặt lễ nghênh-tiếp Hoàng-thượng rất long trọng. M. Caire là hội-trưởng Hội-đồng thành phố có đại-biểu cho thành phố Paris chúc mừng Hoàng-thượng và Đông - cung Hoàng-thái-tử.

Thuộc-địa Nông-học Bác-vật-viện có đặt lễ nghênh-tiếp Hoàng-thượng, Hoàng-thượng ngự tới viện ấy, có quan Thượng-thư Sarraut, quan Toàn-quyền Long, ông nghị - viên Outrey và các quan hộ-giá cùng đi với Ngài.

Trong khi Ngự-giá và các quan hộ-giá đi qua các nơi trong thành-phố Paris, thì nhân-dân hoan - nghênh đông lắm, ai nấy hoan-hô chúc mừng Hoàng thượng một cách rất nhiệt - thành.

Những người Đông-Pháp tại Paris rất lấy làm vui lòng về cuộc Ngự-du này, cuộc Ngự-du này sẽ là một cách rất công-hiệu khiến cho mối giao-tình của nước France với nước Việt-Nam càng thêm khăng-khít bội phần.

Ngày 25 chủ-nhật, Hoàng-thượng ngự đến xem cuộc đua-ngựa ở Longchamp ; có Đông-cung Hoàng-thái-tử, quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư Albert Sarraut, và quan Toàn-quyền Long cùng đi với Ngài. Hoàng-thượng ngự-tọa trong công-quán với đức Tổng-thống, chiều hôm ấy, Hoàng-thượng ngự đến xem diễn-kịch tại rạp hát Opéra, buổi đó diễn tấn-kịch « Faust », khi Hoàng-thượng, Đông-cung Hoàng-thái-tử cùng quan Albert Sarraut, quan Long, và nhiều vị ở Đông-Pháp vào rạp hát, thì phường nhạc thổi bài quốc-ca kính chào Ngự-giá.

Hồi 10 giờ hôm thứ hai, tại vườn Thuộc-địa Nogent-sur-Marne, có làm

lễ rất cảm-động. Hoàng-thượng ngự-tới Nogent-sur-Marne, có quan Thượng-thư Sarraut, quan Toàn-quyền Long và quan Thống-chế Joffre v. v. cùng đi với ngài. M. Henri Gourdon là hội-trưởng hội « Souvenir Indochinois » ra tận cổng vườn nghênh-giá; trong khi ấy thì toán kỵ-binh và đội Lục-quân thuộc-địa làm lễ kính chào, Hoàng-thượng ngự-tọa trên bệ phía trước kỷ-niệm-đài các tử-sĩ về ngạch quân Thuộc-địa. M. Gourdon có đọc một bài diễn-văn tán-dương cái công-lao của những quân-lính Á-châu sang đánh trận và hi-sinh tính-mệnh để báo-thù cho nước France. Hoàng-thượng ân-cần cảm-tạ; rồi ngài đặt một bó hoa quấn băng vàng và băng tam-tài ở chân kỷ-niệm-đài các tử-sĩ về ngạch quân Thuộc-địa. Đoạn Hoàng-thượng ngự tới đền thờ các tử-sĩ Việt-Nam; hai bên đường ngự giá đi qua có lính-tập An-nam đứng dàn, Hoàng-thượng ngự vào trong đền, hành lễ : Ngài thắp mấy nén hương trên bàn thờ và ban cho mấy thứ lễ-vật; Hoàng-thượng lại đặt một bó hoa trên tháp kỷ-niệm các tử-sĩ theo đạo Thiên-chúa. Buổi lễ hôm ấy ai nấy đều có vẻ nghiêm kính. Điều đó thực tỏ ra rằng hai dân-tộc nước France và Việt-Nam rất là thân-ái liên-lạc cùng nhau vậy.

∴

Phái-bộ Việt-Nam tại France. — Hội công-thương có đặt tiệc khoản-đãi phái-bộ Việt-Nam. Tiệc ấy quan Thượng-thư Sarraut chủ tọa, cực-kỳ vui vẻ, kẻ Nam người Tây cùng dâng rượu chúc lẫn cho nhau, chúc cho tình thân-ái công-thương Pháp-Việt ngày càng thêm bền chặt, ngày càng thêm thân-thiết để cùng nhau hết sức làm cho Đông-Pháp ngày càng mở-mang tiến-bộ.

Phái-bộ Việt-Nam sau khi đi thăm các chiến-trường về, thì quan thuộc-địa-bộ Thượng-thư, quan Toàn-quyền Đông-Pháp, quan hạ-nghị-viện Nam-kỳ và nhiều chức-vị khác nữa có nghênh-tiếp phái-bộ tại Đông-Pháp Kinh-tế cục. Bữa ấy, phái-bộ có tặng M. Raoul Péret, là nghị-trưởng Thứ-dân nghị-viện một cái biểu gia-hệ của đức Bá-đa-Lộc, mà M. Raoul Péret ngày nay là một người thuộc về dòng-dõi ấy vậy. M. Raoul Péret có cảm tạ lại phái-bộ, và có nói cho phái-bộ biết rằng quan nghị-trưởng và nghị-viên rất lấy làm khen ngợi sự cố gắng của nhân-dân Việt-Nam lắm.

Kính tạ

Bản-chí mới tiếp được 12 quyển **Bật-giáo xích-độc** hội tin-lành của vị Giám-mục Sơn-tây biệt-hiệu Tây-dương tiên-sinh mới làm ra gửi tặng cho Bản-chí, vậy xin có lời kính tạ.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Hội-viên mới. — Các ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, đã đăng lên báo trong số 58, nay hết hạn hai tháng, không có ai dị-nghị điều gì được nhận vào Hội kể từ 1er Juin 1922.

Vào chân chủ-trì :

M. M. Cucherousset. — Nguyễn Văn-Đinh. — Trần Văn-Nghiêu. — Trần Văn-Các. — Trần Văn-Thư — Nguyễn Thừa-Viễn. — Nguyễn Văn-Nho. — Phùng Văn-Kim. — Lương Hữu-Nhận. — Lê Văn-Chạc. — Nguyễn Xuân-Hà. — Nguyễn Văn-Truân. — Bạch Thái-Tòng. — Bạch Thái-Toán. — Bạch Thái-Đào. — Nguyễn Văn-Ất. — Georges Détrie. — Anderien Manau. — Jaspar-Jules. — Đỗ Đức-Hương. — Nguyễn-Văn-Ngọc. — Ngô Văn-Phú. — Trần-Ngọc-Cảnh. — Đoàn Rạng.

Giấy xin vào Hội. - Trong tháng Juin có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết giấy về cho Hội biết.

A. — *Xin vào chân tán-trợ hội-viên* :

M. Vương Đắc-Thiệu dit Hansufils, Hàn-lâm-viện điển-bạ, concessionnaire village de Sơn-lộ, Canton de Tiên-lữ, phủ de Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây.

B. — *Xin vào chân chủ-trì* :

1.M.Trần Trung-Trương dit Mỹ Hữu-Trương, Entrepreneur à Nam-định. (*Présenté par M. M. Mạc Đình-Tư, Lưu Thế-Điện, Bạch Thái-Sơ*).

2. — Đỗ Văn-Điều, Entrepreneur à Phú-thọ.

3. — Nguyễn Bá-Lưu, Bắc-kỳ tư-vấn nghị-viên, Commerçant à Việt-trì.

4. — Lã Quí-Trạch, Commerçant à Nam-định.

5. — Lã Quí - Lợi, Commerçant à Nam - định. (*Présentés par M. Bạch Thái-Sơ*)

6. — Trần Ngọc-Kỷ. Village de Quĩ-nhất Nghĩa-trang Đại-an Nam - định (*Présenté par M. Nguyễn Văn-Kinh dit Đắc-bằng*).

7. — Trần Quang-Huy, Directeur de la société Ích-hữu-thư-xã 18 rue des Chapeaux Hà-nội.

8. — Bùi Xuân-Thắng, Administrateur de la revue Hữu-Thanh et Ích-hữu-thư-xã, 9 Place Neyret Hà-nội.

9. — Bùi Xuân - Tiến Directeur politique de la revue Hữu-Thanh, 9 Place Neyret Hà-nội.

10. — Vương Đắc - Thái, Concessionnaire, village de Sơn-Lộ, canton de Tiên-lữ, Phủ de Quốc-oai, Sơn-tây. (*Présentés par M.M. Nguyễn Mạnh-Hướng et Nguyễn Manh-Bồng.*)

11. — Nguyễn Đình-Quế, Giáo-học, 4 route de Grand Bouddha, Hanoi.

12. — Nguyễn Ngọc-Tưởng, secrétaire à la Direction de l'Instruction Publique, village de Ngọc-hà.

13. — Vũ Ngọc - Thành dit Đức-Long, Radiotélégraphiste des stations l'Indochine Fort Bayard (Quang tchéou wan).

14. — Nguyễn Đình-Tuân, Án - sát Bắc-ninh.

15. — Văn Đức-Ngôn, Interprète à la société des allumettes 28 rue Jean Dupuis, Hanoi.

16. — Nguyễn Văn-Giai, Secrétaire à la Direction des Finances, 51 rue Neyret, Hanoi. (*Présentés par M. M. Michel Mỹ Nguyễn Văn-Tâm.*)

17. — Trần Đức-Tiến, Chủ nhà Bưu-điện château d'eau, Rue Takou, Hanoi. (*Présenté par M. Nguyễn Viết-An.*)

18. — Nguyễn Văn-Giàu, Infirmier ở nhà thương Hà - đông, quán làng Ngô-xuyên, tổng Như-kinh, huyện Văn-lâm, Hưng-yên

19. — Lê Đình-Kế, Tú-tài interprète Tribunal, Tourane (*Présenté par M. Nguyễn Mạnh-Bồng.*)